Số 154 / 9.2005 ISSN 1164-2378

F O R U M



Hồ Tây, đầm sen cuối mùa (ảnh P.Q.)

Mục lục

2 Điểm sách và sinh hoạt

Thời sự, những vấn đề

1 Xã luận — Diễn Đàn
4 Tin tức thời sự
9 Sổ tay — Phong Quang

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

11 Đọc sách — Nguyên Thanh, Đặng Tiến
13 Văn hoá truyền thống và khoa học — Hàn Thuỷ
17 Tản mạn về cái đẹp — Văn Ngọc
20 Mùa len trâu & Thời xa vắng — Phạm Hoàng Hải
22 A.Yersin và Việt Nam — Nguyễn Văn Tuấn
25 Về Cà Mau thăm Cô Tư — Tiểu Hằng Ngôn
26 Đọc sách — Văn Ngọc
27 Chiều cà phê quán nhỏ — Lê Minh Hà
29 Chị Cả Bống (*truyện ngắn*) — Phạm Lưu Vũ

2-9-1945

Độc lập Tự do Hạnh phúc...

Cách đây đúng 60 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Cùng với áng văn bất hủ ấy, ba danh từ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc được đề ra làm tiêu ngữ cho nước Việt Nam hiện đại.

60 năm đã trôi qua, thế kỉ XX đã kết thúc, cũng đã chấm dứt ảo tưởng (có lẽ phát sinh từ thế kỉ XIX) theo đó, Nhà nước – bất luận Nhà nước nào – có thể / có nhiệm vụ mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Hạnh phúc trước hết và chủ yếu là mục đích mưu cầu của cá nhân, gia đình, cùng lắm là của xã hội dân sự, nó không ở tầm với của tổ chức Nhà nước, cho dù nó vẫn là tham vọng của những Nhà nước toàn trị.

Còn Độc lập và Tự do ?

Ít có một dân tộc nào, trong thế kỉ vừa qua, phải trả giá như Việt Nam cho nền độc lập quốc gia và sự thống nhất Tổ quốc. Giá vật chất và xương máu đã đành, còn cái giá phải trả về tinh thần và tình cảm, chưa biết bao giờ dân tộc này mới thanh lí cho xong. Dẫu sao, đất nước ta đã độc lập, lãnh thổ đã thống nhất, bối cảnh khu vực cũng tương đối hoà bình.

Tự do ? Có một thời người ta cho rằng và hiện nay có người còn cho rằng trong tư tưởng của người sáng lập Việt Nam dân chủ cộng hoà, tự do đây là tự do của dân tộc, không phải của cá nhân công dân. Đó là cách suy luận khiên cưỡng, và mâu thuẫn với nhiều câu nói của người đã khuất (*đất nước độc lập mà người dân không tự do thì độc lập cũng vô nghĩa*). Sự thật là trong cuộc đấu tranh ghê gớm để giành lại độc lập và thống nhất, tự do cá nhân đã bị hy sinh. Điều đó là một sự thật, người ta có thể chấp nhận, biện minh, nhưng không thể chối cãi. Người ta có thể không chấp nhận, nhưng với cái giá phải trả là không đứng về phía dân tộc, là cản trở sự nghiệp đấu tranh cho độc lập.

Vấn đề đặt ra là một khi nền độc lập và thống nhất đã được khôi phục, tự do vừa là quyền thiêng liêng của mọi công dân, vừa là điều kiện để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, dân chủ" ngày nay vẫn chỉ được trưng ra làm khẩu hiệu. Còn từ khẩu hiệu đến hiện thực thì bao nhiêu cuốn sách trắng (nhất là viết bôi bác) cũng không đủ. Con đường duy nhất là cải tổ hệ thống chính trị, từng bước tôn trọng những quyền tự do dân chủ : ngoài quyền tự do mưu sinh, trước hết là tự do tư tưởng, tự do học thuật. Ngoài ra, chỉ là những lời nói suông và nhảm nhí.

Diễn Đàn

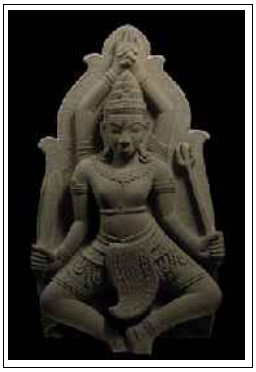
NGHỆ THUẬT CHĂM tại PARIS

Viện bảo tàng nghệ thuật Á châu GUIMET
6, place d'Iéna, 79016 PARIS,
Tél : 01 56 52 53 00 ; http://www.museeguimet.fr/
mở cửa mỗi ngày (trừ thứ ba) từ 10g đến 18g
tổ chức triển lãm

Trésors d'art du Vietnam : la sculpture du Champa

(Ve - XVe siècles)

12 octobre 2005 – 9 janvier 2006



Tập hợp những tác phẩm điêu khắc Chăm của các Viện tàng Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn, các Viện bảo tàng Guimet Paris và Lyon, Viện bảo tàng Rietberg ở Zurich

Triển lãm tác phẩm của ĐÀO DROSTE

Triển lãm thường trực các tác phẩm hội hoạ, điêu khắc, bố trí tại xưởng làm việc của tác giả :

Atelier & Galerie Dao

Eppelheim (Đức)

wasserturmstr. 56, letztes haus rechts

Liên lạc trước qua số điện thoại +49 6221 765138, hay thư điện tử về địa chỉ : dao.droste@t-online.de

www.daodroste.de

Lịch trình tấu của NGUYÊN LÊ

Tháng 10 : 15 ***Maastricht*** Fest trio + guest Huong Thanh ; 18 ***Essen***, Paolo Fresu 6tet ; 19 ***München***, Paolo Fresu 6tet 20 ***Innsbruck***, Paolo Fresu 6tet ; 22 ***Glasgow***, duo w/ Dhafer Youssef ; 26 ***Douarnenez***, trio ? .

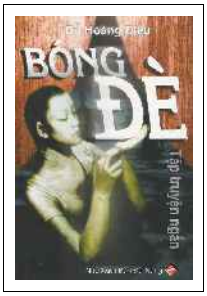
Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật :
Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giới thiệu sách đĩa mới



Đỗ Hoàng Diệu

Bóng Đè, tập truyện ngắn

Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2005

Trong những truyện ngắn của Đỗ Hoàng Diệu, toàn là những nhân vật phụ nữ, tất cả đều còn trẻ, khát khao sống, mãnh liệt sống, tràn đầy dục tính, song chắc chắn vấn đề của chị lớn hơn rất nhiều vấn đề số phận đàn bà. Những người phụ nữ của Đỗ Hoàng Diệu là những người phụ nữ phải gánh chịu " cả một quá khứ phi phàm ", bị đeo đuổi vì " một thứ tội tổ tông ", những người phụ nữ " quá thông minh nhưng quá cả tin ", có " tấm thân cong lên hình chữ S, một chữ S cố phản kháng ", song lại luôn nghĩ mình " là nô lệ …cả từ nghìn năm nay… từ khi chưa sinh ra đời "… Có phải Đỗ Hoàng Diệu đang tiếp tục con đường " văn học tự vấn ", có phần càng da diết hơn, vì lại thấm đẫm nữ tính, tỉnh táo nhiều khi đến tàn nhẫn mà vẫn thật mê hoặc.

Nguyên Ngọc



Vương Đức

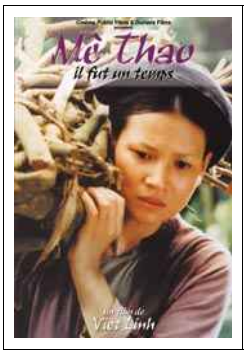
Những người thợ xẻ

Phim truyện, phỏng theo truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Huy Thiệp.

DVD số Ddvd0093 do hãng Doriane-Films phát hành, 25 €, có bán tại các cửa hàng FNAC.

Việt Linh

Mê Thảo – Thời vang bóng



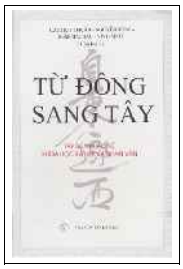
Phim truyện, phỏng theo Chùa Đàn của Nguyễn Tuân.

DVD số Ddvd0092 do hãng Doriane-Films phát hành, 25 €, có bán tại các cửa hàng FNAC.

www.doriane-films.com

Hai phim giá trị này đã được trình chiếu nhiều tuần lễ trên màn ảnh lớn tại Pháp. Lần đầu tiên, công ti Doriane-Films phát hành dưới dạng DVD. Theo những người chủ trương, công ti nhằm mang lại cho những người say mê điện ảnh những tác phẩm giá trị của Thế giới thứ ba. Công chúng chọn lọc này không nhiều, do đó, số đĩa hạn chế, giá thành cao hơn giá thành những phim đại chúng. Đây là một sáng kiến rất đáng hoan nghênh và ủng hộ.

Kiến Văn



Cao Huy Thuần, Nguyễn Tùng
Trần Hải Hạc, Vĩnh Sính (*chủ biên*)

TỪ ĐÔNG SANG TÂY

tập biên khảo về khoa học xã hội và nhân văn, Nxb Đà Nẵng, 2005, 464 trang.

Đây là tập biên khảo được thực hiện để tặng giáo sư Lê Thành Khôi (sinh năm 1923). Như những cuốn "*Mélanges*" ở phương Tây để vinh danh một học giả, tập sách này, ngoài một vài bài nói về sự nghiệp của nhà sử học, nhà giáo dục và văn hoá, tập hợp gần 30 bài nghiên cứu (khoa học xã hội và nhân văn), những tác phẩm hội hoạ và thư pháp. Đây là những công trình giá trị, đa dạng, được dư luận trong nước đánh giá cao. Ở nước ngoài, có thể đặt mua với giá ủng hộ (15 € kể cả cước phí). Thư từ và ngân phiếu gửi về : Nguyễn Tùng, LASEMA, Campus CNRS-Centre A.G. Haudricourt, 7 rue Guy Môquet, 94 801 Villejuif Cedex, France, <e-mail: ngtung@vjf.cnrs.fr>.

ĐíNH CHíNH : Do một trục trặc kỹ thuật đáng tiếc, trong số báo trước, bài « thời sơ sử... » bảng chữ cái phénicien đã không hiện hình đầy đủ. Chúng tôi xin thành thật xin lỗi bạn đọc, và xin chép lại bảng ấy ở đây :

bœuf (*'aleph* = /'/)		aiguillon (***lamed*** = /l/)	
maison (***beth*** = /b/)		eau (***mem*** = /m/)	
chameau (***gimel*** = /g/)		poisson (***nun*** = /n/)	
porte (***daleth*** = /d/)		poisson (***sâmekh*** = /s/)	
[***hê*** = /h/]		œil (*'**ain*** = /'/)	
clou (***waw*** = /w/)		bouche (***pe*** = /p/)	
arme (***zain*** = /z/)		[***san*** = /s/]	
[***heth*** = /h/]		[***qoppa*** = /q/]	
[***thet*** = /t/]		tête (***resh*** = /r/)	
bras (***yodh*** = /j/)		dent (***sin*** = /s/)	
paume (***kaph*** = /k/)		croix (***tau*** = /t/)	

Cũng xin đính chính một sai lầm khác : không phải các chữ tượng thanh được dùng trên thế giới hiện nay chỉ có nguồn gốc độc nhất là phénicien. Chữ Nhật tượng thanh có gốc từ chữ Hán, và chữ Hàn Quốc là sáng tạo độc lập. Chữ hiragana (với một biến thể là katakana) của Nhật, với 46 chữ cái, có từ thế kỷ thứ 9 tây lịch, được dùng để viết các tiếng thuần Nhật hay để phiên âm các tiếng nước ngoài, đôi khi kể cả chữ Hán. Người Hàn quốc có bộ chữ Hangul với 28 chữ cái từ giữa thế kỷ 15. Sau một thời gian bị sao lãng, từ đầu thế kỷ 20 chữ Hangul đã trở thành quốc ngữ của Hàn Quốc cho đến nay. Bộ chữ hiện dùng đã bỏ bớt 4 chữ cái còn 24 chữ.

H.T.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

.....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số .....)

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức
Tin Tức - Tin Tức
Tin Tức - Tin Tức

Việt Nam công bố Sách trắng về nhân quyền

Ngày 18.8 vừa qua, lần đầu tiên, bộ Ngoại giao VN đã công bố một *Sách trắng về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam*. Sau một phần mở đầu và một chương ngắn nói về quan điểm, chính sách của nhà nước về quyền con người, với các luận điểm quen thuộc về « *những điều kiện đặc thù của mỗi quốc gia* » và sự « *không một quốc gia nào có quyền áp đặt mô hình chính trị, kinh tế, văn hoá của mình cho một quốc gia khác* », cuốn sách tập trung phần chính (chương II) để trình bày « *những thành tựu của Việt Nam trong việc thực hiện và thúc đẩy quyền con người* ». Một chuỗi dài kể lể những tuyên bố, điều luật, con số v.v., hình như muốn minh chứng cho bàn dân thiên hạ biết nhà nước ta trước sau như một, đảm bảo các quyền con người về dân sự và chính trị, kinh tế, xã hội v.v. như thế nào. Đã ghi trong Hiến pháp mà, chẳng phải là như thế sao ?! Trước khi kết luận, Sách dành hai chương ngắn nói về những « *hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm và phát triển quyền con người* », và « *về một số luận điệu vu cáo Việt Nam trong vấn đề quyền con người* ».

☛ Một *Sách trắng về vấn đề quyền con người*, tại sao không ? Khi người lãnh đạo của « thế giới tự do » tự cho mình quyền gieo rắc chiến tranh, quyền tàn phá, chiếm đóng một đất nước để tìm những « vũ khí huỷ diệt » chỉ có trong bịa đặt của chính mình, quyền đứng ngoài vòng luật pháp quốc tế để che chở cho tội ác của lính mình ; khi trên chính trường không thiếu những kẻ từng cầm súng cùng quân xâm lược « bắn tự do » vào những làng mạc trên quê hương mình, ngày một ngày hai bỗng trở thành những chiến sĩ của « tự do, dân chủ » mà chẳng cần một lời xám hối v.v. , tại sao không ?

Vậy vấn đề là ra Sách cho ai ? Có đạt được mục tiêu không ? Câu hỏi đầu đã được trả lời trong « Lời nói đầu » sách : « *Để giúp dư luận thế giới hiểu rõ và đúng đắn về truyền thống bảo vệ và phát triển quyền coi người ở Việt Nam, về tình hình nhân quyền ở Việt Nam* ». Câu thứ hai, thời đại điện tử, ai muốn biết xin mời qua Google, đánh thử các cụm từ « white book », « human rights », « Vietnam », để có thể... lắng nghe im ắng trong không gian xy-be !

Và rồi, tò mò hơn, tìm những thông tin bằng tiếng Việt, để thấy, như mọi người có thể dự đoán : vọng về từ hai phía văng vẳng tiếng loa tuyên truyền với giọng điệu đối nghịch nhau...

Về phần mình, người dân trong nước nghĩ gì về cuốn sách ? Hình như chẳng ai quan tâm hỏi họ, tuy các báo đều có bài viết về nó. Báo chí vẫn chỉ là của Đảng, chưa thể nói hết điều mình nghĩ trên đó, nhưng đã có thể qua đó để đấu tranh tố cáo những cá nhân, tổ chức (dưới một mức nào đó) lợi dụng quyền thế để chèn ép, hiếp đáp công dân, để phản kháng một chính sách cụ thể nào đó. Nhiều chuyện dễ thở hơn 10, 20 năm trước, nhưng còn phải đẩy nhiều để mở rộng khoảng không gian dễ thở đó. Thế thôi. Sách trắng để làm gì ?

Việt Nam - Trung Quốc

Một tháng sau chuyến đi « lịch sử » của thủ tướng Phan Văn Khải sang Hoa Kỳ (xem Diễn Đàn số trước), tới lượt chủ tịch nước Trần Đức Lương sang thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc từ ngày 18 đến 22/7/2005.

Mối quan hệ với hai đại cường quốc, một là người thù cũ, ở xa nhưng lại đứng đầu thế giới về nhiều mặt kinh tế, khoa học kỹ thuật, một là người láng giềng khổng lồ phương bắc, dĩ nhiên luôn luôn là quan tâm hàng đầu của mọi chính quyền Việt Nam trong. Nhất là, khi giữa hai nước đó, đang thiết lập một tương quan « đối đầu và hợp tác » phức tạp, sự tranh giành ảnh hưởng trong khu vực vừa có thể dẫn đến những căng thẳng nguy hiểm, vừa là một « cửa sổ » có thể mở ra cho VN những lợi thế không nhỏ trong công cuộc bảo vệ độc lập cho đất nước, hoà bình trong khu vực, và phát triển kinh tế. Nhận lời mời của chủ tịch nước CHND Trung Hoa Hồ Cẩm Đào, dĩ nhiên ông Lương không thể không trả lời những câu hỏi của « ông anh lớn » về ý đồ của ban lãnh đạo Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ, thể hiện qua chuyến đi của ông Khải. Đáng tiếc là cả trong bài ông Lương trả lời phỏng vấn báo Nhân Dân ngày 15.7, và trong bài ông Nguyễn Dy Niên, bộ trưởng ngoại giao, trả lời phỏng vấn của TTXVN ngày 18.7, đề mục này không được nêu ra. Cả hai ông đều nhấn mạnh khía cạnh song phương của một cuộc « gặp gỡ cấp cao hàng năm giữa hai nước », trong khi tình hình khu vực trong năm qua có nhiều biến động (đặc biệt là các căng thẳng Trung Quốc – Nhật) ảnh hưởng không nhỏ tới những tính toán, chọn lựa chiến lược của cả Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Á nói chung, và với VN nói riêng.

Về quan hệ song phương, thông tin đáng chú ý nhất là hai bên tuyên bố đã kết thúc đàm phán về việc Việt Nam gia nhập WTO, mở ra triển vọng cho VN kết thúc các cuộc đàm phán này trước kỳ họp của WTO vào cuối năm nay (còn đối tác lơn nữa là Mỹ, nhưng tin từ cả hai phía cho thấy chỉ còn một vài vấn đề « kỹ thuật » phải giải quyết). Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch hai chiều đạt 7,2 tỷ USD năm 2004 (theo số liệu của Việt Nam). Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam tiếp tục tăng, tính đến tháng 5/2005, Trung Quốc đã đầu tư vào Việt Nam 675,6 triệu USD với 328 dự án, đứng thứ 15 trong tổng số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam.

« Đại đoàn kết », một bài viết mới của cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt

Tiếp theo bài trả lời phỏng vấn của báo Quốc Tế hồi tháng 4 năm nay (xem DĐ số 151), nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt lại một lần nữa lên tiếng về tình hình đất nước và những sai lầm trong chính sách của đảng Cộng sản VN. Bài viết mới mang tên *Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta* được đăng ngày 29.8 trên nhiều báo chí trong nước, kể cả báo Nhân Dân. Ông Nguyễn Khoa Điềm muốn tránh lại phải nhận một bức thư khác hỏi tại sao kiểm duyệt một cựu thủ tướng (xem DĐ số 153) ?

Trong bài diễn văn kỷ niệm 75 năm ngày thành lập đảng CS, ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng đã thừa nhận Đảng đã có « *những sai lầm về một số chủ trương và chính sách lớn (...), nhất là nhận thức chưa thật đúng, thật phù hợp về chủ nghĩa xã hội, có phần chủ quan, nóng vội* », nên đã đưa đất nước ta « *lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng* » (giai đoạn 1975-1985). Tuy nhiên, ông Mạnh không hề nói tới một khía cạnh rất cơ bản, nguồn của những sai lầm đó : cái « *quan điểm giai cấp* » mà theo ông Kiệt, « *đã được vận dụng một cách máy móc, một chiều* ». Không chỉ là « *ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao nhãng bởi bệnh chủ quan và say sưa vì chiến thắng, bởi những cách nhìn hẹp hòi, biệt phái, bởi chuyện phân biệt thắng - thua, bởi những kỳ thị ta – nguỵ...* ». Ông Kiệt chỉ tay vào « *cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn, (...) vừa đụng chạm tới cả những người đã từng có công đóng góp cho cách mạng, vừa triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế rất quan trọng* ». Trong một đoạn trước của bài viết, ông đã nhắc lại « *các chiến dịch cải cách ruộng đất và cải tạo công thương nghiệp* » trong thời kháng chiến chống Pháp, với hậu quả tương tự.

Ông cũng nhận phần trách nhiệm của mình, với tư cách một người lãnh đạo thành phố HCM lúc đó, trước tình cảnh « *Kinh tế khó khăn, đời sống bế tắc, cộng với những phương thức quản lý xã hội quá cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần... đã làm cho cả một số người yêu nước, muốn đóng góp cho đất nước cũng đành dứt áo ra đi* », và có lẽ ông cũng là nhà lãnh đạo cao cấp đầu tiên của ĐCS nói tới sự kiện những người ra đi đó như « *những tổn thất* » đối với nhiệm vụ của mình..., dẫn đến « *những năm tháng đầy khó khăn, với những khủng hoảng kéo dài* ».

Vấn đề là ông đã về hưu từ nhiều năm nay, liệu tiếng nói tự phê này của ông có thức tỉnh được những người cầm quyền hôm nay ? Trong một thư bạn đọc gửi báo Tuổi Trẻ sau khi đọc bài ông Kiệt, một sinh viên đại học TP HCM đã nhấn mạnh « *Bài học đoàn kết trong thời đại ngày nay (...) là bài học không phân biệt đối xử, không kỳ thị, moi móc quá khứ, bài học của lòng bao dung* ».

Chiếc điện kế và những con người đứng sau nó

Một vụ « cố ý làm trái » ở Công ty Điện lực (CTĐL) TP HCM đã làm náo động dư luận thành phố suốt hè vừa qua.

Giám đốc Công ty bị buộc từ chức, một phó giám đốc và 5 cán bộ khác, cùng với một nguyên phó giám đốc nay là nhà kinh doanh, đối tác của Công ty trong phi vụ đã bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 23.8, một đối tượng khác, người Singapore, bỏ trốn nhưng cũng đã bị bộ Công an phát lệnh truy nã quốc tế...

Sự việc nổ ra từ lúc nhiều hộ dân TP cảm thấy hình như chiếc điện kế điện tử mới toanh mà CTĐL vừa gắn cho mình chạy... hơi bị nhanh, khiến mức tiêu thụ điện (và hoá đơn !) của mình bỗng nhiên tăng gấp đôi, gấp ba so với cùng thời kỳ năm trước. Cuối tháng 6, VnExpress đưa tin hàng trăm đơn kiến nghị đã được người dân gửi đến Công ty điện lực, Sở Công nghiệp, Hội Bảo vệ người tiêu dùng, phản ứng về chỉ số tiêu thụ "phi mã" loại đồng hồ này. Ba tuần sau, theo tờ báo, số đơn kiện đã lên đến 12 000 !

Các cơ quan chức năng vào cuộc, đo đạc, kiểm tra... và thấy những chiếc điện kế mới được lắp đặt này không phải là nhập của công ty Linkton (Singapore) như ghi trong sổ sách, mà chỉ là do chi nhánh của công ty này tại thành phố lắp ráp từ những linh kiện do các công ty của vợ và con ông phó giám đốc CTĐL cung cấp, chưa đăng ký phê duyệt mẫu ở Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng v.v.

Truy ra, từ tháng 7/2004 đến nay, CTĐL TP HCM đã mua của công ty Linkton 312.000 điện kế điện tử một pha – trong số này, 260 000 chiếc đã được mang đi lắp đặt, tuy chưa qua khâu kiểm tra chất lượng –, với tổng số tiền khoảng 160 tỷ đồng, thông qua 14 hợp đồng và đấu thầu. Thực ra, chỉ có 1 hợp đồng đầu tiên (hợp đồng số 03) với số lượng 10.000 chiếc là có đấu thầu và có kết quả đấu thầu được phê duyệt. 13 hợp đồng còn lại không hề thực hiện đấu thầu mà dùng hình thức mua sắm trực tiếp từ hợp đồng số 03 đã ký trước đó. Chỉ riêng giá mua mấy trăm ngàn chiếc điện kế dỏm được khai gian trong sổ sách (cao hơn cả giá của những chiếc điện kế thật !), theo ước tính của VnExpress là 99 tỉ đồng.

" *Công ty Điện lực TP HCM bị lừa hay cố ý để bị lừa ?* ", một đại biểu HĐND thành phố đã hỏi ông Lê Minh Hoàng, giám đốc CTĐL trong thời gian xảy ra vụ việc, người vừa bị từ chức. Nhưng các báo chưa cho biết ông Hoàng có bị xử lý gì không, vì còn phải chờ quyết định của quốc hội – mà ông Hoàng là đại biểu.

Giá xăng 10.000 đồng/lít

Trước diễn biến giá của dầu thô trên thị trường thế giới, chính phủ VN cũng đã phải ra quyết định tăng giá xăng dầu trong nước, từ 18g ngày 17.8. Sau nhiều ngày thấp thỏm phỏng đoán, kể từ 6h tối nay, người tiêu dùng sẽ phải mua xăng với giá mới. Theo Quyết định số 58 của bộ Tài chính, xăng A92 bán lẻ sẽ là 10.000 đồng/lít, thay vì 8 800đ trước đó.

Trả lời phỏng vấn của VnExpress ngày 18.8, bộ trưởng Tài chính Nguyễn Sinh Hùng cho biết « *nếu giá dầu về mức 60 USD/thùng thì doanh nghiệp trong nước mới chỉ hòa vốn. Mức hiện nay được chúng tôi tính toán khi giá dầu ở ngưỡng trên 60 USD, thậm chí lên đến 67 USD/thùng thì vẫn phải bù lỗ. Hiện chúng tôi cũng chưa hình dung nổi nếu giá dầu vượt lên mức trên 70 USD/thùng thì sẽ phải tính toán thế nào cho hợp lý. Nếu ngân sách Nhà nước không chịu được thì phải điều chỉnh giá bán, chứ chưa tính đến việc thả nổi hoàn toàn* ».

Ông Hùng cũng cho biết « *Với các ngành như than, điện, xi măng, Chính phủ vẫn chọn phương án kìm giá nhưng đến một lúc nào đó, họ không chịu được thì chắc chắn sẽ phải tính đến phương án tăng giá chứ không để họ bị lỗ. Tuy nhiên, tăng như thế nào cũng phải tính toán rất thận trọng bởi những ngành này có tác động rất lớn đến đời sống nhân dân khi lương chưa tăng, các mặt hàng nông sản như thóc gạo, cao su, cà phê... vẫn giữ giá thấp* ». Tuy nhiên, ba ngày sau, tờ báo ghi nhận ở các chợ Hà Nội và TP HCM, giá cả nhiều mặt hàng nông sản đã bắt đầu tăng giá, như thịt nạc vai được bán với giá 50.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg, rau quả cũng tăng khoảng 10 %.

Hai nhân vật ra đi

1/ THÁI NGỌC SAN (1947-2005)

Ngày 25-7-2005, nhà thơ, nhà báo Thái Ngọc San đã từ trần tại Huế, mươi ngày sau một tai nạn giao thông mà ông là nạn nhân. Lễ an táng đã tổ chức ngày 31-7.

Sinh năm 1947 tại Lệ Thuỷ, Quảng Bình, Thái Ngọc San lớn lên ở Huế và gắn bó cả cuộc đời đấu tranh, sáng tác, báo chí với cố đô. Từ giữa thập niên 1960, anh đã tham gia phong trào sinh viên chống Mỹ với tất cả nhiệt tâm của tuổi trẻ, bằng những chai xăng đốt xe tăng Mỹ và bằng những vần thơ cháy bỏng (bút hiệu của anh trong những năm này là Thái Ba Đào, đánh dấu ba lần bị bắt lính và ba lần đào ngũ -- tới năm 1972, anh rời thành phố ra vùng giải phóng). Sau 1975 anh làm báo (tổng thư kí tạp chí *Sông Hương* những năm khởi sắc và sóng gió, rồi đại diện báo *Thanh Niên* ở Bình Trị Thiên). Dưới bút danh Ngọc Thảo Nguyên, anh đấu tranh quyết liệt chống cái xấu và sự tha hoá, bảo vệ và nâng đỡ những nạn nhân và những người xấu số. Trên giường bệnh, Thái Ngọc San còn dặn dò đồng nghiệp và bạn bè giúp anh chị em ở Bắc Mỹ và Âu Châu hoàn thành dự án hỗ trợ những chị cựu Thanh niên Xung phong Quảng Bình bắt đầu từ mùa hè năm ngoái.

Thái Ngọc San để lại cho bạn bè xa gần, những kẻ chỉ được gặp anh một lần cũng như những ai chỉ biết anh qua tác phẩm, hình ảnh của một con người dũng khí và nhân hậu.

Các tập thơ đã xuất bản : ***Nguồn mạch mới*** (in chung, 1970), ***Ngày quật khởi*** (in chung, 1971), ***Khát vọng*** (1985).

2/ TRẦN QUỐC VƯỢNG (1934-2005)

Nhà sử học và khảo cổ học Trần Quốc Vượng đã từ trần ngày 8-8-2005 sau nhiều tháng trọng bệnh (ung thư thực quản).

Sinh năm 1934 tại Kinh Môn, Hải Dương, trong một gia đình viên chức và giáo chức, Trần Quốc Vượng tốt nghiệp thủ khoa cử nhân Sử-Địa năm1956, và được giữ lại giảng dạy tại trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông được xếp là một trong bốn « *tứ trụ* » của giới sử học Hà Nội : (Đinh Xuân) ***Lâm*** – (Phan Huy) ***Lê*** – (Hà Văn) ***Tấn*** – (Trần Quốc) ***Vượng***, bốn nhà sử học xuất sắc, được đào tạo dưới sự hướng dẫn của Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu.

Cùng với Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng đã có công lập nên ngành khảo cổ học Việt Nam và đào tạo nhiều sinh viên trong ngành này.

Cuối năm 1972, mấy nghìn « phích » nghiên cứu của ông bị đốt cháy trong trận ném bom khu phố Khâm Thiên. Từ đó, ông ít nghiên cứu sâu, và có xu hướng « di chuyển » sang nhiều ngành khác : « văn hoá học », Hà Nội học, địa văn hoá, « du lịch học », ẩm thực... nổi danh với tài nói chuyện có duyên, sắc bén, quảng bác... và được khâm phục cả về tài lí đoán tử vi (mà cuối đời hình như chính ông cũng trở thành nạn nhân). Trong một môi trường chung chưa có tinh thần khoa học, dưới một chế độ không có tự do học thuật, những ý tưởng đôi khi sắc sảo của ông (và như ông thừa nhận, của Nguyễn Từ Chi) lẽ ra có thể là giả thuyết ban đầu cho những nghiên cứu nghiêm túc, để có thể được xác nhận, phát triển hay phủ nhận, thường chỉ ngừng trong khung cảnh trà dư tửu hậu và được tôn vinh là lập thuyết. Đó có lẽ cũng không phải là bi kịch của riêng một trí thức tài ba như Trần Quốc Vượng.

Công trình : ***Sơ yếu Khảo cổ học nguyên thủy ở Việt Nam*** (viết cùng Hà Văn Tấn, NXB Giáo dục 1962) , ***Cơ sở Khảo cổ học Việt Nam*** (viết cùng Hà Văn Tấn và Diệp Đình Hoa - NXB Giáo dục 1975), ***Lịch sử Việt Nam***(viết cùng Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn), ***Theo dòng lịch sử*** (1995), ***Danh nhân Hà Nội, Hà Nội ngàn xưa,Việt Nam cái nhìn địa văn hoá, Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm***...

K.V.

* **Giải thưởng ASEAN 2005** sẽ được trao cho nhà thơ Inrasara với tập thơ *Lễ tẩy trần tháng tư* xuất bản năm 2002 (tập thơ này từng đoạt giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2003). Giải thưởng sẽ chính thức được trao tại Thái Lan vào đầu tháng 10-2005. Tác giả cho biết, tập thơ đang được chính ông chuyển ngữ sang tiếng Anh cùng sự hợp tác của một số dịch giả tên tuổi Hoàng Ngọc Tuấn, Đinh Linh, Quảng Cảnh... theo yêu cầu của Ban tổ chức giải thưởng. Diễn Đàn số 137 đã đăng một trang thơ Inrasara và vài hàng giới thiệu tác giả.

* Ngày 29 tháng 6 năm 2005, **nhà thơ Phạm Ngà**, giám đốc Nhà xuất bản Hải Phòng, được mời đến Ban tổ chức thành uỷ Hải Phòng để nghe đọc quyết định về hưu từ ngày 1/7/2005, tức là chỉ hai ngày sau đó !

Nhà thơ Phạm Ngà đã nhiều lần làm cấp trên nổi giận vì đã cho ra những cuốn sách "có vấn đề" mà điển hình là các cuốn ***Về một hiện tượng phê bình*** tập hợp một số bài chống lại xu hướng "phê bình tìm diệt" của Trần Mạnh Hảo, các cuốn ***Rừng xưa xanh lá***, ***Viết về bè bạn*** và ***Truyện ngắn*** của Bùi Ngọc Tấn, và nhất là đã viết lời tựa cho cuốn hồi ký ***Làm người là khó*** của Đoàn Duy Thành, để định xuất bản.

Làm người là khó

Cuốn sách này đã được in và "lưu hành nội bộ", không được phép xuất bản chính thức, nhưng đang được phổ biến khá rộng rãi dưới hình thức in chụp và trên mạng internet. Bạn đọc có thể tìm đọc toàn văn cuốn sách trên trang nhà của Diễn Đàn (www.diendan.org, mục « hồ sơ & tài liệu »).

Sinh năm 1929, Đoàn Duy Thành đã tham gia Khởi nghĩa tháng tám 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, ông bị bắt và giam ở Côn Đảo. Từng giữ các chức vụ chủ tịch Uỷ ban nhân dân Hải Phòng, bí thư Thành uỷ Hải Phòng, bộ trưởng Ngoại thương, phó chủ tịch Hội đồng chính phủ (nội các Phạm Văn Đồng và Phạm Hùng), uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Sau hồi kí của tướng Trần Độ, *Làm Người Là Khó* cung cấp cho bạn đọc quan tâm tới tình hình Việt Nam những thông tin cụ thể về bộ máy quyền lực ở cấp cao (với những lời phê phán khá chi tiết về các nhân vật đã chết hay còn sống như Lê Đức Thọ, Đỗ Mười).

Bất động sản : đỏ, hồng, xanh, trắng... và những vấn đề nóng bỏng khác

Đất đai vẫn là một vấn đề nóng bỏng mà những màu sắc nêu trên chỉ phản ánh một khía cạnh.

Đỏ, Hồng là màu của hai loại giấy chứng nhận mà người sở hữu nhà cửa ở VN đang có hay phải có. *Xanh* là màu của một giấy chứng nhận mới, vừa được bộ Tư pháp đưa vào trong dự thảo Luật đăng ký bất động sản để được thông qua trong một kỳ họp quốc hội tới. Còn *Trắng* ? Mới chỉ là một tưởng tượng do ông Đặng Hùng Võ, thứ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường nêu ra cho loại giấy chứng nhận tài sản cho... các ruộng muối, khi ông thổ lộ nỗi bực mình trước tình trạng bộ nào cũng đòi lập giấy chứng nhận do bộ mình chủ quản (báo Thanh Niên 10.8.2005).

Theo báo Tuổi Trẻ ngày 18.7.2005, các loại giấy chứng nhận (GCN) nói trên hiện nay gồm có :

- *GCN quyền sử dụng đất* cấp theo NĐ 181 ngày 29.10.2004 của Chính phủ, theo Luật đất đai năm 2003 (gọi là *sổ đỏ*, thay thế *giấy đỏ* được phát từ 10 năm trước – theo Luật đất đai 1993).

- *GCN quyền sở hữu nhà ở và GCN quyền sở hữu công trình xây dựng* cấp theo NĐ 95 của Chính phủ ký ngày 15.7.2005 (*giấy hồng* thay thế loịa giấy hồng cũ, phát năm 1994 – theo NĐ 60/CP, cùng mục tiêu).

- *GCN đăng ký bất động sản* : khái niệm mới (gọi là *giấy xanh*) được đưa vào dự thảo Luật đăng ký bất động sản do bộ Tư pháp soạn thảo, dùng để đăng ký tài sản gắn liền với đất.

Cuối tháng 7, bộ Tư pháp đã phải rút lại đề nghị « giấy xanh », vì sự phản đối mạnh mẽ của người dân trước viễn tượng lại phải chầu chực trước cửa quan để xin thêm một loại giấy mới. Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cũng phản bác mạnh mẽ : « *Nếu quy định như trong dự thảo thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp* (sổ đỏ và giấy hồng) *và chuyển sang giấy chứng nhận đăng ký bất động sản* (giấy xanh) *sẽ* kéo theo việc lập lại toàn bộ hệ thống hồ sơ địa chính *đã lập ; gây nên sự lãng phí* hàng chục nghìn tỉ đồng *(DĐ nhấn mạnh) ; và hệ quả là cơ quan quản lý nhà nước về đất đai không nắm được thông tin về đối tượng quản lý, dẫn đến hoạt động quản lý nhà nước về đất đai sẽ có nhiều bất cập* ».

Tuy nhiên, sự rút lui của bộ Tư pháp dĩ nhiên không giải quyết tình trạng làm luật và thi hành luật chòng chéo, không nhất quán, thậm chí nhiều khi mâu thuẫn lẫn nhau trong các quy định, hay không khả thi trong thực tế..., tạo điều kiện cho những quan chức hành dân ! Cuộc tổng kiểm tra tình hình thi hành Luật đất đai, bắt đầu từ ngày 1.8 vừa qua tại 13 địa phương đầu tiên, đã hé màn cho thấy hàng loạt vấn đề của nạn "tham nhũng đất đai" và các tệ nạn khác mà người dân đang phải gánh chịu. Dưới đây, trong số chỗ có hạn của một số báo, là một vài tin tức liên quan tới vấn đề nóng bỏng này.

Xin tạm thời không nói thêm về những khó khăn của công dân để có được trong tay một cuốn sổ, dù hồng hay đỏ. Hàng trăm người tụ tập ở mỗi địa điểm đoàn kiểm tra làm việc, – như hôm 27.08, ở TP HCM, 800 người dân đã "ùa" vào tầng trệt chỉ được bố trí vỏn vẹn 100 ghế ngồi của toà nhà trụ sở HĐND và UBND quận Bình Thạnh trên đường Phan Đăng Lưu –, thường là để nêu lên những sự việc nghiêm trọng hơn sự chờ đợi để có cuốn sổ.

Giải toả và đền bù

Cũng như ở khắp nơi trên thế giới, nhà ở của một cá nhân có thể bị nhà nước trưng mua để lấy đất cho những công trình công ích. Ở VN, đất là của « toàn dân » (do đó mà những người có đất chỉ được cấp giấy chứng nhận « *quyền sử dụng* » chứ không phải *quyền sở hữu* đất, dù quyền đó họ có thể bán đi, thế chấp, cho con cái thừa kế...), nên sự « trưng mua » này càng « đơn giản » : nhà nước ra quyết định giải toả đất để xây công trình, quyết định giá đền bù cho chủ đất và chủ các tài sản trên đó (nhà cửa, cơ sở sản xuất v.v.), chẳng cần thương lượng với ai !

Trong buổi gặp đoàn kiểm tra ngày 24.8, gần 100 hộ dân thuộc khu phố 4 và 5 phường Tăng Nhơn Phú A (quận 9, TP HCM), nêu thắc mắc tại sao Chính phủ chỉ duyệt 804 ha (cho một dự án khu công nghiệp cao) mà TP lại thu hồi đến 913 ha ? Rồi tại sao dự án lại chọn địa điểm thu hồi đất tại khu dân cư đông đúc (hơn 3.000 hộ dân với hơn 20.000 người phải thay đổi hoàn toàn chỗ ở, tập quán sinh hoạt, chuyện học hành của con em) mà không chọn những khu vực đất trống, đất nông nghiệp nhiều để thực hiện dự án... gây xáo trộn và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân ? Nhiều người dân cũng không đồng tình với cách hành xử của một số cán bộ địa phương trong việc cưỡng chế người dân di dời, không có một lời giải thích những thắc mắc khi đến đo vẽ kiểm kê đất của dân, giao quyết định cưỡng chế chỉ cho người dân 3 ngày là phải di dời mà chẳng cần biết dân phải di dời đi đâu....

Cùng ngày, tại huyện Từ Liêm, Hà Nội, thứ trưởng bộ TNMT Đặng Hùng Võ đã phải hơn 1 lần xoa dịu : "*Bà con cứ bình tĩnh, đừng công kích chính quyền*" mới phần nào "hạ hỏa" cơn bức xúc của các công dân xã Trung Văn. Ông Lê Ngọc Tản, 61 tuổi, thương binh hạng 3/4 chỉ thẳng vào mặt cán bộ địa chính xã Trung Văn tố cáo anh này đòi ông đưa hối lộ để hợp thức hóa đất nhưng ông không làm... Sau tố cáo của ông Tản và nhiều bà con về vụ đòi hối lộ này, một công dân khác nêu vấn đề giá đền bù do chính quyền đưa ra khi thu hồi gần 159.000m^2 đất cho dự án khu đô thị mới Trung Văn : 108.000 đồng/m^2. Theo ông Trần Quang Bình : " *Trong khi chúng tôi còn chưa nhận tiền đền bù, đang còn khiếu nại thì đã có hàng loạt rao bán đất của dự án này giá thấp nhất là 16,5 triệu đồng/m^2, cao nhất tới 35 triệu đồng/m^2. Tôi đã trực tiếp gọi đến số điện thoại rao bán, người ta trả lời là bán giúp một ông lớn* ". Ông Đào Văn Thình, 55 tuổi đảng đặt câu hỏi : " *4 đời chủ tịch, bí thư xã này bị mất chức vì đất, bây giờ lại vẫn tiếp tục sai phạm thế này thì thế nào ?*".

Chia đất cho "quan"

Chính quyền không chỉ " *thu hồi* " đất của dân cho các công trình công ích. Ngoài những khiếu nại về đền bù, giải tỏa, các tranh chấp đất đai, nổi lên trong những khiếu kiện của người dân là vấn đề bị chính quyền, cán bộ có chức quyền ở địa phương chiếm đất, cắt đất... Báo Tuổi Trẻ 23.8 kể việc bà Nguyễn Thị Tiến ở khu 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước (tỉnh Tiền Giang) : "*Tui có mười công đất, nhưng địa phương viện lý do gia đình tui thiếu nợ rồi lấy đất trừ nợ. Nhưng tui đâu có thiếu nợ. Chín công đất đã bị lấy làm trường học, nay chỉ còn một công đang cất nhà cũng bị đuổi đi để lấy đất cấp cho cán bộ huyện cất nhà. Tui kêu khắp nơi nhưng chẳng có ai giải quyết* ".

Cũng trong tỉnh Tiền Giang, một người dân khác, bà Huỳnh Thị Ngoan ở ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, khẩn thiết đề nghị đoàn kiểm tra giúp đỡ khẩn cấp vì UBND xã đang bán miếng đất 1.000m2 của bà cho người khác. Theo bà Ngoan, trước đây gia đình bà đưa vào hợp tác xã 2.300m2, nhưng sau đó khi hợp tác xã giải tán chỉ trả lại 1.300m2, xã Song Bình giữ lại 1.000m2 nói là xây dựng trường học. Nhiều năm qua trường không thấy đâu mà mới đây xã lại đề nghị huyện bán miếng đất này...

Còn nhiều ví dụ khác, nhưng sự việc được tường thuật chi tiết hơn cả là trên báo Lao Động ngày 25 và 26.8. Theo tờ báo, ban Thường vụ Huyện uỷ huyện Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc) đã thông qua Nghị quyết 05 (tháng 7.2004) về "*triển khai xây dựng khu dân cư mới*", theo đó sẽ cấp đất ở cho các cán bộ, nhân viên khối cơ quan, đoàn thể, cơ quan thuộc UBND huyện và một số đối tượng trong quy hoạch giãn dân của thị trấn, với tổng diện tích đất ở là 45.339m^2. Tháng 11/2004, huyện gửi công văn lên UBND tỉnh xin được "thu hồi" đất của nông dân, sau đó giao lại đất (có thu tiền sử dụng đất) cho cán bộ công chức huyện Vĩnh Tường làm nhà ở. Tỉnh đã phê duyệt dự án này !

Tổng số suất đất được huyện cấp cho cán bộ từ cấp tỉnh tới huyện là 299 suất (mỗi suất 120 - 150m^2) tại khu vực Bồ Quế, gần đường B. (tuyến huyện lộ của thị trấn Vĩnh Tường). Ngoài ra, Huyện còn giao 150 suất đất, ở những vị trí xấu hơn, cho UBND thị trấn được toàn quyền cấp cho các đối tượng khác (thực chất là để khoả lấp dư luận về 299 ô đất đã cấp cho cán bộ). UBND thị trấn cấp cho dân 100 suất, 18 suất cho cán bộ định biên ở thị trấn và 32 suất chia cho nhau. Như vậy tổng cộng hơn 55.000m2 đất của nông dân đã bị "thu hồi", với giá đền bù trên dưới 10 triệu đồng/sào (chắc là sào ta, tức 360m^2), khoảng 3 triệu đồng một lô đất 120m^2.

Những lô đất này được bán cho cán bộ và dân trong diện " quy hoạch giãn dân của thị trấn " với giá 40-45 triệu đồng. Sự việc vỡ lở vào đầu 3/2005, khi bản danh sách những người nộp tiền mua đất (được huyện bảo quản khá kỹ) bị lọt ra ngoài... Từ đó, nhà báo Lao Động đã đi điều tra và nói lên nỗi bất bình của "người dân" vì với chủ trương phát triển khu dân cư mới và giãn dân mà những người có nhu cầu thực sự chỉ được xét cấp 100 suất và chấp nhận điều kiện hết sức ngặt nghèo, trong khi quan chức được những điều kiện dễ dãi hơn nhiều (thời hạn nộp tiền rộng rãi và tỉ lệ tiền phải nộp ngay ít hơn), và được chia những lô đất tốt hơn nhiều. Quan càng cao, đất chia càng lớn, dĩ nhiên, kể cả những người không có nhu cầu sử dụng đất – đã có nhà cửa khang trang ngay trong phố huyện –, chỉ mong sớm hết hạn 1 năm do huyện uỷ để ra để bán lại (dĩ nhiên với giá cao hơn, gấp đôi hay hơn nữa cái giá 40-45 triệu kia). Chưa kể, rất nhiều vị chức sắc có 2 - 3 suất đất đứng tên vợ, con, những người ở huyện khác, không liên quan tới thị trấn...

Chỉ tiếc rằng nhà báo không nói về nỗi bất bình của những người nông dân bị *cướp* đất (chúng tôi không tìm ra được từ khác, "lịch sự" hơn). Nông dân Vĩnh Phúc chắc thấm thía thân phận thấp cổ bé họng của mình hơn nông dân Tiền Giang nên chấp nhận "dễ" hơn ? Nhà báo cũng không đặt câu hỏi về con số khác biệt giữa giá bán và giá "mua" đất, số tiền đó có được ghi trong sổ sách của huyện uỷ Vĩnh Tường hay không, và ghi trong mục nào (tiền "ăn cướp" ?)...

Câu hỏi khác : "thu hồi" đất của người này để bán cho người khác, chứ không phải để xây dựng công trình công cộng (đường sá, khu công nghiệp v.v.) có nằm trong Luật đất đai (dù giá "đền bù" và giá bán là giá thị trường, không như trường hợp nêu trên đây), và nếu không thì Nhà nước phản ứng ra sao khi tin này được công bố ?

Giải tỏa nhiều, tái định cư ít

Ngày 17-8, làm việc với UBND thị xã Tân An, tỉnh Long An, thứ trưởng bộ TN-MT Đặng Hùng Võ nói : " *Long An là một trong những tỉnh mà tôi nhận điện thoại của dân nhiều nhất, hầu hết đều phản ảnh việc bồi thường giải phóng mặt bằng không thỏa đáng, lấy đất làm dự án tràn lan nhưng chỗ ở của dân thì không quan tâm* ".

Đại diện các hộ dân bị thu hồi đất ở KCN Xuyên Á (huyện Đức Hòa), bà Nguyễn Thị Thu Thảo (xã Mỹ Hạnh Nam) cho biết khu vực của bà Nhà nước thu hồi đất với giá bồi thường chỉ 20.000 -30.000đ/m^2, giao cho DN, có người bị thu hồi hết đất phải che lều bạt ở tạm bợ. Thế nhưng để mua lại đất ở khu tái định cư thì phải mất 1,2 triệu đồng/m^2. Bà Thảo bị thu hồi trên 23.000m^2, nhưng số tiền đó không đủ mua một miếng đất cất nhà chứ đừng nói đến ruộng vườn canh tác !

Trong số tám dự án của nhà đầu tư với diện tích 775,84 hec-ta đã thực hiện xong giai đoạn chi trả bồi thường và giải phóng mặt bằng, thì chỉ có hai dự án có phương án tái định cư nhưng đến nay vẫn chưa giao đất tái định cư cho hộ bị giải tỏa.

Ở Thừa Thiên–Huế, cho đến ngày 22.8, khi đoàn kiểm tra tới làm việc, số dự án triển khai tại vùng đô thị mới Chân Mây - Lăng Cô (huyện Phú Lộc) mới chỉ đếm trên đầu ngón tay, kể cả dự án triển khai có hiệu quả. Trong khi đó, theo ông Nguyễn Thanh Hà, phó chủ tịch UBND huyện Phú Lộc, qui hoạch vùng tái định cư thì vẫn "nan giải". Ông nói : " *Sau khi giải tỏa người dân không có nơi đến, bởi qui hoạch vùng tái định cư thì có nhưng xây dựng thì không, khiến tình trạng sau khi giải tỏa bà con không biết đến nơi nào* "...

Hoà Vân (tổng hợp tin báo chí trong nước 1-26.8.2005)

Sổ Tay

✔ Báo *Nhân Dân điện tử* (ngày 26-8-2005) đưa tin dài : tạp chí Mỹ *Foreign Affairs* (Những vấn đề đối ngoại), số tháng 9 & 10-2005 đã dành "*chuyên mục đặc biệt về Việt Nam*" 10 trang với "*nhiều bài viết chuyên mục mang tính học thuật*". Tờ báo tóm tắt những bài ca ngợi thành tích của Việt Nam. Cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam viết không sai : đúng là trên số tạp chí có uy tín ấy, có 10 trang về Việt Nam. Nó chỉ quên không cho độc giả biết rằng 10 trang đó là những trang quảng cáo lấy tiền, do công ti quảng cáo Stra-tegic Media thuê chỗ, không dính dáng gì tới ban biên tập *Foreign Affairs* cả. Ai đã thuê Stategic Media đăng quảng cáo như vậy ? SM nhận được bao nhiêu đô la ? Ai trả ? Và "ai" đó đã trích bao nhiêu đô la từ công quỹ ? Giá mà báo Nhân Dân mở một cuộc điều tra nhỏ thì hay quá.

Bỏ tiền ra quảng cáo, rồi lấy bài quảng cáo để tuyên truyền (hay tự ru ngủ) : phải chăng đó là "*kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*" ?

✔ Báo chí Sài Gòn đang bàn nhiều về dự án "tự hạch toán" của trường trung học (công lập) Lê Quý Đôn (J.-J. Rousseau cũ). Nói nôm na, học phí sẽ tăng cao để trường có thể "tự hạch toán". Học sinh nghèo không theo học được nữa ? Không sao, ở trong quận, còn nhiều trường công lập khác, ông phó giám đốc sở giáo dục trả lời xanh rờn. Một "thạc sỹ" còn tuyên bố : " *Có người thích học lớp có 20 - 30 người, thậm chí 10 người/lớp, có máy lạnh, tiện nghi đầy đủ và sẵn sàng trả chi phí cao, nhưng cũng có người muốn trả chi phí vừa phải và dĩ nhiên trên lý thuyết thì chất lượng cũng chỉ đáp ứng vừa phải. Sự phân khúc này là điều tất yếu.* "

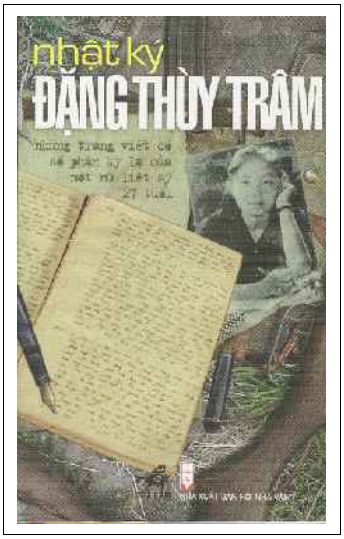
Biến trường công thành trường tư. Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hay giáo dục xã hội theo định hướng tư bản chủ nghĩa ?

✔ Về đến Sài Gòn ngày 25-7, nghe nói cuốn ***Từ Đông sang Tây*** (nhà xuất bản Đà Nẵng, xem trang 11) đã phát hành, tôi vội chạy ra nhà sách Xuân Thu (đường Đồng Khởi) để "xem mặt" đứa con tinh thần mà các anh Hạc, Thuần, Tùng, Sính đã gian lao thai nghén từ một năm nay. Xuân Thu chưa có. Nhưng ở đường Nguyễn Thị Minh Khai (Hồng Thập Tự cũ), tại những nhà hàng gọi là "sách cũ", đã có bán rồi, và rẻ hơn giá đề bìa 4 từ 30 đến 35 %.

Hiện tượng tương tự ở Hà Nội : cách nhà sách quốc doanh phố Tràng Tiền mấy chục mét, ở phố Nguyễn Xí (bên hông nhà sách) hay Đinh Lễ (đằng sau) là cả một dãy quán sách "ngoài luồng". Luồng đây là luồng phát hành chính thức. Chứ cũng từng ấy sách. Chỉ khác là giá rẻ hơn, và nhân viên bán hàng thạo việc hơn : chỉ cần ngừng xe, chống chân lên vỉa hè, nói tên tác giả, hay (đại khái) tên sách là có ngay. Thậm chí những cuốn "best-seller" như ***Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*** (xem ở dưới) bày ngay trên chiếc ghế sát lề đường.

Đối với bạn đọc chưa nắm "cơ cấu kinh tế" của hiện tượng này, chỉ xin tóm tắt như sau : ở những trang chót của mọi cuốn sách in ở Việt Nam, bao giờ cũng đề số in (thí dụ : in 1000 bản) ; có thể nói chắc rằng số in thực sự không bao giờ là 1000. Nếu là sách "bao cấp" (loại sách "cúng cụ" chẳng hạn) không ai mua, thì người ta chỉ in vài trăm, giấy trắng dư dùng vào việc khác. Nếu là sách có người mua, ước tính 3000 chẳng hạn, thì "đầu nậu" chỉ nộp cho nhà xuất bản 7 % số tiền bán của 1000 cuốn sách (đó là tiền thuê tên nhà xuất bản), và 10 % cho tác giả (nếu hợp đồng với tác giả tính theo số sách bán được). 1000 cuốn này được phát hành theo "luồng" chính thức (công ti phát hành và nhà sách ăn vào đây khoảng 50 %). Còn 2000 cuốn kia (gọi là "nối bản") đi đâu ? Ra phố Đinh Lễ hay đường Nguyễn Thị Minh Khai. Theo thống kê chính thức, ít nhất 70 % "đầu sách" xuất bản ở Việt Nam là do các "đầu nậu" lo từ đầu đến cuối. Còn hiện tượng "nối bản" kia, không chỉ "đầu nậu" làm, có khi chính nhà xuất bản, có khi nhà in, thậm chí có cả quan chức của "Cục xuất bản" (thuộc Bộ văn hoá). Một "nữ đầu nậu" than thở với tôi là chị bắt quả tang một bà quan của cục "nối bản" một cuốn sách ăn khách nhưng chị "đành chịu", vì "*kiện cáo cũng chẳng đi đến đâu, mà lần sau, giấy xin xuất bản sách của mình sẽ gặp khó khăn*".

✔ Mùa hè năm nay, cuốn sách bán chạy nhất là cuốn ***Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm*** (Nhà xuất bản Hội nhà văn, 324 trang). Đó là những trang nhật ký *thật sự* của một nữ bác sĩ phụ trách bệnh xá huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi) : trang đầu viết ngày 8.4.68, trang cuối 20.6.70, hai ngày trước khi chị hi sinh (ở tuổi 27, như Vũ Trọng Phụng). Sau khi tốt nghiệp Đại học Y khoa Hà Nội, Đặng Thuỳ Trâm đã tình nguyện "đi B", và ở ngay một chiến trường ác liệt (B52, các sư đoàn Mỹ, Nam Hàn và Sài Gòn thay phiên nhau cày xới mảnh đất này).



Điều kì lạ đầu tiên là số phận của hai cuốn sổ nhật kí. Chúng đã rơi vào tay một đơn vị quân đội Mĩ. Theo quy định của US Army, nó được trao cho Fred Whitehurst, sĩ quan quân báo của đội 635 (Sư đoàn bộ binh 23 Mỹ), cùng với các tài liệu in và viết khác. Tài liệu có giá trị quân sự sẽ được khai thác và lưu trữ, cái nào không sẽ bị

thiêu huỷ. Theo lời kể của Fred, anh đang đốt những tài liệu loại bỏ thì Thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu (thông dịch viên của đơn vị 635) cầm một cuốn sổ nhỏ đến cạnh anh và nói : " *Fred, đừng đốt cuốn sổ này.Bản thân trong nó đã có lửa rồi* ". Nhiều đêm sau đó, anh Hiếu đã dịch miệng những trang nhật kí cho Fred. Rồi mấy tháng sau, anh mang tới cho Fred cuốn thứ nhì. Năm 1972, FW trở về Mỹ, mang theo hai cuốn sổ nhật ký "*có lửa*" kia. Ngọn lửa ấy đã nung nấu tâm can anh trong suốt ba thập niên, trong những năm anh làm luận án tiến sĩ hoá học, rồi đi làm chuyên gia cho FBI, rồi bỏ kĩ thuật, học luật, làm luật gia. Mẹ anh, một giáo sư kiêm hoạ sĩ, đọc xong nhật kí, cũng căn dặn anh "hãy cẩn thận", vì hai cuốn sổ ấy có thể "thiêu cháy cuộc đời anh". Rồi chúng chinh phục cả Bob, anh trai của Fred, cũng là một cựu chiến binh, có vợ Việt Nam. Hai anh em đi tìm gia đình chị Đặng Thuỳ Trâm trong nhiều năm mà không ra, cuối cùng họ đã trao cho một trung tâm lưu trữ ở Lubbock (Mỹ) sau khi khắc đầy đủ vào đĩa CD để phổ biết tại một cuộc hội thảo ở Trường đại học Texas tháng 3 vừa qua. Nhờ đó mà cuối cùng, họ đã liên lạc được với gia đình chị Trâm. Cuốn nhật kí được xuất bản căn cứ vào đĩa CD mà gia đình chị đã nhận được, 35 năm sau ngày chị hi sinh.

Đối với Bob Whitehurst, "*lời Thuỳ* (Trâm) *là một cây cầu bắc qua dòng sông chất chứa bao sự vô tình, bao cay đắng, bao nỗi buồn, bao lòng tin lầm lạc đã chia cắt hai dân tộc chúng ta quá lâu*" (thư gửi Đặng Kim Trâm,em gái ĐTT). Còn Fred viết cho mẹ chị : "*Con gái bà đã một mình chiến đấu với 120 lính Mỹ để bảo vệ các bạn mình. Ở bất cứ đất nước nào trên thế giới điều đó được gọi là anh hùng*".

Nhìn lại cuộc hành trình kì lạ của những trang nhật kí "có lửa" ấy, người ta không thể không nghĩ tới anh Hiếu và chia sẻ tình cảm của chị Đặng Kim Trâm : "*Tôi xin cảm ơn Thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu (...). Anh Hiếu ơi, nay anh ở đâu ? Nếu đọc được những dòng này xin anh hãy lên tiếng, cho chúng tôi được nhìn vào mắt anh – để nói với nhau rằng tiếng nói của tình yêu và khát vọng hoà bình có thể vượt qua mọi chiến tuyến để đến với những trái tim tốt lành*".

✔ Tôi không muốn nói nhiều về nội dung những trang nhật kí, để bạn đọc trực tiếp gặp con người ấy qua những dòng chị viết. Đó là những tâm sự rõ ràng không phải để công bố, thậm chí không phải để cho người thứ nhì đọc. Nhật kí trong thời ấy là thứ nguy hiểm. Nhà thơ Trần Vàng Sao đã phải trả giá như thế nào cho những trang anh viết về hiện thực của "chủ nghĩa xã hội" ở miền Bắc. Ở đây, Đặng Thuỳ Trâm trở đi trở lại với "*con người tiểu tư sản*", "*trí thức tiểu tư sản*" của mình. "*Tâm tình những đứa tiểu tư sản bao giờ cũng phức tạp. Có điều lạ là mình vẫn muốn như vậy hơn là chỉ giản đơn rành mạch chất phác như người nông dân*" (tr 61). "*Điều đáng buồn nhất là trong những hy sinh gian khổ ấy, Th. chưa thấy được sự công bằng, sự trung thực*" (tr.55). "*Viết đơn vào Đảng, niềm vui thì ít mà bực dọc thì nhiều*" (tr75). Ngày kết nạp Đảng (27.9.68) : "*Còn niềm vui, sao nhỏ quá so với ý nghĩa của ngày vui*" (tr.84). 16.6.70 (sáu ngày trước khi tử trận) : "*Bệnh xá đã bị đánh phá, địch tiếp tục uy hiếp dữ dội (...) Không có cách nào giải quyết khác hơn là mình vẫn phải ở lại cùng anh em thương binh. Buồn cười thay đồng chí chính trị viên của bệnh xá từ chối không dám ở lại cùng*" (tr.253). Nhà thơ Thanh Thảo (xem bài đăng trong số tới) nhận xét : bây giờ người ta ít nói tới "tiểu tư sản", khác hẳn thời "xưa", hơi một tí là người ta truy là "bệnh tiểu tư sản". Phải chăng, anh hỏi, vì chính người ta đã "đi thẳng lên tư sản" mà không kinh qua giai đoạn "tiểu tư sản" ?

Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm đã được báo chí nhà nước quảng cáo rầm rộ (nhưng tôi không nghĩ rằng người ta đổ xô đi mua, đọc và tặng cho người thân vì những lời quảng cáo ấy). Cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu viết một bài báo, kêu gọi học tập tấm gương anh hùng của liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm. Tôi tự hỏi, ông có đọc cuốn sách mà tôi đã đọc không ? Nếu có, phải chăng ông đọc hơi vội ?

✔ Sau một tuần trời nắng và không quá nóng, mưa xối xả vào ngày cuối cùng ở Hà Nội. Tối nay (9-8) tôi lên đường trở lại Pháp. Buổi chiều, có một giờ để ghé Trường Múa thăm **Ea Sola**. Sân trường vắng lặng và sũng nước mưa. Trong căn phòng rộng, chị đang tập dượt với mười mấy diễn viên múa của Đoàn ballet trung ương. Cuối tháng mười, ***Hạn hán và Con mưa 2*** sẽ trình diễn lần đầu tiên trên thế giới tại **Groningen** (Hà Lan), và từ **7 đến 11.2005** tại **Paris** (Théâtre de la Ville) trước khi lưu diễn một vòng châu Âu và thế giới.

Cách đây đúng 10 năm, ***Hạn hán và Cơn mưa 1*** ra mắt công chúng Bruxelles, rồi Paris, và đã gây ra chấn động lớn. Nhân tố gây "sốc" là 14 phụ nữ nông thôn Thái Bình, bước từ đồng ruộng và hai cuộc chiến tranh tới trước mặt khán giả, cho họ đối diện với tấm ảnh những người đã tử trận (có ít nhất ba, bốn cụ mang ảnh của con trai). Điều ít ai biết là năm 1996, các cụ đã trình diễn ở bang Nam Carolina, trong khán giả có tướng Westmoreland (mới từ trần cách đây hai tháng). Lần này, không còn nhân tố "ngoài nghệ thuật" ấy nữa. Diễn viên là những thanh niên, thanh nữ múa ballet, ra đời khi chiến tranh đã kết thúc. Ngồi nghe Ea Sola nói chuyện với các em, cật vấn mỗi người, như để "đỡ đẻ" từ tâm tư mỗi em những kí ức, cảm nghĩ về chiến tranh, về mất mát, về tình người, tôi hình dung ra lao động gian khổ của một nghệ sĩ chân chính. Lần này, khó khăn của Ea Sola Nguyễn Thuỷ không nằm ở bùn lầy Thái Bình, trong sự e ngại của các cụ, trong sự đa nghi – hay không hiểu gì cả – của nhiều người, mà ở mối quan hệ giữa sáng tạo nghệ thuật – cá thể – và kí ức, đồng cảm – tập thể. Mối quan hệ cực kì phức tạp, và đầy thử thách.

✔ Nói gì về Hội thảo Hè 2005 tổ chức trong ba ngày 28, 28 và 30.7 tại Trường đại học Kinh tế Đà Nẵng ? Có lẽ chỉ cần nói thế này : nó đã diễn ra, nghiêm túc và thoải mái, như 7 lần hội thảo được tổ chức từ năm 1998 ở New York, Liège, Aix-en-Provence, Muenchen, Orono. Chỉ khác, nó được tổ chức lần đầu tiên ở trong nước, mà không có lễ nghi, không "phong bì". Vẫn ban tổ chức là những anh chị em ở nước ngoài, vẫn tinh thần khoa học (tranh luận thẳng thắn, không "ta" bu). Một dấu hiệu đáng mừng.

PHONG QUANG

Từ Đông sang Tây : một cuốn sách có giá trị

Nguyên Thanh

Như những người chủ biên (Cao Huy Thuần, Nguyễn Tùng, Trần Hải Hạc, Vĩnh Sính) đã viết, cuốn sách này được thực hiện để bày tỏ sự cảm phục và quý trọng của những người tham gia đối với giáo sư Lê Thành Khôi. Đây là một tập tục rất đẹp trong giới đại học ở phương Tây. Trong tiếng Pháp, quyển sách như thế được gọi là *mélanges* (tạp văn) vì các bài đăng trong đó – chủ yếu có tính cách nghiên cứu hơn là ca ngợi (dù đối tượng rất đáng ca ngợi !) – rất đa dạng về đề tài cũng như cách viết, nhưng ít nhiều đều có liên quan đến các chuyên môn cũng như các chủ đề ưa thích của người được tặng. Cách làm này rất khác với cách làm thường thấy nơi một số sách " tôn vinh " xuất bản ở trong nước từ mươi năm nay: hầu hết các bài đều nhằm ca ngợi người được vinh danh nên khó tránh sự trùng lặp, đơn điệu.

Vì các người chủ biên đã theo quan niệm nói trên, nên hầu hết các bài trong *Từ Đông sang Tây (TĐST)*, kể cả những bài liên quan đến anh Khôi, đều là những bài nghiên cứu thường rất chuyên sâu.

Qua *Lời nói đầu* ngắn gọn, *Tiểu sử tóm tắt* và *Thư mục,* ta được biết rõ thêm về quá trình đào tạo đa ngành vững chắc và sự nghiệp nghiên cứu, trước tác đáng khâm phục của anh Khôi.

Nhờ sinh ra trong một gia đình sĩ phu có truyền thống Nho giáo và Phật giáo, lại được theo học chương trình cổ điển Pháp ở Hà Nội cũng như học tiếng Việt và tiếng Trung Quốc ở Trường ngôn ngữ Đông Phương (Paris), anh Khôi đã sớm thấm nhuần sâu sắc cả hai nền văn hoá Đông Tây. Chẳng những thế anh đã theo học các môn kinh tế, luật và " văn khoa " (lettres) ở Đại học Paris.

Trong gần 60 năm sống ở Pháp, anh Khôi đã từng đi nghiên cứu, giảng dạy ở hơn 40 nước trên thế giới và đã xuất bản – riêng hay chung – 42 cuốn sách về nhiều lãnh vực : giáo dục, lịch sử, văn hoá, văn học, mỹ học, kinh tế..., như *L'Industrie de l'enseignement* (1968), *L'Education comparée* (1981), *Histoire du Việt Nam des origines à 1958* (1982), *l'Education : cultures et sociétés* (1991), *Culture, créativité et développement* (1992)... Ngoài ra anh còn là tác giả của hàng mấy trăm bài viết đăng trên nhiều tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. Trong số các tác phẩm của anh, có lẽ cuốn *Le Viêt Nam, histoire et civilisation*, do Minuit xuất bản măm 1955, đã có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt về mặt chính trị : trong khoảng hai thập niên, quyển sách này đã đem lại cho nhiều trí thức, sinh viên và ngay cả chính giới phương Tây, đặc biệt ở Pháp và ở Mỹ, các dữ kiện và nhận định chính xác và nghiêm túc về lịch sử và văn hoá Việt Nam.

Điều đáng ngạc nhiên là sau ngày về hưu, anh vẫn không ngừng viết và xuất bản, thậm chí còn nhiều và đa dạng hơn trước đó: *Aigrettes sur la rizière - chants et poèmes classiques du Viêt Nam* (1995), *EDUCATION ET CIVILISATIONS I : sociétés d'hier* (1995), *II : Genèse du monde contemporain* (2001), *Un désir de beauté* (2000), *Voyage dans les cultures du Viêt Nam* (2001), *Quelques pas au sud des nuages* và *Cinquante poèmes des Tang* (2004) ...

Chắc là do uy tín khoa học lớn của anh Khôi nên cuốn *TĐST* đã có được sự tham gia của gần 30 nhà nghiên cứu và nghệ sĩ, trong đó nhiều người có tên tuổi ở Việt Nam và ở nước ngoài (xem danh sách đầy đủ dưới đây).

Phản ánh sự quan tâm của anh Khôi đến nhiều lãnh vực, tập sách được chia thành 4 phần :

Phần I (sử học) gồm các bài của Pierre Brocheux, Charles Fourniau, Daniel Hemery, Philippe Langlet, Nguyên Ngọc, Phan Huy Lê, Alain Russio, Trịnh văn Thảo, Vĩnh Sính.

Phần II (ngôn ngữ, văn học) : John Balaban, Đào Hữu Dũng, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Phú Phong, Nguyễn Tài Cẩn.

Phần III (kinh tế học) : Lê Thị Nam Trân, Trần Hải Hạc, Trần Hữu Dũng, Trần Văn Thọ, Vũ Quang Việt.

Phần IV (các ngành khoa học xã hội khác) : Bùi Văn Nam Sơn, Cao Huy Thuần, Georges Condominas, Nguyễn Tùng, Phan Đình Diệu.

Xen kẽ vào đó là tranh của Hồng Anh, Lê Bá Đảng và Phạm Ngọc Tuấn ; thư pháp của Thích Thiện Niệm.

Trước hết chúng tôi xin giới thiệu vài nhận định về anh Khôi.

Trong một chứng từ ngắn, nhà dân tộc học Pháp nổi tiếng Georges Condominas, chuyên gia về người Mơ Nông, tập trung ca ngợi Lê Thành Khôi - nhà thơ - nhà văn, được biểu lộ qua nhiều tác phẩm như *La Pierre d'amour*, *Quelques pas au sud des nuages* : « *Ở Lê Thành Khôi, tôi tìm thấy một phẩm chất mà ít nhà bác học có được : đó là sự nhạy cảm vô cùng tinh tế với chất thơ...* ».

Theo nhận định của Phan Huy Lê, « *Giáo sư Lê Thành Khôi là một nhà sử học, một học giả uyên bác trên nhiều lĩnh vực, một nhà văn hoá lớn của đất nước. Những công trình nghiên cứu của anh vừa mang tính chuyên ngành sâu, vừa mang tính liên ngành cao. Trong 60 năm sống trên đất Paris, thủ đô nước Pháp, anh tiếp thu được biết bao nhiêu kiến thức hiện đại tại một trung tâm sôi động của văn minh phương Tây, nhưng trước sau anh vẫn là một con người Việt Nam với tấm lòng luôn luôn hướng về Việt Nam, với tâm hồn và phong cách thấm đượm cốt cách Việt Nam kết hợp với những giá trị văn hoá – khoa học Đông-Tây* ».

Còn sử gia Charles Fourniau thì nghĩ rằng các trước tác của GS Lê Thành Khôi về lịch sử Việt Nam chiếm một vị trí quan trọng trong công việc nghiên cứu của ông về thời kỳ thuộc địa ở Việt Nam.

Vì quyển sách có nhiều bài nghiên cứu công phu và nghiêm túc, và nhất là vì thiếu chỗ, chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu các bài sau đây của Daniel Hemery, Vĩnh Sính và Trần Hải Hạc không những vì giá trị của chúng mà còn vì chúng đề cập đến các vấn đề cho đến nay dường như không mấy chính thống ở trong nước.

Daniel Hemery đã nghiên cứu tờ *La Lutte* trong đó có sự tham gia quan trọng của Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan

Văn Hùm… Phải chăng với thời gian, các nhân vật này đã không còn bị cấm kỵ ở trong nước ? Theo Daniel Hemery, *La Lutte* tạo ra mô hình báo tranh đấu hợp pháp « *đã đóng một vai trò không nhỏ trong sự xoay chuyển thời cuộc lịch sử ở Đông Dương trong giai đoạn 1933-1936* » (*TĐST,* tr. 106).

Bài của Vĩnh Sính phân tích một cách có hệ thống và tinh tế cuốn *Pháp Việt liên hợp hậu chi Tân Việt Nam.* Cuốn này còn ở dạng bản thảo chưa hoàn chỉnh, theo Vĩnh Sính được Phan Châu Trinh viết vào khoảng năm 1911. Trước đây, Nguyễn Văn Dương đã dịch và đăng tư liệu này trong *Tuyển tập Phan Châu Trinh* (Nxb Đà Nẵng, 1995). Dù khâm phục Phan Bội Châu (PBC) « *là người rất giàu chí khí, nhiều nghị lực, chịu nhẫn nhục và dám làm. Một khi ông đã tin vào điều gì rồi thì quyết không bỏ, dù sấm sét cũng không thay đổi, (...)*[nên] *không ai có thể sánh với ông ấy* » (*TĐST,* tr. 141), Phan Châu Trinh (PCT) cũng đã phê bình PBC rất gay gắt : « *Tiếc thay ông ấy học thức nông cạn, không rõ thời thế, thích dùng thủ đoạn và mánh khoé », « tự dối mình và dối người », « đầu óc ngoan cố khăng khăng không chịu thay đổi », « cực kỳ thủ cựu, nhất thiết không chịu đọc tân thư »...* Theo PCT, PBC « *là người có lòng yêu nước, nhưng không biết cách thương nước »,* biểu hiện cho « *những quán tính lâu đời của người Việt Nam »* như « *tính bài ngoại* », « *tính ỷ lại vào người nước ngoài* », « *thiếu tính tự lập* ». PCT thấy mình và PBC « *tính chất giống nhau, chí khí giống nhau, cảnh ngộ giống nhau, nhưng ý kiến không giống nhau và chủ nghĩa thì khác hẳn. Bởi vậy ban đầu thì thương nhau mà cuối cùng thì xa nhau, trước là bạn mà sau là địch* » (*TĐST,* tr.141-142). Những dòng sau đây do PBC viết vào tháng 3.1927, trong ngày giỗ một năm của PCT, cho thấy sau mấy chục năm trăn trở, chiêm nghiệm PBC đã thấy được đường lối dân chủ nhằm « khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh » của PCT là đúng còn chủ trương quân chủ, bạo động, dựa vào nước ngoài để cứu nước của chính ông là sai : « *Nay đã hơn 20 năm rồi, lời ôn [ông] càng sâu càng nghiệm. Tôi mới biết cái óc suy nghĩ cùng cái mắt xem xét của tôi thiệt không bằng ông* » (*TĐST,* tr. 144). Cái vĩ đại của PBC phần nào được phản ánh trong câu nói rất « quân tử », chân thành và sáng suốt này !

Đọc lại học thuyết trọng nông mà người tiêu biểu là François Quesnay, tác giả của *Tableau économique,* Trần Hải Hạc đã phê phán cách diễn dịch thiếu thuyết phục của Marx. Theo anh, thuyết này chứa đựng các đặc tính ý thức hệ của quá trình chuyển sang kinh tế thị trường trong các xã hội có sự kết hợp của chủ nghĩa tự do kinh tế và chuyên chế chính trị như ở Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.

Cuối cùng, cũng xin ghi nhận là Bửu Ý, Đào Hùng, Ngô Trung Việt, Nguyễn Ngọc Giao dịch rất tốt các bài viết bằng tiếng Pháp và tiếng Anh sang tiếng Việt : trong sáng và chính xác nên dễ đọc.

Có lẽ vì giá trị và ý nghĩa đặc biệt của nó, nên *Từ Đông sang Tây* đã được đài truyền hình quốc gia và nhiều báo trong nước giới thiệu.

Nguyên Thanh

(Thể lệ mua sách : xem trang 3)

HỌC GẦN HỌC XA

Học gần học xa[1] là tác phẩm thứ ba của Bùi Trọng Liễu từ Pháp gửi về xuất bản trong nước, trong vòng một năm nay. Trước đó là *Chung quanh Việc Học*[2] và *Tự Sự của Người xa Quê Hương*[3], tái bản cuốn *Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời*, đã in và phổ biến giới hạn tại Pháp năm 2000. Chúng tôi đã có bài giới thiệu cặn kẽ cuốn sách này, và trình bày những cảm nghĩ cơ bản về tác giả[4] vốn là một ngòi bút quen thuộc của bạn đọc Diễn Đàn.

Học gần học xa được định danh là *tạp đàm* nghĩa là nói chuyện thông thoáng (*đàm*) về những đề tài linh tinh (*tạp*), một thể loại tạp văn nổi tiếng từ thời Lỗ Tấn. Bùi Trọng Liễu là người uyên bác và ưa chơi chữ, nên đã đùa vui với chữ « *tạp ngày nay. Chất hỗn tạp hiện giờ coi bộ cũng thịnh trong công nghệ đấy chứ, đâu có phải nguyên chất, thuần đạo mới là hay* » (tr. 65).

Ở trước tác của Bùi quân, thường mô phạm, vẫn có chất dí dỏm, thậm chí hài hước. Trong tác phẩm mới này, chất dí dỏm đậm nét hơn : phần nửa trước là nhàn đàm, hài đàm, vui chuyện đông tây, từ chuyện *Lữ Bất Vi* gả vợ, *Lữ Thái Hậu* lừa con đến chuyện Catherine de Medecis, Lucrèce Borgia… Đặc biệt là chuyện họ Vi ở Lạng Sơn – Vi văn Định – có thể là hậu duệ của … Hàn Tín ! Bùi Trọng Liễu là người xưa nay ưa trích dẫn kinh điển , nhưng lần này anh kể chuyện Trung Quốc mà không nói là chuyện dã sử, chứ không phải là lịch sử, dù đã trích dẫn *Sử Ký* của Tư Mã Thiên (tr. 22). Henri Maspero đã nhắc lại điều này[5], Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi, khi dịch *Chiến Quốc Sách* cũng có nói đến kỹ càng trong bài tựa[6]. Một phần quan trọng trong tác phẩm là giới thiệu những sách, về thời sự, ít người biết của Đặng vũ Nhuế, Đặng văn Việt, Trần công Tấn. Phần cuối, tác giả trở lại một số vấn đề về giáo dục và đào tạo, địa hạt quen thuộc.

Cuối cùng, chúng tôi góp ý về tên sách, mà tác giả đã giải thích với giáo sư Nguyễn văn Đạo người viết *Lời giới thiệu*. Tựa đề là do ca dao : « *Quả cau nho nhỏ / cái vỏ vân vân / nay anh học gần / mai anh học xa / tiền bạc là của mẹ cha / cái nghiên cái bút / mới là của anh* » (tr.4). Theo tôi, và nhiều sưu tập ca dao, thì hai chữ cuối là « *của em* » chứ không phải « *của anh* », vì đây là câu hát của cô hàng cau, tần tảo nuôi chồng ăn học ; câu ca dao xưa, vì đã được Hồ Xuân Hương sử dụng : *quả cau nho nhỏ miếng trầu ôi / này của Xuân Hương đã quệt rồi...*

Xa gần, gần xa…

Đặng Tiến
23/8/2005

[1] Nxb Đại Học Quốc Gia, 334 trang, 2005, Hà Nội.

[2] Nxb Thanh Niên, 2004, Hà Nội.

[3] Nxb Đại Học Quốc Gia, 2004, Hà Nội.

[4] Diễn Đàn số 103, tháng 1-2001, Paris.

[5] Henri Maspero, Paris, 1925, Tokyo 1929, in lại trong Mélanges Posthumes III , Etudes Historiques, tr.55-56, nxb P.U.F., 1967, Paris.

[6] Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, Chiến Quốc Sách, Tựa, tr.22-29, nxb Trẻ, 1989, TPHCM

Văn hoá truyền thống và Khoa Học

Hàn Thuỷ

Gần đây có nhiều sách vở và báo chí nói đến sự hội tụ giữa "truyền thống thần bí phương Đông" và Khoa Học (KH) hiện đại. Đặc biệt gần gũi chúng ta có chủ đề hay được thảo luận là "Phật Giáo và Khoa Học". Do đó loạt bài này nhằm trả lời câu hỏi khoa học luận [1] : Phật Giáo (PG), và nói rộng ra, văn hoá truyền thống Việt Nam, với hai nguồn ảnh hưởng Ấn Độ và Trung Hoa, có ích gì cho sự phát triển KH không ?

Để tránh rơi vào những lập luận quá dễ dãi, xin được trở lại một số căn bản. Vì vậy, sau khi đặt vấn đề, bài này sẽ so sánh hai sự tiếp cận hiểu biết, tiếp cận KH và tiếp cận triết học (TH) ; bài thứ nhì sẽ trình bày những khía cạnh của tư tưởng TH Ấn Độ và Trung Quốc có liên quan đến nhận thức luận. Như thế để chuẩn bị cho bài cuối, trình bày những nghịch lý của cơ học lượng tử (CHLT) và những khó khăn khi diễn giải CHLT ; nhận định và phê phán luận đề nói rằng, vài chục năm trước đây, một số nhà bác học lớn đã tiếp cận TH "Đông phương", và lấy đó làm cảm hứng cho việc diễn giải CHLT.

Bạn đọc sẽ không thấy ở đây một chút gì về "thần bí phương Đông" [2], vì theo người viết bài này, nếu tư tưởng truyền thống của Ấn Độ và Trung Hoa có giúp gì được cho việc nắm bắt những khám phá KH mới, thì chỉ có thể là ở những suy tư TH trừu tượng và duy lý nhất [3], chứ không ở những khía cạnh thần bí, mà nói cho cùng đâu cũng đầy rẫy. Muốn đi kiếm thần bí thì giữa "phương Đông" và Âu châu Trung cổ, chưa chắc ai đã hơn ai, có điều là thần bí Âu châu trung cổ thì bán không ai mua.

1. Các truyền thống tư tưởng và nguồn gốc KH

Trước hết phải nói rằng nguồn gốc của KH là khá phức tạp, có ảnh hưởng của tư tưởng, có điều kiện kinh tế xã hội, và cũng cần một một trình độ kỹ thuật "tiền KH" nhất định. Những yếu tố này hội đủ thì nảy sinh ra KH hiện đại ở phương Tây, có thể nói từ thời Galilée. Tác giả đã viết về đề tài này trong một bài báo Diễn Đàn [4], dưới đây xin tóm tắt và bổ sung vài ý.

Nếu chỉ nhìn những ảnh hưởng tinh thần trong việc hình thành KH hiện đại thì có thể nói ngay đến Aristote, với phương pháp suy luận lôgích và công trình đồ sộ nghiên cứu thế giới tự nhiên. Chỉ khi con người ý thức rằng thế giới tự nhiên có các quy luật nhân quả nhất định thì mới có việc khảo sát tự nhiên để tìm ra các quy luật ấy, ý thức này tiềm ẩn trong nhiều triết gia Hy Lạp trước Aristote nhưng không ai phát biểu rõ.

Có lẽ khái niệm hiển ngôn hiện đại về *quy luật của tự nhiên* đến từ Averroès (1126-1198), nhà bác học lớn của Hồi giáo, được hậu thế tôn xưng như "người bình giải (Aristote)". Ông đi trước một thế kỷ và để lại ảnh hưởng lớn đến Thomas d'Aquin (1228-1274) [5] trong việc thống nhất tư tưởng Aristote và niềm tin về Thượng Đế duy nhất : Tự Nhiên là do Thượng Đế sáng tạo, nên phải theo những quy luật do Thượng Đế ấn định. Và cũng chính vì thế mà chữ "loi" (luật) đã được dùng cả cho luật pháp xã hội lẫn quy luật tự nhiên : đó đều là những điều do một quyền uy tối cao thiết lập. Đây là cơ sở để nhiều luận gia "dĩ Âu vi trung" hiện đại cho rằng tư tưởng thiên chúa giáo đóng vai trò quyết định cho sự nảy sinh KH. Nhưng lịch sử cho thấy giáo hội đã chỉ làm việc "rửa tội" cho Aristote, khi đến lúc phải chấp nhận học hỏi KH của ông (và nền văn hoá Hy Lạp nói chung) ; dưới áp lực vừa của các nhà tu trí thức, vừa của những đòi hỏi do (và cho) tiến bộ kinh tế, kỹ thuật, quân sự, thời tiền Phục Hưng ; với sự nghi ngại thường trực như ta đã biết.

Thực chất của động cơ tư tưởng trong KH là ý thức về một trật tự bao quát và nhất thống trong thế giới tự nhiên ; ý thức này tiềm ẩn ở nhiều nơi trong thế giới cổ đại, nhưng là điều kiện cần mà không đủ để nảy sinh KH. Nó được Platon và Aristote [6] quan niệm như một nguyên lý tối hậu vận hành vũ trụ, đứng ngoài và lạnh lùng với con người, chứ không phải như Thượng Đế có nhân tính, vừa sáng thế vừa cứu rỗi, của tôn giáo độc thần. Thời cổ Hy Lạp chữ "thần" (dieux) của tôn giáo bao giờ cũng là số nhiều ; đáng tiếc là cùng một chữ "dieu", số ít, đã được dùng để chỉ "thượng đế" của tôn giáo độc thần (không hề có tại Hy Lạp thủa ấy), và "thượng đế" rất trừu tượng của các triết gia, sự lẫn lộn này lại càng làm tăng ảo tưởng "thiên chúa giáo là động cơ cho KH" vừa đề cập.

Ngoài ra không thể quên những ý tưởng duy vật sơ khai nhưng sâu sắc của trường phái Leucippe và Démocrite. Nhưng không phải chỉ có những người Hy Lạp, còn Ấn Độ với hệ số thập phân và con số không, thật là vĩ đại ; còn toán học của người Ả rập, thừa hưởng từ cả Hy Lạp lẫn Ấn Độ để phát triển thành đại số học. Không phải ngẫu nhiên mà các chữ *algèbre* và *algorithme* có nguồn gốc Ả rập. Chưa kể đến thiên văn học và y học Ả rập... cũng rất cao. Đóng góp của tư tưởng Trung Quốc vào sự nảy sinh KH hiện đại có lẽ mờ nhạt nhất ; ngược lại, việc châu Âu trung cổ đã học hỏi được nhiều kỹ thuật Trung Quốc, cao hơn hẳn, chắc chắn có ảnh hưởng gián tiếp lớn đến sự phát triển KH, cũng như vai trò trung gian ngôn ngữ của những người Do thái không quê hương.

Tóm lại, tinh thần KH đã thừa hưởng tinh tuý của mọi nền văn minh ngay từ đầu, mặc dù nó có cái "gien" Hy Lạp, và đã bùng nổ tại châu Âu. Nhưng dù sao đi nữa, sau bốn thế kỷ hoạt động, tinh thần và phương pháp KH [7] hiện nay đã hoàn toàn độc lập với những nguồn gốc của nó, kể cả với Aristote. Phải khẳng định không một chút mơ hồ là : không có cái gì gọi là KH "Tây phương" hay KH "Đông phương", KH là KH, không biên giới. Với đội ngũ làm KH tràn ngập thế giới, hiện nay đã hiển nhiên là khả năng của một nhà KH không phụ thuộc vào việc anh/chị ta theo một tôn giáo nào hay một triết luận đặc thù nào. Trong hoạt động thực tiễn, nếu nhà KH có thể có được trực giác phong phú do kinh nghiệm và cả cái vốn văn hoá

riêng của mình [8], thì bản thân nền KH, như là một hệ thống lý thuyết và thực nghiệm, lại chỉ tuân thủ cái lôgích nội tại của chính nó, tôn giáo hay TH (TG&TH) không còn có ảnh hưởng hữu cơ gì cho khám phá và sáng tạo KH. Hệ thống KH rất khô khan hình thức, chính vì thế mà nó phổ quát. Nhưng cũng có lẽ chính vì thế mà xẩy ra sự li dị giữa hai môi trường KH và nhân văn, hiện tượng đáng buồn này của thế kỷ 20 vẫn được gọi là "vấn đề hai văn hoá".

Nhưng nếu những điều nói trên đến nay còn đúng thì tại sao chúng ta cần thảo luận ? phải chăng chính vì KH đang bị khủng hoảng, mà sự trợ giúp của những tư tưởng TG&TH « Đông phương » là cần thiết ?

Dù sao thì, để suy nghĩ nghiêm chỉnh về vấn đề trên, trước hết cần tìm hiểu chân thực về cả hai cơ sở tư tưởng. Đó là KH và văn hoá dân tộc nói chung, PG nói riêng, chứ không phải "Đông phương" và "Tây phương". Tại sao không nói Đông phương và Tây phương ? khái niệm "Đông phương" rất mơ hồ, đây là khái niệm... của người "Tây phương" [9] đặt ra trước tiên, trong quan niệm *dĩ Âu vi trung* của họ thì từ phía đông nước Hy Lạp trở đi là « Đông phương », nghĩa là *không phải ta*. Thế mà chỉ nói riêng Trung Quốc và Ấn Độ, là hai nước ảnh hưởng nhất đến VN truyền thống, thì đã khác nhau một trời một vực.

Cơ bản và bao trùm hơn hơn vấn đề *"Đông phương" và KH* là vấn đề "hai văn hoá" đã đề cập ở một đoạn trên, sự hoà đồng giữa tinh thần KH và tinh thần nhân văn đang là yêu cầu cấp bách chung cho cả loài người. Như thế việc các nhà bác học phát biểu về triết lý là điều đáng mừng, khi những phát biểu đó bao gồm sự học hỏi các truyền thống nhân văn khác với truyền thống vốn có của họ, thì còn đáng mừng hơn nữa [10]. Đứng trên cơ sở tư tưởng này để tìm hiểu cơ sở tư tưởng kia là điều phải làm trong thời đại trái đất đã chật như ngày nay. Nhưng thật ra dùng chữ "đứng" là sai, không ai "đứng" cả. Đó là một quá trình "đi", đi để mở rộng học vấn bản thân, và khi tôi hiểu rõ điều gì thì điều ấy đã nằm trong tư tưởng (thường là không ai hoàn toàn giống ai) của tôi rồi... "đi" như vậy dĩ nhiên rất khó khăn ; cần thận trọng, chặt chẽ, nghiêm túc [11]. Chỉ với điều kiện đó thì từ khung cảnh "hai văn hoá" này ta mới có thể học được nhiều điều để trở lại tiếp cận vấn đề hẹp hơn là văn hoá "Đông phương" và KH.

2. Tiếp cận KH và tiếp cận TH

Nhiệm vụ tối quan trọng chung của cả xã hội là xác định hướng phát triển và việc sử dụng thành quả của KH, con dao sắc nhưng có lợi hay có hại tuỳ người dùng, nói điều này đã quá nhàm rồi, và lạc đề. Quan trọng cho chủ đề của bài này chính là việc cần phân chia rạch ròi các phạm vi hoạt động giữa KH tự nhiên với tôn giáo hay/và TH hay/và kinh tế - chính trị... (từ nay xin tạm gọi chung khối hoạt động trí tuệ ngoài KH tự nhiên đó, là Xã Hội và Nhân Văn, XH-NV). Biên giới ở đâu ? Sau nhiều thế kỷ ảo tưởng thì đến nay đã rõ là KH không thể hướng dẫn cho việc tổ chức xã hội, hay áp đặt những tiên đề về đạo lý xã hội, như những nhà duy KH của các thế kỷ 18-19 mơ mộng ; cũng như XH-NV không thể hướng dẫn phương pháp nghiên cứu KH, hay áp đặt những tiên đề vũ trụ quan cho KH, để sẽ không tái diễn sự "lãnh đạo" KH thảm hại của chủ nghĩa Staline [12]. XH-NV không thể chống lại những kết luận đã được kiểm chứng của KH về thế giới tự nhiên (không gồm những ngoại suy có tính triết lý của các nhà KH [13], mấu chốt là ở chỗ này) ; và KH không có gì để nói về tình cảm, tâm linh và thẩm mỹ nơi con người.

Trên đây là một số những vùng cấm kỵ giữa hai văn hoá mà lịch sử đã vạch ra được, qua nhiều kinh nghiệm cay đắng. Nhưng nếu chỉ có những cấm kỵ đó thì sợ rằng XH-NV và KH ngày lại càng xa nhau, theo kiểu : ngươi không đụng đến ta thì ta cũng không đụng đến ngươi, như nước sông và nước giếng. Tuy nhiên, sự phân biệt rạch ròi là bước đầu để hai văn hoá KH và XH-NV hoà đồng được với nhau một cách đẹp đẽ, và sẽ là một bước tiến, nếu chúng ta hiểu sâu hơn tại sao có sự khác biệt đã đưa đến cái ranh giới ấy.

Vì những hoạt động xã hội và nhân văn, kể cả tôn giáo hay chính trị, đều dựa trên một số triết thuyết nền tảng, dưới đây xin so sánh các hoạt động KH và hoạt động TH, với chữ TH theo nghĩa rất rộng, bao gồm XH-NV như thế.

2.1 Ngôn ngữ TH là dị biệt, ngôn ngữ KH là đại đồng

Cả TH lẫn KH đều là những hệ thống ngôn ngữ và lý luận nhất quán (cohérent) và có nội dung (significatif). Tuy nhiên, chúng khác nhau ở chỗ các lý thuyết KH đều có chung một ngôn ngữ nền tảng, đó là ngôn ngữ toán học và luận lý học hình thức ; trong khi đó mỗi hệ thống TH lại mang theo nó một hệ thống ngôn ngữ và khái niệm riêng. Ngôn ngữ và khái niệm của mỗi triết gia được xác định từ cổ nhân, để làm khác cổ nhân. Chính do vừa bị truyền thống văn hoá đè nặng lên ý nghĩa từng câu chữ, vừa phải thoát khỏi quá khứ để đề cập đến những vấn đề mới [14], mà sự suy nghĩ phản tỉnh về ngôn ngữ (vừa là công cụ trói buộc, vừa là công cụ giải phóng) là một vấn đề TH lớn.

2.2. TH khởi đầu là bao trùm, KH khởi đầu là khu biệt

Một hệ thống TH hoàn chỉnh thường phải phát biểu về mọi phạm trù của đời sống và tư tưởng, mà có thể phân ra thành ba loại đối tượng : tự nhiên, con người, và xã hội, cùng với những quan hệ nhiều chiều giữa ba cực đó. TH thường khởi đi từ những điều rất bao trùm và căn bản (trong nghĩa những điều căn bản lại nằm trong mọi đối tượng của tư tưởng), chung cho mọi hình thái hiện hữu hay/và vận động của sự vật. Chính vì thế mà một vấn đề TH đầu tiên là **bản thể luận** (ontologie). Bản thể luận, nghĩa là bàn về "thực tại tự nó" (réalité en soi), một câu hỏi chỉ có thể đặt ra khi có tham vọng bao trùm mọi hình thái của thực tại, để trả lời bằng cách chỉ ra những điều chung nhất giữa những hình thái đó.

Bản thể luận không thể tách khỏi bản thân chữ "luận", tức là khảo sát tại sao và làm thế nào con người có thể nhận thức và trao đổi về bản thể ? thậm chí phải chăng đó là một vấn đề giả ? không thể đặt nền tảng cho cuộc sống... Tóm lại, một vấn đề căn bản nữa của TH chính là **nhận thức luận**, sánh đôi (dual) với bản thể luận. Nó bao gồm tư duy về ngôn ngữ như đã nói ở đoạn trên. Dĩ nhiên, nhận thức luận thời hiện đại cũng không thể không tư duy về hình thái nhận thức đặc biệt của KH, đó là bộ môn **khoa học luận**.

Khoa học luận chỉ bàn về một hình thái nhận thức đặc biệt thôi, vì KH khiêm tốn hơn, luôn luôn khu biệt các đối tượng khảo sát, KH tự nhiên chỉ khảo sát thiên nhiên, trong đó mỗi lý thuyết và thực nghiệm KH cụ thể lại chỉ nhắm vào một đối tượng hay một khía cạnh nhất định nào đó thôi của thực tại. Khi đã khu biệt và giới hạn phạm vi khảo sát, thì nhiều lắm chỉ có thể đặt ra câu hỏi về thực tại nghiệm sinh (réalité empirique), còn có thể gọi là thế giới hiện tượng, (le monde des phénomènes) ; tức là những hiện tượng có tác động đến cảm nhận cụ thể của con người, trực tiếp hay gián tiếp qua những vật dụng khác nhau, mà thôi. Sự khu biệt này rất cần thiết cho hai hoạt động KH là ***mô hình hoá***, và ***định lượng***. Không thể định lượng nếu không mô hình hoá, nghĩa là thiết lập những thực thể, với những ***định tính*** của chúng được xác định trong một quan hệ tổng thể (cũng do đó không thể mô hình hoá tất cả các mặt của thực tại nghiệm sinh), mỗi định tính này lại đi kèm một đơn vị định lượng [15] ; không thể định lượng nếu không có đo lường, mà mỗi lúc chỉ có thể đo lường một số rất nhỏ các tham số, nói gì đến hàng tỷ tỷ tỷ tham số vật chất có trong vũ trụ. KH là có khu biệt. Không khu biệt được chưa phải là KH.

2.3. Nhưng tiến trình phát triển KH là đi tới bao trùm

Một hệ thống TH đến sau có thể rất khác lạ, thậm chí mâu thuẫn với một hay nhiều hệ thống có trước ; còn một lý thuyết KH đến sau sẽ phải tìm cách bao trùm được các lý thuyết đi trước nó, sau một thời gian. Lịch sử KH cho thấy điều này cho tới nay là đúng, nếu trên nguyên tắc không có gì bảo đảm tương lai sẽ như thế mãi. Cuộc "khủng hoảng CHLT" đang nổi cộm hiện nay chính vì nó chưa bao trùm được quá khứ, điều này ta sẽ xét kỹ hơn sau. Ở đây nhân tiện chỉ nhấn mạnh một khía cạnh : tại thời điểm khủng hoảng này vấn đề ngôn ngữ cũng đặt ra, tương tự như với TH, vì ngôn ngữ KH vẫn đang bị mâu thuẫn "trói buộc và giải phóng". Đó là điều đã ám ảnh Bohr, và quan niệm của ông về CHLT chính là kết quả của một sự cân nhắc rất kỹ lưỡng về ngôn ngữ : vấn đề của ông, một "chưởng môn", là làm sao để các nhà KH cộng tác được với nhau trong việc khảo sát những hiện tượng cực kỳ thách đố trí tuệ và thế giới quan truyền thống.

2.4. Thao tác và diễn giải trong KH

Quan hệ giữa KH và thực tại nghiệm sinh là một loại quan hệ đặc biệt không có trong TH. Nếu chúng ta chấp nhận nói về ba thế giới sau đây (*à la Popper*, nhưng không phải như Popper [16]) : thế giới bản thể, thế giới hiện tượng và thế giới ngôn ngữ (khái niệm) của con người ; thì : TH dùng thế giới ngôn ngữ để nói về thế giới bản thể [17] và thế giới hiện tượng, cái "nói về" này là một sự liên tưởng giữa ngôn ngữ và thực tại, chỉ có trong đầu người nói/viết và người nghe/đọc. Trong khi đó KH dùng **thao tác mô hình hoá** (bằng ngôn ngữ toán và luận lý hình thức) để mô tả thế giới hiện tượng, và **thao tác thực nghiệm** để kết nối (kiểm soát tính chính xác và tính đầy đủ của mô hình) giữa thế giới mô hình với thế giới hiện tượng. Và, trên nguyên tắc, không nói gì về thế giới bản thể cả.

Ở trên viết "trên nguyên tắc", vì trên thực tế nhà KH cũng khao khát có được những niềm tin chắc chắn về bản chất của thế giới... cho nên, trong quá khứ trước thế kỷ 20, nhà KH nói chung xem "thế giới khách quan" và thế giới hiện tượng là một, là có thật, hiểu được và chế ngự được. Còn hiện nay, sau những khủng hoảng có tính nền tảng của toán học và vật lý học, đại đa số vẫn coi thế giới hiện tượng là cái rất gần, nếu không là đồng nhất, với thế giới bản thể, hiểu được một cách hạn chế qua liên tưởng với mô hình. Và tuy mô hình là sản phẩm của trí tuệ con người, niềm tin của nhà KH vẫn là : thế giới bản thể là cái gì hiện hữu độc lập với ý thức con người. Ở đây có điều bí ẩn : *Điều không thể hiểu được là tại sao thế giới này lại hiểu được* (Einstein). Cho nên, mặc dù kêu trời là không thể "hiểu" được CHLT, người ta vẫn muốn "hiểu", chứ không thể chỉ bằng lòng với các thao tác rất hiệu quả của nó. Nhà toán học René Thom đã nói : "tiên đoán không phải là giải thích". Câu này nhấn mạnh nhiệm vụ **diễn giải** (interprétation) các lý thuyết KH của văn hoá giáo dục, chuyện mà một số nhà KH lớn như Einstein, Feynman... làm rất nghiêm túc.

Như thế ta đã gặp vai trò nước đôi của mô hình KH : mô hình phải "thao tác được", nhưng cũng lại phải "hiểu" được. Thao tác được, tức là mô hình phải có định lượng đi kèm định tính, có các quy luật liên hệ định lượng giữa các định tính, xác định được bằng thực nghiệm. Còn "hiểu" ? cảm giác "hiểu" là một trạng thái tâm lý không thể xác minh, nó nằm ngoài lý luận. Có lẽ người ta chỉ có thể mô tả nó như là sự bằng lòng với diễn giải. Và có thể định nghĩa diễn giải như việc mô tả sự thay đổi từ thế giới quan cũ đến thế giới quan mới, thích hợp với một tập hợp khái niệm mới ; qua những hình ảnh quen thuộc thiết lập được bằng ngôn ngữ của thế giới quan cũ. Kể cả việc trong sự diễn giải ấy rất nhiều khi phải nói " *nhưng thật ra không phải thế, mà...* " [18]. Với thời gian, các rào cản tâm lý do sự "hiểu" cũ lập nên (mà nói cho cùng cũng chỉ là các giáo điều, thí dụ như vũ trụ quan của Ptolémé...) sẽ biến mất trong thế hệ trẻ cùng với những dạy dỗ sai lầm.

Nếu KH chỉ là "hiểu" thì luận cứ này có mùi tương đối luận kiểu "hậu hiện đại", nhưng không phải thế, vì ngoài vế "hiểu" còn vế "thao tác đo lường" nữa.

2.5. Đo lường

Nếu vấn đề bản thể là một vấn đề cơ bản của TH, thì vấn đề đo lường (hiểu theo nghĩa rộng nhất, gồm cả quan sát) là một vấn đề cơ bản của KH **lý thuyết và thực nghiệm**. Đo lường, trong nghĩa thao tác nối liền thực tại kinh nghiệm và mô hình, như nói trên, thường có hai công dụng : một là kiểm chứng một hiện tượng cụ thể đã được lý thuyết tiên đoán ; và hai là phát hiện một hiện tượng mới, cần được giải thích qua nghiên cứu mô hình. Khi đo lường và lý thuyết đã ăn khớp với nhau thì đó là nguồn gốc của tiến bộ kỹ thuật, một hiệu ứng mới có thể được ứng dụng trong việc sáng tạo một sản phẩm KH kỹ thuật mới. Có thể nói trong sản phẩm mới đó một bộ phận sẽ "đo lường" một hay nhiều bộ phận khác, theo nghĩa những tương tác giữa các bộ phận này là sự trực tiếp lặp lại những thí nghiệm đã được thiết lập giữa đối tượng thí nghiệm và việc đo lường kết quả. Các đầu đọc băng từ đĩa từ chẳng hạn, đều thực sự là các máy đo từ trường ; kính

hiển vi lượng tử áp dụng hiệu ứng đường hầm... là một cái máy đo hiệu ứng đường hầm (effet tunnel). Cái màn huỳnh quang trong TV cũng là một máy đo lường góc bắn của điện tử... « Quên » khía cạnh này là sai lầm một thời của nhà bác học lớn Wigner, mà ta sẽ bàn đến sau.

*

Tóm lại, **đã KH là có định lượng** [19], tuy không chỉ có thế, dĩ nhiên. Một lý thuyết KH, dù bao quát cả vũ trụ, vẫn khác một triết thuyết ở chỗ lý thuyết KH cho phép khu biệt những sự vật, những hiện tượng... đo lường được. Thuyết tương đối hay thuyết lượng tử (hay một thuyết nào đó trong tương lai kết hợp được chúng) đều mô tả thực tại nghiệm sinh một cách rất bao trùm, không gì trong tự nhiên thoát khỏi tầm hoạt động của nó. Một lý thuyết như thế có màu sắc của một bản thể luận ; nhưng nó vẫn có định lượng, có nghĩa nó mang theo những quy luật kiểm chứng được bằng thực nghiệm.

Quên điều này thì không phân biệt được đâu là những diễn giải (interprétation), ức đoán (conjecture, phát biểu một định lý hay quy luật mà chưa chứng minh), dự phóng (spéculation, khi ấy chỉ có mô tả định tính một cách mơ hồ vì chưa khám phá được các quy luật định lượng), hay ngoại suy TH (extrapolation philosophique, những nhận định bản thể luận ngoài KH nhưng bao trùm các kết quả KH) của nhà KH [20], mà nhà KH có quyền phát biểu như bất cứ ai, nhưng cũng không có thẩm quyền hơn bất cứ ai ; và đâu là những công trình lý thuyết và thực nghiệm của chính họ. Và quên điều này thì cũng dễ tán nhảm về những trực giác, nhiều khi rất đẹp và sâu sắc, của tiền nhân, thí dụ như về âm dương, ngũ hành, nhân quả, vân vân ; mà nói cho cùng thì vẫn chỉ là những tư duy ở giai đoạn "tiền KH" mà thôi.

Hàn Thuỷ

[1] Khoa học luận : *philosophie des sciences*, đồng nghĩa với *épistémologie* trong tiếng Pháp, *philosophy of science* trong tiếng Anh. Còn *epistemology* trong tiếng Anh lại là *nhận thức luận*, mà tiếng Pháp là *philosophie des connaissances*, sát với từ nguyên hơn và ý nghĩa rộng hơn *khoa học luận*.

[2] Thí dụ như trong cuốn "The Tao of physics" của Fritjof Capra... một thành công thương mại vì nó vừa thoả mãn mặc cảm tự ty của "phương Đông" trước KH, vừa thoả mãn tính thích cái lạ lẫm (exotique) của "phương Tây" về "thần bí phương Đông", ngoài ra không có gì đáng nói đến ngoài ảo giác kép của tác giả : lấy cái "thần bí phương Đông" để diễn giải một cái nhìn cũng thần bí về CHLT.

[3] Duy lý không đồng nghĩa với duy vật, có nhiều chủ nghĩa duy lý, mà mẫu số chung là tin tưởng nơi lý trí con người và không mâu thuẫn trong diễn ngôn, tuy các điểm khởi đầu có thể rất khác nhau.

[4] Khoa học, Kỹ thuật và Văn hoá, Diễn Đàn số 37, 01.1995

[5] Mặc dù Thomas d'Aquin bảo thủ hơn và chống lại Averroès rất mạnh ở một điểm cơ bản : nhà bác học Ả Rập cho rằng nên tách rời niềm tin và lý trí, còn Thomas d'Aquin cho rằng niềm tin và lý trí là một thể thống nhất. Averroès cuối cùng bị Hồi giáo chính thống lên án, bị lưu đày khoảng 1 năm rưỡi, cho đến khi gần chết mới được tha về Marakech. Các trước tác của ông (y học, luật học và TH) được người do thái dịch sang tiếng Latinh, từ đó được học hỏi trong giới Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo, còn thế giới Hồi giáo thì lại quên lãng, cùng với sự thoái hoá của họ không lâu sau đó !

[6] Điểm khác biệt lớn là Platon cho rằng có một vị thần xây dựng trần thế và cho nó một linh hồn – thần này là *Démiurge*, ông không dùng chữ "dieu" (Théos) như Aristote – còn Aristote cho rằng vũ trụ luôn luôn có đó, vô thuỷ vô chung. Thần (Dieu) của Aristote, cũng như linh hồn trần thế của Platon, là nguyên lý vận hành tối hậu của vũ trụ.

[7] Đây chỉ xin nói về KH tự nhiên, KH xã hội dĩ nhiên phức tạp hơn, nhà KH Xã hội thường chịu ảnh hưởng một triết thuyết nhất định.

[8] Trực giác và quy nạp là cực kỳ quan trọng trong khám phá, phát minh... nhưng sự chặt chẽ KH đòi hỏi chỉ có tiên đề và diễn dịch, tức là phải "giết cha" ! phải loại bỏ hoàn toàn phần trực giác và lý luận kiểu tương tự, quy nạp... trong diễn ngôn KH chính thống.

[9] Để trong dấu nháy, vì cái nhìn giản lược về "Đông phương" chỉ có trong các học giả của họ trước đây hơn nửa thế kỷ. Đáng tiếc là nhiều học giả Việt Nam cũng dùng thuật ngữ "Đông phương" trong các trước tác của mình về văn hoá Ấn Độ - Trung Quốc - Việt Nam. Nói về bản thân mình mà lại mượn một thuật ngữ rất mơ hồ đã lạc hậu của " phương Tây " , tại sao thế ? Thế thì xếp Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Á, Trung cận Đông, vào « phương » nào ?

[10] Các bác học lớn đầu thế kỷ 20 như Einstein, Bohr, de Broglie, Schrödinger, Heisenberg... đều sâu sắc về TH Âu châu, nhưng về Ấn Độ và Trung Quốc thì còn tuỳ.

[11] Vì thế khi đọc một nhà KH nói về TH, hay khi đọc một triết gia nói về KH... ta nên nhớ khi ấy tiên thiên, *a priori,* họ không có thẩm quyền hơn ai, và tin họ hay không là trách nhiệm của mình.

[12] Vậy không có nghĩa chủ nghĩa Staline lãnh đạo nhân văn khá hơn, dĩ nhiên ! Mỗi lần nghe tán dương nhà văn hay nhà giáo dục như những "kỹ sư tâm hồn", là tôi nổi da gà. Ôi ! tại sao có thể đem tâm hồn còn người so sánh với một cái máy ? nghĩ như thế chỉ có thể dẫn đến hiện tượng "học tập, cải tạo"... còn bi thảm hơn nhà tù đơn thuần. "Sửa chữa" tâm hồn con người ta cũng dễ như sửa cái máy cày ư !!! lạy trời cho tôi không bao giờ gặp một "kỹ sư tâm hồn".

[13] Dĩ nhiên nhà KH cũng cần đến TG&TH như mọi người, kể cả để tự an ủi trước một số bế tắc của họ trong lĩnh vực nghề nghiệp. Và ngược lại, tinh thần KH đích thực, rốt ráo và trung thực trong lý thuyết và thực nghiệm, đồng thời khiêm tốn trước thiên nhiên... lại có ảnh hưởng gián tiếp rất quan trọng trên đạo lý xã hội.

[14] Ít ra là của thời đại, không cấm cản có những vấn đề mới phát hiện, mà đã có từ muôn thủa.

[15] Thí dụ một vật thể bất kỳ trong mô hình của cơ học cổ điển có những định tính như toạ độ, khối lượng... đi liền với những định tính này là các đơn vị định lượng như mét, kilogram... dùng để định lượng hoá một vật thể cụ thể nào đó bằng cách đo lường, tức là gán cho mỗi định tính này một con số, như 3 mét, 5 kilogramme.

[16] Popper chia ra thế giới vật chất, thế giới nghiệm sinh chủ quan và thế giới văn hoá. Bài này nói về ba thế giới : bản thể, nghiệm sinh khách quan (hay ít ra liên chủ quan), và ngôn ngữ - khái niệm ; và không loại trừ những thế giới khác như tâm linh... tuy không nói tới.

[17] Dù để phủ nhận rốt ráo là "không có bản thể", thì vẫn cần đến khái niệm bản thể.

[18] Như thế luôn luôn dài dòng và không chính xác bằng ngôn ngữ mới của lý thuyết mới, do đó khi người ta dần dần vận dụng quen thuộc ngôn ngữ mới thì sự diễn giải bằng ngôn ngữ cũ trở nên không cần thiết. Một thế hệ mới đã trưởng thành. Thí dụ : ngày xưa để hiểu nguyên lý quán tính trong cơ học Newton người ta phải giải thích : khi nói theo Aristote *...muốn cho vật thể chuyển động thì cần dùng lực, con ngựa phải kéo thì cái xe mới đi...* thì đúng ở đâu và sai ở đâu.

[19] Cần hiểu "định lượng" theo nghĩa rộng : định lượng không phải chỉ có các con số. Sắp xếp hiện tượng theo một mô hình cấu trúc hình thức, như xếp loại thực vật theo dạng cây của Linné, cũng là "định lượng"... Thêm nữa, định lượng chỉ có nghĩa khi nó là định lượng của một định tính, nghĩa là một phẩm chất nhất định của thực thể, định nghĩa được trong một lý thuyết khoa học.

[20] Thí dụ như Bohm, mà cơ sở tư tưởng ban đầu là chủ nghĩa hiện thực "kiên quyết và thuần tuý" (Bohm theo thuyết de Broglie, cho rằng hạt lượng tử và sóng luôn luôn đồng hiện hữu). Sẽ phát triển trường hợp rất lý thú này.

Tản mạn về cái đẹp

Văn Ngọc

tặng những người đi tìm cái đẹp



« Người đẹp trong mộng » ?

Cái đẹp khó nắm bắt, bởi một lẽ đơn giản là « *nó không có khái niệm, không tồn tại ở trong sự vật* » (Kant (1724-1804), *Critique du Jugement* / *Phê phán khả năng thẩm định* §1, 1790). Ngay cả trong đầu óc con người, nó cũng không tồn tại dưới một hình dạng cụ thể nào cả. Cùng lắm, người ta cũng chỉ có thể hình dung được những yếu tố cấu thành của nó : một màu sắc, một chất liệu, một bố cục, một nhịp điệu, hay một tỷ lệ (*tỷ lệ vàng* với những *con số vàng*). Song, những yếu tố này, đứng riêng lẻ không làm nên cái đẹp được.

Khi ta nói « người đẹp trong mộng », thực ra đó cũng chỉ là một cách nói, khi ta *đã gặp* một người đẹp cụ thể nào trong đời, mà ta cho đó là « người đẹp lý tưởng » của ta. Còn nếu không, tôi đố bạn *tưởng tượng* được ở trong đầu hình ảnh một « người đẹp lý tưởng» nào mà chưa bao giờ bạn biết mặt đấy !

Tạo hóa (hay Nghệ thuật ?) oái oăm thay, bày đặt ra *cái đẹp*, nhưng lại không cho biết cái chìa khóa của nó nằm ở đâu, sự vận động của nó như thế nào ? Vậy thì trước tiên, ta cần xem xét xem *ý niệm đẹp* từ đâu mà có, và làm sao nắm bắt được nó ?

Một vật thể, một hiện tượng thiên nhiên, hay một tác phẩm nghệ thuật, mà ta cho là đẹp, người khác cũng có thể thấy là đẹp, nhưng cũng có thể thấy là xấu. Tất cả đều tùy ở những *quy ước*, những định kiến có sẵn về cái đẹp, mà mỗi người chúng ta đã hấp thụ được từ môi trường văn hóa, từ giáo dục mà ta nhận được, từ cộng đồng xã hội ở xung quanh. Do đó, sự nhất trí về một cái đẹp cụ thể nào đó đều chỉ có thể dựa trên một sự *đồng thuận* giữa con người với con người, trên những *tiêu chuẩn* và *quy ước*. Cũng do đó, mà cái đẹp chỉ có tính chất *chủ quan* (Kant, *sdd*.)

Hơn 30 năm sau những điều Kant công bố, mà tôi vừa trích dẫn ở trên, Hegel tuy không phủ nhận những điều cơ bản mà Kant đã vạch ra đó, nhưng lại đưa ra một định nghĩa khác về cái đẹp và cho nó một nội dung thần bí, siêu nhiên : theo ông, « cái đẹp » là « ý niệm về cái đẹp », và suy cho cùng, thì đó chính là « lý tưởng tuyệt đối về cái đẹp », và Hegel cho rằng nếu đã chấp nhận có một « lý tưởng đẹp» tồn tại, thì « khái niệm đẹp » cũng tồn tại. (Hegel (1770-1831), *Esthétique* / *Mỹ học §1*- gồm những bài giảng ở đại học Berlin từ 1818-1829). Thực ra, ở đây Hegel đã lấy lại một cái ý rất xưa và cũng rất thần bí của Platon (thế kỷ 5 tr.C.N.), cho rằng « con người nhận ra được cái đẹp là do nhớ lại được những Ý tưởng tiên nghiệm (Ý tưởng tuyệt đối của Thượng đế) ».

Cũng may thay, là cái đẹp không có khái niệm, chứ nếu có, thì chắc hẳn trong nghệ thuật sẽ chẳng còn điều gì là bí mật nữa, cái đẹp sẽ hết còn là « muôn hình muôn vẻ », con người cũng sẽ hết còn có thể mơ tưởng đến một « cái đẹp », hay « người đẹp » lý tưởng nào nữa, tất cả đều đã được an bài, đều đồng điệu, hay đơn điệu cả rồi, văn chương, nghệ thuật chắc cũng sẽ hết chuyện để nói ! Người ta sẽ không còn phải bày đặt ra những ước lệ và những tiêu chuẩn để quy đinh cái đẹp. Cụ Nguyễn Du sẽ khỏi phải tả vòng vo để khen cái đẹp (quả là cái đẹp ước lệ !) của Thúy Kiều và Thúy Vân (mà rốt cục người ta cũng không biết được ai đẹp hơn ai) :

«*...Vân xem trang trọng khác vời,*

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn.

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh... »

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều* – câu 17-24)

Xem như vậy, cái đẹp không có khái niệm cụ thể, lại là một điểm vô cùng thuận lợi cho nghệ thuật và cuộc sống con người, nó cho phép con người tự do mơ mộng và tự do lựa chọn !

Trở lại Kant và Hegel. Vào thời đại của hai triết gia này, những trào lưu « nghệ thuật hiện đai » chưa ra đời, mãi đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những ý tưởng mới mẻ, táo bạo, về nghệ thuật mới bắt đầu nở rộ (và đương nhiên, những lý luận về nghệ thuật cũng vậy). Do đó, Kant và Hegel đã chỉ có thể phân tích sự vận động của trí tưởng tượng, óc sáng tạo và cảm xúc thẩm mỹ, thông qua những tác phẩm nghệ thuật của thời đại mình, tức là những tác phẩm cổ điển, ba-rốc, hoặc lãng mạn, hoặc xa hơn nữa, những tác phẩm của thời Phục Hưng, hoặc thời Trung cổ, về hội họa, cũng như về điêu khắc và kiến trúc, trên cơ sở những lý thuyết nghệ thuật thịnh hành ở những thời đó.

Bản thân Hegel cũng đã từng nói : « *những suy luận triết học không thể nào vượt qua thời đại của mình được* » (Hegel, *Mỹ học*). Điều đó quá lô-gích, vì người ta chỉ có thể suy ngẫm, phân tích, và rút ra những kết luận, trên những việc đã làm, đã qua mà thôi. Trong cùng ý đó, chúng ta sẽ thấy rằng, trong nghệ thuật, có một hiện tượng tương tự, đó là : lý luận và những quy tắc nghệ thuật chỉ có thể đến sau tác phẩm nghệ thuật (Điều này Kant cũng đã từng nói đến trong tác phẩm kể trên).

Mầm mống của các quy ước về cái đẹp

Điều mà chúng ta muốn biết, trước hết là : *ý niệm* về cái đẹp, không phải tự nhiên mà có, và nếu như cái đẹp chỉ là một mớ những *quy ước*, thì dựa trên cơ sở lý thuyết hay thực tiễn

nào, mà con người đã đặt ra được những quy ước ấy ?

Không phải ngẫu nhiên mà người đời lại có được một sự *đồng thuận* gần như phổ biến trong mọi nền văn hóa, về *cái đẹp* của một số vật thể và hiện tượng trong thiên nhiên : từ cái đẹp của các loài hoa, cỏ, cây cối, súc vật, cho đến cái đẹp của bầu trời lúc rạng đông, hay cảnh mặt trời lặn trên biển lúc hoàng hôn ? Aristote (thế kỷ 4 tr. C.N.) còn lấy cái đẹp của cơ thể con người làm khuôn mẫu cho sự hài hòa, cân đối, của hình khối và tỷ lệ (tượng thần « Apollon », tượng Người ném đĩa / « Le Discobole » , tượng Nữ thần Ái Tình / « La Vénus de Milos », v.v. trong nghệ thuật điêu khắc cổ điển Hy Lạp).

Những *cái đẹp* tự nhiên ấy ắt hẳn phải có những quy luật vận động của chúng ? Và chắc hẳn, đối với con người, đó chính là những thí dụ cụ thể đầu tiên về những « cái đẹp có sẵn » trong thiên nhiên, những bài học « vỡ lòng » đầu tiên về thẩm mỹ ?

Người ta thường an nhiên chấp nhận những hiện tượng này như là những giá trị vĩnh cửu, những *cái đẹp* gần như bất di bất dịch của thiên nhiên, song ít khi nào đi sâu phân tích đâu là những yếu tố khiến cho mình thấy chúng đẹp. Cũng không mấy ai đi lần trở lên những đầu mối, những « bí quyết » của những cái đẹp ấy..

Chỉ cần nhận xét rằng, ngay từ trước khi biết đến những *quy ước* mà con người đặt ra để thẩm định cái đẹp, hay để sáng tác nghệ thuật, đứa trẻ thơ 4, 5 tuổi đã biết *nhạy cảm* với những hiện tượng thiên nhiên vừa nói trên. Ở đây, có thể có ảnh hưởng của bản năng, hoặc của tính di truyền, điều này khoa di truyền học chắc có thể trả lời được, nhưng nói chung, mặc dầu chưa có óc phân tích, đứa trẻ vẫn nhận biết được cái đẹp hấp dẫn của một bông hoa, của một hòn cuội, hoặc của một con sò, con ốc, có hình dạng ngộ nghĩnh, hay độc đáo. Nó cũng biết thưởng thức cả cảnh mặt trời lặn trên mặt biển, với những sắc màu tương phản, rực rỡ. Ở tuổi này, đương nhiên nó cũng chỉ mới biết có một số rất ít những vật thể và hiện tượng, mà người lớn gọi là « đẹp » mà thôi.

Bài học của thiên nhiên

Vậy thì những cái đẹp đó có phải là những cái đẹp đã « có sẵn » ở trong thiên nhiên ? Đâu là những yếu tố có giá trị thẩm mỹ mà chúng chứa đựng, và có khả năng gây cảm xúc cho chúng ta ?

Ở bông hoa, phải chăng đó là cái đẹp của *cấu trúc*, của *màu sắc ? Biết rằng,* cấu trúc và màu sắc chính là những hiện tượng thể hiện những quy luật ẩn kín của *sự sinh tồn* và *sự hài hòa*, *cân xứng*, của các sinh vật trong thiên nhiên. Mặt khác, đó còn là những hiện tượng có thể đo đếm, tính toán được một cách chính xác, và do đó có thể tái tạo được.

Cái đẹp của một hòn cuội, phải chăng là cái đẹp của *hình thể*, của *chất liệu ?* Cái đẹp của một khóm cây, nhánh lá, là cái đẹp của *nhịp điệu ?* Còn cái đẹp của cảnh mặt trời mọc hay lặn, là *cái đẹp sinh động* của ánh sáng xuyên qua không gian và những lớp mây đầy màu sắc rực rỡ, mà hình thể luôn luôn biến đổi ? Điều đáng chú ý, là tuy mỗi hoàng hôn là một hoàng hôn khác, với những yếu tố, những tham số, biến đổi mỗi ngày mỗi khác, song trong đầu óc chúng ta, hoàng hôn bao giờ cũng là một hiện tượng đẹp, gần như là một *cái đẹp* cụ thể, hiển nhiên !

Rất có thể, thoạt đầu tiên, con người đã nhận được những bài học « vỡ lòng » từ tác động của những hiện tượng tự nhiên này, với những yếu tố thẩm mỹ, những cái đẹp *muôn hình, muôn vẻ* của chúng ? Tuy nhiên, cái khả năng cảm thụ ấy , sở dĩ có được, phải chăng là nhờ ở *bản năng , và trước* hết là *bản năng sinh tồn* : con người dù ở trạng thái nguyên khai, hay dù chỉ là đứa trẻ còn ấu trĩ, chắc hẳn đều có những *dự cảm, những thôi thúc* bản năng hướng về *sự sống* và tất cả những gì cần thiết cho sự sống, trong đó chắc không thể nào không có những yếu tố tác động lên các giác quan và ít nhiều ảnh hưởng đến cảm xúc thẩm mỹ ?

Những quy tắc và tiêu chuẩn về cái đẹp

Ý niệm, hay *ý thức về cái đẹp* chỉ có thể hình thành sau khi con người đã được chiêm nghiệm *nhãn tiền* cái đẹp cụ thể của hiện tượng thiên nhiên, hay của một tác phẩm nghệ thuật trong thực tiễn. Điều đó có nghĩa là, cái đẹp trong thiên nhiên, hay cái đẹp của tác phẩm, bao giờ cũng *đi trước* ý niệm về cái đẹp. Cũng như, tác phẩm bao giờ cũng *đi trước* các lý thuyết và quy tắc nghệ thuật của một trường phái. Điều này đã được thực tế chứng minh, và các triết gia như Kant và Hegel công nhận (xem Văn ngọc, *Nghệ thuật và lý luận nghệ thuật*, DĐ số 134, 11-2003).

Nhìn vào những bước đầu của nghệ thuật kiến trúc trong các nền văn minh cổ như : Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, chẳng hạn, ta thấy rằng, nếu không trải qua *kinh nghiệm* xây cất những công trình kiến trúc đầu tiên, để rút ra những bài học về cái đẹp, cái xấu, của chúng, thì người xưa chắc hẳn không thể nào thiết lập được những quy tắc về tỷ lệ và bố cục, để sau này xây nên những quần thể kiến trúc hoàn mỹ, như ở Karnak, Louxor, Saqquarah (Ai Cập) ; hay ở Ur, Eridu, Babylone (Lưỡng Hà), hoặc Acropole (Athènes, Hy Lạp).

Cái đẹp hoành tráng của các công trình kiến trúc Ai Cập cổ, cũng như cái đẹp cổ điển, nhẹ nhàng và sinh động của những ngôi đền trên đỉnh đồi Acropole (Athènes, Hy Lạp), là những mẫu mực về cái đẹp của *tỷ lệ*, và ở một chừng mực nào đó, cái đẹp lung linh của *nhịp điệu* trên những hàng cột dưới ánh mặt trời.

Trong hội họa, sự ra đời của mỗi phong cách, mỗi trường phái, đều là do phản ứng chống lại một phong cách, một trường phái khác.

Hội họa ấn tượng, chẳng hạn, là phản ứng chống lại nền hội họa hàn lâm đang thịnh hành trong xã hội đương thời, chống lại nền hội họa cổ điển, nói chung, chống lại các đề tài truyền thống, chống lại cách sử dụng các màu tối, và những đường viền khối, v.v. Song, cũng chính cách dùng màu đôi khi hơi máy móc, dựa trên những phát hiện khoa học về màu sắc của Chevreul (1786-1889), và cách vẽ mờ ảo, hời hợt này, của trường phái Ấn tượng, đã bị không ít các trường phái « hội họa hiện đại » đương thời phê phán một cách gay gắt, đặc biệt là Gauguin, Derain, và sau này Paul Klee. Chính cái phản ứng mạnh mẽ đó đối với trường phái Ấn tượng và đối với tất cả các trường phái hiện thực tự nhiên kiểu Gustave Courbet, kể cả nền hội họa hàn lâm đương thời, đã là một trong những động cơ thúc đẩy sự ra đời của các xu hướng hội họa hiện đại : Tượng trưng, Dã thú, Biểu hiện, Lập thể, Siêu thực, Trừu tượng, vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Cái dẹp của *nhịp điệu*, được khai thác từ Cézannes, Van Gogh, và các trường phái Biểu hiện, Lập thể, Trừu tượng, mãi

đến những năm 30-40, mới được đúc kết thành quy luật bởi Henri Michaux, và được tiếp tục triển khai vào những năm 50 bởi Hartung, Soulages, Pollack, Zao-Wou-Ki, v.v. Trong hội họa cổ điển Trung Quốc, khái niệm nhịp điệu cũng đã xuất hiện từ thời nhà Lương, nhà Tùy (thế kỷ VI), với những quy tắc được đặt ra để thể hiện cái *thần* của sự vật. Nhưng trước đó, cũng đã có những bức tranh lụa từ thời nhà Hán, và những bức bích họa trong các động đá ở Đôn Hoàng, với những nét vẽ giàu nhịp điệu.

Sự vận động của cái đẹp

Với một sự đam mê bản năng nhất định, con người *săn tìm* cái đẹp trong nghệ thuật, ngay từ khi bắt đầu có nhu cầu diễn đạt tư tưởng và tình cảm bằng ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình, thay cho lời nói và chữ viết.

Trải qua bao nhiêu thế kỷ, vượt qua nhiều chặng đường nghệ thuật, nhiều trường phái, phong cách, và xuyên qua các nền văn hóa khác nhau, *cái đẹp* mà mỗi nghệ sĩ mơ ước *nắm bắt* qua tác phẩm của mình, vẫn chỉ như *thấp thoáng ở phía trước*. Nó như một niềm khao khát khôn nguôi, một cái đích không bao giờ đạt tới. Với những sáng tác của mình, người nghệ sĩ không bao giờ thỏa mãn được đầy đủ nỗi niềm khao khát ấy, vì *cái đẹp mà y săn tìm*, *cái đẹp lý tưởng,* bao giờ cũng *ở phía trước*.

Vậy thì cái đẹp lý tưởng đó là cái gì ? Đâu là những bí quyết của sự « vận động » của nó ?

Cái đẹp có thể xuất hiện trong trí tưởng tượng của người nghệ sĩ tạo hình *trong quá trình thực hiện* một tác phẩm, tuy nhiên cái đẹp đó đôi khi cũng khó nắm bắt một cách cụ thể. Đôi khi, đó chỉ là một hình tượng thoáng hiện, thoáng mất, như một ảo ảnh : một hình thể, một màu sắc, hay chỉ mơ hồ một nhịp điệu chuyển động. Nó luôn luôn là cái gì *vượt xa hơn* cái mà người họa sĩ thực hiện được trên mặt vải, nhà điêu khắc trên vật liệu, hay người kiến trúc sư trên bản vẽ thiết kế và trên công trình xây dựng. Sau mỗi tác phẩm, nó vẫn thường day dứt, ám ảnh họ trong *tiềm thức*, và trong chừng mực nào, nó như một *nguồn cảm hứng*, soi đường và hướng dẫn họ trong những tác phẩm tương lai.

Cái đẹp, hay cái xấu, thường chỉ nhận biết được *sau khi* tác phẩm đã hình thành. Điều này tưởng như đương nhiên, nhưng phải trải qua kinh nghiệm mới thấy được rằng đây là một *quy tắc nghệ thuật* có tầm quan trọng của nó. Một nét vẽ, một hình thể, một màu sắc, chỉ có thể kiểm nghiệm được là đẹp hay xấu, đúng hay sai, một khi đã hạ cọ, hạ bút xuống mặt vải, hay mặt giấy. Chẳng thế, mà các họa sĩ, các nhà điêu khắc, các kiến trúc sư, luôn luôn phải vẽ đi vẽ lại, xóa đi xóa lại, hết phác thảo này đến phác thảo khác, hết tác phẩm này đến tác phẩm khác.

Đôi khi *cái đẹp* xuất hiện một cách bất ngờ. Thí dụ nổi tiếng là giai thoại về bức tranh tượng hình quay ngược của Kandinsky khiến cho ông « ngộ » ra sự tồn tại của cái đẹp trừu tượng, tức *cái đẹp thuần túy thẩm mỹ*, độc lập với nội dung tượng hình của bức tranh. Tuy nhiên, bức tranh tượng hình để ngược đó chỉ như một *cảm hứng* đã thôi thúc Kandinsky đi vào con đường hội họa trừu tượng.

Trong hội họa, nhất là hội họa trừu tượng, ta thường hay gặp những hiện tượng tương tự : một bức tranh để nghiêng đi nhìn, đôi khi lại thấy là nó đẹp hơn là khi nhìn thẳng, đó là vì, khi nhìn nghiêng, bức họa trông « dày đặc » hơn, cả về màu sắc, đường nét, lẫn nhịp điệu. Như vậy, có nghĩa là cái đẹp đôi khi *tình cờ* hình thành, hay xuất hiện, trong đầu óc ta, trong một số điều kiện bất ngờ nào đó, mà không phải chính ta sắp đặt. Cái chính vẫn là *nhận ra* được cái đẹp đó. Những bức tranh của trẻ em, ở một độ tuổi nào đó, nhiều khi làm chúng ta choáng ngợp, bất ngờ, về cái đẹp thẩm mỹ của chúng, trong khi những trẻ em đó thực ra chưa nhận thức được cái đẹp đó.

Con người đi tìm *cái đẹp* trong mọi nền văn hoá, mọi nền nghệ thuật, thông qua nhiều trường phái, nhiều *phong cách* và nhiều *quy ước* khác nhau.

Trong các nền *nghệ thuật nguyên khai,* hoặc *nghệ thuật thổ dân,* người ta có truyền thống sử dụng những *biểu tượng,* và *ký hiệu,* để diễn đạt những *thông điệp*, những « giấc mơ », truyền lại từ tổ tiên, mà người trong cùng một nền văn hóa mới có thể giải mã và thấy hết được cái đẹp của chúng. Các nền nghệ thuật này thường dẫm chân tại chỗ, không biến chuyển được với thời gian và có nguy cơ mai một, chính bởi vì đây là những nền nghệ thuật trong đó *nội dung* các truyện tích *hòa quyện* một cách chặt chẽ với *hình thức* các biểu tượng và ký hiệu. Khi những ký hiệu này đã mất hết *ý nghĩa* đối với người của một thời đại khác, thì chúng chỉ còn là một thứ ngôn ngữ nghệ thuật trống rỗng, mất hết tính sáng tạo.

Trong hội họa *tượng hình*, cùng một dòng hội họa *hiện thực* đấy, nhưng phong cách *cổ điển*, khác với phong cách ba-rốc, hay phong cách *lãng mạn,* ở cả hình thức diễn đạt, lẫn nội dung. Cái đẹp cổ điển, thường bị giàng buộc bởi nhiều khuôn phép hàn lâm về nội dung cũng như hình thức, cho nên đôi khi hơi khô khan, lạnh lẽo, khác với cái đẹp ba-rốc, hay cái đẹp lãng mạn, thường bay bổng, trữ tình.

Cùng là những người mở đường cho hội hoạ hiện đại đấy, nhưng phong cách hiện thực của Gustave Courbet, còn đượm ảnh hưởng của nghệ thuật truyền thống, khác hẳn với phong cách hiện thực của Manet, đã dứt khoát từ bỏ những quy ước của nền nghệ thuật này.

Cái đẹp trong hội họa *biểu hiện* cũng khác với cái đẹp trong hội họa *ấn tượng*. Một đằng, là cái đẹp của một ngôn ngữ giàu nhịp điệu và màu sắc mạnh mẽ, đôi khi dữ dằn, thể hiện một trạng thái nội tâm bi phẫn, ít nhiều nói lên thân phận bi đát của con người đương thời. Một đằng, là cái đẹp nhẹ nhàng, thơ mộng của một ngôn ngữ nghệ thuật sử dụng ánh sáng và màu sắc một cách tinh vi, nhưng thường chỉ để thể hiện những đề tài nhẹ nhàng, đôi khi vô thưởng vô phạt.

Xem như vậy, *ý niệm về cái đẹp* trong mỗi trường phái nghệ thuật đều có những *cơ sở lý thuyết* khác nhau, dựa trên những *quy tắc* và *tiêu chuẩn* khác nhau. Những quy tắc và tiêu chuẩn đó đã được rút ra từ *kinh nghiệm thực tiễn* của quá trình sáng tạo.

Điều tưởng như là một nghịch lý, là chính vì chúng không phải là những *quy luật* cứng nhắc, bất di bất dịch, mà hoàn toàn do trí óc con người tưởng tượng ra, cho nên nghệ thuật mới giữ được cái tính chất *chủ quan*, *linh hoạt* của nó, và *cái đẹp* mới còn có thể có *muôn hình muôn vẻ* được.

Văn Ngọc

Phạm Hoàng Hải

Xem phim MÙA LEN TRÂU và THỜI XA VẮNG

Mỗi khi Tết đến Xuân về, lòng người thường hay bâng khuâng nhớ lại những gì đã qua. Và nhiều khi các ký ức của những ngày đã xa lại hiện về thật rõ, thật chi tiết và nhớ đến đậm đặc, đến nao lòng. Nhớ và tưởng tượng quyện vào thành một thứ hồi ức không phải chỉ của riêng mình. Bạn bè lâu ngày bỗng nhiên muốn được gặp nhau, những mối tình thân xưa cũ bỗng nhiên muốn nghĩ đến nhau.

Người ta gặp nhau nhiều khi không phải để gặp nhau mà là để gặp lại chính mình khi soi bóng vào nhau. Một quán ăn ấm cúng, một góc cà phê bên hồ, một cuộc dạo chơi vãn cảnh chùa chiền và gần đây là gặp nhau trên mạng, là tâm tình qua mobile, vân vân và vân vân. Xuân này nhiều người lại nhớ về một kiểu gặp nhau tưởng như đã quên từ lâu, họ rủ nhau vào rạp xem phim. Dạo này ở rạp có nhiều phim hay và những người ưu tư kỷ niệm đã tìm thấy trên màn ảnh rộng hai bộ phim hợp với tâm trạng của mình : ***Mùa Len Trâu*** (của **Nguyễn Võ Nghiêm Minh**) và ***Thời xa vắng*** (của **Hồ Quang Minh**), hai phim Việt Nam, hai miền quê xưa cũ, thoang thoảng buồn và đẹp da diết.

Lặng lẽ bên nhau nghĩ về hai bộ phim này, ngoài chuyện mỗi người có thích hay không, thích đến mức nào, rồi bàn về cốt truyện, rồi so với nguyên tác văn học, rồi khen chê mọi chuyện từ người diễn người quay và đến cả người xem. Giữa bao nhiêu ý riêng của mỗi người, lại tìm thấy khá nhiều điểm tương đồng giữa hai bộ phim này, và từ các điều ấy ta có thể nhận ra được một vài điều gì đó có thể làm ấm lòng người.

Thứ nhất là cả hai phim này đều là phim của hai người Việt Nam đã có những quãng đời khá lâu ở xa Tổ quốc.

Hai là các đạo diễn này đều tự mình viết kịch bản, đều xây dựng truyện phim về các miền quê và đều diễn ra vào các thời xa cũ với những chi tiết rõ mồn một, những ký ức hằn sâu vào tâm tưởng.

Ba là, cả hai đạo diễn này đều là tiến sĩ khoa học [(1)] và đều là đạo diễn nghiệp dư tức là không nằm trong một biên chế điện ảnh nào, không hoàn toàn sống bằng nghề làm phim và còn có một đời sống nghề nghiệp chuyên môn vững vàng khác ngoài nghệ thuật.

Bốn là, dù có thể rất thích hay có thể không thật thích lắm nhưng người xem đều phải công nhận rằng cả hai phim này đều được làm rất kỹ, từ kịch bản, chọn cảnh, chọn diễn viên, quay phim, ánh sáng, làm bối cảnh, in tráng, âm nhạc, lồng tiếng và tất nhiên là rất kỹ trong công tác đạo diễn. Vì thế cả hai phim này đều rất đẹp, có phong cách thống nhất xuyên suốt và ít có những lỗi kỹ thuật và nghề nghiệp.

Năm là, hai phim này đều tìm được những nguồn đầu tư và tài trợ khá mạnh từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước và đều được đăng ký tham gia vào một số liên hoan phim quốc tế ngay từ khi còn nằm trên kịch bản. Ngoài ra cả hai đạo diễn này đều chọn xưởng phim Giải Phóng làm nơi sản xuất.

Những sự giống nhau hay tương đồng trong hai bộ phim này thật ra không phải là ngẫu nhiên và khi nghĩ sâu hơn một chút về các điều này, ta có thể nhìn thêm ra một số điều khác nữa.

Trong phim ***Thời Xa Vắng***, những cảnh đồng quê Bắc Bộ với bờ đê rặng nhãn, luỹ tre, với góc cầu ao bên vườn, bến đò làng ven sông và căn nhà gỗ của ông đồ nghèo đều là các bối cảnh đẹp nhiều khi đến xót xa. Những khung cảnh như thế, cách đây chưa quá lâu vẫn còn là khung cảnh điển hình ở hầu khắp các làng quê đồng bằng sông Hồng. Trong ***Mùa Len Trâu***, cảnh ngôi nhà tre lá đơn sơ nhô lên giữa bốn bề mênh mông nước nổi, và đặc biệt là đại cảnh cường vũ của những đàn trâu mộng chen chúc nhau băng qua sình lầy đi về phía các gò đất hoang là những khuôn hình tuyệt đẹp, tác động cực mạnh lên cảm quan của người xem.

Tất cả những cảnh ấy thấm đẫm hơi thở làng quê Việt Nam không thể trộn lẫn nhưng lại được dựng lại bởi các người đã ở xa đất nước trong một quãng đời khá dài. Vấn đề là tại sao hai đạo diễn ở xa Tổ quốc lại làm được những cảnh phim và truyện phim đầy chất quê Việt đến thế. Thoạt đầu điều này có vẻ gì đó như là nghịch lý, nhưng thực ra ký ức sâu đậm và dai dẳng nhất lại là ký ức về những gì bị cho là đã mất, giống như những đôi tình nhân đã chia tay đau xót lại luôn nhớ rất sâu rất chi tiết về những ngày xa cũ. Nỗi niềm này ai đã phải xa quê đều biết rõ và đã được mô tả thật sắc nét trong vở cải lương nổi tiếng ***Dạ cổ hoài lang***.

Hai bộ phim này là sự nhắc nhở về một sự thực là quê Việt còn đang được lưu giữ rất sâu đậm trong tâm khảm, trong trí não và trong từng giấc ngủ của biết bao nhiêu những người Việt Nam sống ở nước ngoài. Chắc chắn rồi một ngày không xa, các ký ức đó sẽ tìm thấy mảnh đất để hồi sinh ngay trên quê mẹ, chẳng những trong điện ảnh mà còn cả trong hội hoạ, văn học, sân khấu, âm nhạc và múa…

Trong hai phim này, có thể các đạo diễn không thực sự sống trong bối cảnh của truyện phim nhưng trong lúc xa quê nhà, chắc hẳn họ đã rất nhiều đêm say mê đọc và tưởng tượng ra những ký ức Việt còn được ghi lại trên các trang sách. Chắc hẳn rất nhiều tiểu thuyết của Lê Lựu và các nhà văn cùng thời với ông là những nguồn hình ảnh đã kết thành ký ức của đạo diễn phim ***Thời Xa Vắng***. Còn trong ***Mùa Len Trâu***, người xem có thể đoán được là đạo diễn đã phải thuộc lòng hàng trăm trang viết bất hủ của Sơn Nam về đời sống sông nước Nam bộ. Đã phải có biết bao nhiêu đêm, hai ông đạo diễn này thức trắng để đọc để nhớ về quê nhà, để giờ đây ký ức của họ được dịp thể hiện qua hai bộ phim này. Mặc dù đây không phải là các phim phong tục nhưng mỗi khi có dịp, trong phim lại thấy rõ tính phong tục được trân trọng nắn nót đến cảm động như các cảnh tìm cách mai táng thi hài giữa bốn bề nước lụt, như cách mà những người dân Cửu Long

phải buộc đá để neo xác xuống đáy nước trong MLT hay những cảnh tảo hôn ở Bắc Bộ trong TXV là các đoạn phim rất thành công.

Thế nhưng ký ức của các đạo diễn này lại còn được ánh xạ qua một đời sống hải ngoại. Xem ***Mùa Len Trâu*** người ta thấy rõ hơi thở mộc mạc mà quật cường, một sống một chết mà lại vô cùng lãng tử trong sự đối mặt thường trực với mọi hiểm nguy, thật giống với khí phách của các chàng cao bồi chăn bò trong các bộ phim miền Tây nước Mỹ. Những cảnh các chàng trai dẫn mình lùa hàng trăm con trâu với các đôi sừng dũng mãnh trên loang loáng mặt nước xám bao la làm người xem nhớ đến các cảnh cao bồi Mỹ trườn mình trên lưng ngựa quăng dây dồn các đàn bò hung dữ băng qua thảo nguyên cằn khô. Còn trong ***Thời Xa Vắng***, chất hài nhè nhẹ thoang thoảng chút chua xót là hơi thở khá quen thuộc trong rất nhiều các bộ phim tâm lý của Pháp. Và như vậy, có thể thấy là chính cái vốn sống xa nhà đã lại tạo nên một điểm mạnh trong nghệ thuật của hai đạo diễn này.

Sống tại các nước công nghiệp phát triển, các đạo diễn được biết đến các công nghệ làm phim cao cấp, các yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật vốn là các điều kiện bắt buộc để một bộ phim được công chúng chấp nhận. Vì thế bằng mọi cách họ phải tìm đủ điều kiện vật chất kỹ thuật trước khi bắt tay vào làm phim. Chúng ta có thể hiểu là họ đã phải chuẩn bị kịch bản thật kỹ lưỡng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp theo cách viết của các nền điện ảnh nước ngoài tiên tiến, sao cho một vài nhà đầu tư nào đó chấp nhận và thấy được hiệu quả kinh tế tiềm tàng nằm trong kịch bản của họ. Từ đó họ mới có thể đề nghị được đầu tư, tài trợ, đề nghị được đăng ký tham gia các liên hoan phim ở đâu đó. Và khi đã có được những cam kết đầu tư tài trợ cụ thể, các đạo diễn này mới dám nghĩ đến chuyện gặp gỡ các nhà quản lý điện ảnh ở Việt nam để hợp tác sản xuất.

Như vậy từ trước khi làm phim cả người đạo diễn đã phải tiên liệu được khả năng cân bằng tài chính của các bộ phim này, mặc dù cũng có thể có rủi ro. Nếu biết rằng bỏ một đống tiền ra làm phim xong rồi không ai xem và cất vào kho thì không bao giờ những kịch bản này được các nhà đầu tư chấp nhận cả.

Có một điểm giống nhau nữa giữa hai bộ phim này là đều sử dụng kiểu kể chuyện tả thực, ưu tiên các cảnh quay với ống kính đặt cố định, ít lạm dụng các động tác lia quét, zoom ra zoom vào. Trong các cảnh cận khuôn mặt của các nhân vật thường dùng ánh sánh ven với độ tương phản rất cao, hoặc ngược sáng, rất ít các cảnh đối thoại với ống kính đánh vào mặt một người rồi lại đánh trực diện vào mặt người kia. Rất nhiều cảnh quay cố tình làm cho không thấy rõ mặt diễn viên, nhiều cảnh quay có lời thoại của nhân vật nằm ngoài khuôn hình. Thế nhưng lại tạo được một cảm xúc về sự hiện diện gần gũi và chân thật của các nhân vật. Ngoài đời cũng vậy, mấy khi tâm tình mà người ta lại cứ chằm chằm nhìn vào mặt nhau. Xem MLT và TXV, người ta còn được thấy các gương mặt diễn viên mới mẻ không nhàm cũ xáo mòn, không diễn kịch thái quá.

Trong cả hai phim, nghệ thuật chiếu sáng tinh tế và ý thức tạo nên một tông màu chủ đạo cho đa số các khuôn hình để quản lý tình cảm, quản lý độ tập trung cảm xúc của người xem đã thành công đáng kể. Ở ***Mùa Len Trâu*** là tông màu xám bạc của mặt nước dưới trời mây đẫm nặng. Hầu hết các khuôn hình từ các cảnh rộng với không gian bao la, các cảnh nội dưới mái lều tranh, cảnh đêm trên gò đất nhão bùn, những bước chân trâu, đèn đuốc và cả xô xát trong đêm thì bao trùm lên toàn bộ hình ảnh vẫn là tông màu bị nhuốm xám, âm âm và nặng. Trong ***Thời Xa Vắng***, màu nâu xám vàng chiếm hết cả các cảnh họp mặt của các nhân vật trong căn nhà tối lẫn cả các cảnh bên bờ ao, dưới rặng nhãn lúc ban ngày, cho đến chợ người, và cả mít tinh tập thể. Làm được điều này không dễ vì nếu không chắc tay một chút thôi là có thể bị rơi ngay vào kiểu ánh sáng " video clip " nhẹ bỗng và phản cảm như thường thấy trong các đĩa hình ca nhạc.

Chắc chắn là những biểu hiện chắc tay trong khi viết kịch bản, lập chương trình thực hiện, chọn êkíp, chọn diễn viên, chọn quay phim và chỉ đạo mọi việc của hai đạo diễn này có những dấu ấn của những người đã được học tập đào tạo trong các môi trường khoa học. Tính lý trí, tính chặt chẽ trong cốt truyện, sự không tuỳ tiện trong tiết tấu và khả năng kiểm soát khuôn hình là một phần của thái độ khoa học mà các đạo diễn có được như một lối sống, một kỹ năng tư duy của người trí thức trước khi trở thành một nhà làm phim.

Điều này cũng cho thấy là việc chuyển sang làm phim của những người đã làm khoa học không hề là một cản trở mà thực ra lại là một thế mạnh rất rõ. Chắc chắn trong tương lai ở nước ta sẽ xuất hiện nhiều đạo diễn đã được đào tạo trong một chuyên ngành khác hẳn trước khi đi vào nghề điện ảnh, cũng như các đạo diễn Khải Hưng hay Hữu Phần vốn xuất thân từ nghề dạy học trước khi học đạo diễn. Có thể thấy rằng nếu đạo diễn của MLT không từng làm khoa học, không từng được trang bị các kiến thức và cách tư duy của một người trí thức thì tác phẩm đầu tay của anh không thể chắc chắn và hoàn hảo đến như vậy.

Còn vấn đề vì sao cả hai đạo diễn này đều tìm đến Xưởng phim Giải Phóng để hợp tác thì có lẽ chỉ chính họ mới có được câu trả lời, còn người xem bình thường cũng khó mà đoán biết được. ***Mùa Len Trâu*** thì quay ở Nam Bộ cho nên chọn XPGP thuận lợi hơn, nhưng còn ***Thời Xa Vắng*** thì cả cốt truyện lẫn cảnh quay đều làm ở miền Bắc mà lại cũng vào XPGP mà ký kết. Câu hỏi này nếu để XPGP trả lời thì e rằng có khi không khách quan, cho nên ta đành bỏ ngỏ như một sự ngẫu nhiên hoặc như một câu hỏi chưa có dịp trả lời. Dẫu sao thì đây cũng là một điểm sáng trong bảng thành tích và trong việc củng cố thương hiệu của hãng phim này.

Mùa Xuân năm mới là thời khắc thuận lợi để tâm tình, nhưng cũng không thể dài lời quá mức. Mùa Xuân năm mới là lúc chỉ nên nói những lời có cánh và chẳng nên bình phẩm ra ngoài những điều chúc tụng. Vì thế xin được khép lại mạch tâm sự cá nhân của một người xem và yêu điện ảnh với lời chúc tốt lành tới những người làm điện ảnh và những người thích xem điện ảnh trên khắp hành tinh trước thềm năm mới.

Phạm Hoàng Hải

Thế giới Điện ảnh số Xuân Ất Dậu 2005

(1) Trong số trước, K.V. đã nhớ nhầm rằng Hồ Quang Minh làm về hoá học. Xin sửa là vật lí học.

Alexandre Yersin và Việt Nam

Nguyễn Văn Tuấn

Trong ngành vi sinh học (microbiology) Yersin là một trong những tên tuổi lịch sử, vì chính ông là người phát hiện vi khuẩn bệnh dịch hạch (mang tên *Yersinia pestis*). Trên trường quốc tế, tên ông thường gắn liền với Việt Nam : nói đến Yersin là nói đến Việt Nam. Có thể nói Yersin là một nhà khoa học Việt Nam, vì tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn liền với Việt Nam, và Việt Nam là quê hương thứ hai của ông. Thế nhưng so với sự nghiệp và công trạng khoa học đồ sộ của ông, sách vở viết về ông vẫn còn rất khiêm tốn. Điều may mắn là dù Yersin đã qua đời gần 60 năm về trước, nhưng ông đã để lại gần 1000 lá thư, và tìm hiểu những lá thư này cho chúng ta thấy đằng sau tên vi khuẩn là một con người, một người nhân hậu đã để lại một di sản quí báu chẳng những cho Việt Nam mà còn cho cả thế giới.

Cuộc đời và sự nghiệp

Alexandre Emile John Yersin sinh ngày 22 tháng 9 năm 1863 tại làng Lavaux, Quận Vaud, bên bờ hồ Geneva, Thụy Sĩ. Sau khi theo học trung học phổ thông ở Lausanne, ông sang Paris theo học y khoa tại Đại học Marburg. Năm 1888, Yersin hoàn tất luận án tiến sĩ y khoa với đề tài bệnh lao (*La tuberculose expérimentale, type Yersin*). Luận án được đánh giá cao và ông được thưởng huy chương đồng, nhưng ông nhận một cách miễn cưỡng. Trong thời gian theo học y khoa, trong một tai nạn bị chảy máu tay khi ông làm giải phẫu trên xác tử thi chết vì bệnh dại, ông được tiếp xúc với Pierre-Paul-Emile Roux (1853-1933), một nhà khoa học nổi tiếng thời đó đang theo đuổi một công trình nghiên cứu về phương pháp chữa trị bệnh dại. Roux cứu sống Yersin bằng cách tiêm thuốc do chính Roux bào chế. Sau khi tốt nghiệp, Yersin được Roux thu nhận vào làm việc với vai trò phụ tá nghiên cứu. Năm 1889, Yersin còn được giao thêm một nhiệm vụ dạy học môn vi sinh học tại Viện Pasteur.

Thời gian làm phụ tá cho Giáo sư Roux, Yersin còn có cơ hội làm tại Bệnh viện nhi đồng (*Hôpital des Enfants-Malades*), nơi mà bệnh bạch hầu đang là một vấn nạn y tế lớn lúc đó. Yersin thuyết phục Roux nên nghiên cứu về bệnh này. Roux và Yersin tiến hành một số thí nghiệm trên chuột, và từ đó phát triển phương pháp truy tìm *toxine diphthérique* (độc tố bạch hầu) từ nước tiểu của bệnh nhân. Tiến thêm một bước, Yersin và Roux phát triển vắc-xin thành công dùng cho việc chữa trị bệnh bạch hầu. Đây là một khám phá đầu tiên và một cống hiến quan trọng của Yersin cho vi sinh học. Lúc bấy giờ, sinh học đang ở trong một "Thời đại vàng son của vi khuẩn học" – "Golden Age of Bacteriology", một cuộc cách mạng về tiêm chủng và vắc-xin.

Với một thành tích đầy hứa hẹn như thế, ai cũng thấy Yersin có một tương lai sáng sủa trong khoa học. Ấy thế mà ông lại quyết định bỏ sự nghiệp nghiên cứu trước sự kinh ngạc của người thầy (Roux) để "Đông du". Yersin xin nghỉ việc từ Viện Pasteur và đệ đơn xin làm y sĩ cho Công ti vận chuyển đường biển, *Messageries Maritimes*. Ngày 5/3/1890, ông được kêu lên phỏng vấn, và đem theo một lá thư giới thiệu của Louis Pasteur. Với một người giới thiệu nổi tiếng như thế, Công ti lập tức nhận Yersin vào làm, dù ông chưa bao giờ có kinh nghiệm đi biển bao giờ.

Tháng 9 năm 1890, Yersin đi xe lửa đến Marseille và từ đó xuống tàu *Oxus* đi Sài Gòn. Yersin đến Sài Gòn ngày 15/10/1890, và ngay sau đó được giao nhiệm vụ mới trên tàu *Volga* chuyên chở hàng qua lại giữa Sài Gòn và Manila (Phi Luật Tân). Nhiệm vụ trên tàu *Volga* rất đơn giản và có khi nhàm chán, ông chỉ việc kiểm tra sức khỏe thủy thủ đoàn và cấp giấy chứng nhận y tế. Do đó, Yersin có rất nhiều thời gian để học về hàng hải và hải đồ (cartography) dưới sự chỉ dẫn của các thuyền trưởng. Chính những kinh nghiệm học hỏi trên tàu *Volga* đã giúp ông trong công cuộc thám hiểm trong nội địa Đông Dương sau này. Trên tàu *Volga*, Yersin còn tìm cách học tiếng Việt để ông có thể nói chuyện với thủy thủ đoàn mà phần lớn là người Việt Nam.

Đầu năm 1891 Công ti *Messageries* hủy bỏ các chuyến tàu giữa Sài Gòn và Manila, Yersin được thuyên chuyển sang làm việc trong các chuyến tàu giữa Sài Gòn và Hải Phòng. Tuyến đường mới này giúp ông khám phá thêm về Việt Nam. Ông còn bỏ tiền ra mua một chiếc ca-nô để đi thám hiểm các vùng sâu xa khác trong Việt Nam. Trong các chuyến thám hiểm ở những vùng hẻo lánh, ông trị bệnh cho dân làng hoàn toàn miễn phí. Lòng nhân đạo của ông được thể hiện qua một lá thư ông viết về nhà ở Thụy Sĩ: "*Tôi không thể nào đòi tiền từ một bệnh nhân*." Mùa Thu năm 1891, hợp đồng của Yersin với công ti *Messageries* chấm dứt, và ông bắt đầu dành hết thì giờ để theo đuổi "nghề " thám hiểm.

Mùa Đông năm 1892 Yersin trở về Âu châu để thăm viếng gia đình ở Thụy Sĩ và gặp gỡ các đồng nghiệp cũ ở Paris, nơi mà ông mô tả "*thời tiết … quả là khắc nghiệt ghê gớm, buồn chán, và lạnh quá.*" Khi hay tin ông về Paris, Émile Roux hoan hỉ chờ đón Yersin tiếp tục nghiên cứu với ông, nhưng Yersin đã quyết định bỏ sự nghiệp nghiên cứu khoa học ở Pháp. Quyết định của Yersin không phải vì thời tiết giá lạnh, mà vì "*Đối với một người đã từng nếm mùi tự do như tôi, đời sống trong phòng thí nghiệm ở Paris quả là một nhà tù. Nghiên cứu khoa học rất ư là thú vị, nhưng ông Pasteur từng nói rất chính xác rằng muốn làm người thiên tài trong phòng thí nghiệm người đó phải có tiền nhiều để không phải sống trong cảnh thiếu thốn.*" Tuy nhiên, với sự tiến cử của Roux, Hiệp hội Địa lí Pháp

* Ở Pháp, trong luật Napoléon, người đàn bà không có những quyền này.

(French Geographic Society) vinh danh Yersin bằng một bằng tưởng thưởng về chuyến thám hiểm ở Phnom Penh. Trong chuyến quay lại Paris lần này, Yersin cho biết ông được dùng một bữa cơm tối với Louis Pasteur, và được Pasteur "*tỏ ý vui mừng về những chuyến thám hiểm của tôi*." Đối với Yersin được dùng bữa cơm và được Pasteur khen ngợi là một vinh dự.

Tháng 1 năm 1893, Yersin quay trở lại Sài Gòn. Lần này, Yersin được giao cho một chức vụ đúng với sở thích và ngành nghề mình : làm cao ủy y tế thuộc địa. Một trong những qui định của công việc là phải mặc quân phục và hành xử nghiêm chỉnh trong các buổi lễ. Nhưng Yersin không thể nào tuân hành theo qui định này, vì ông không thích mặc đồng phục."*Điều làm tôi khó chịu là những người thuộc cấp phải chào tôi theo cung cách quân sự, và tôi cũng phải chào các quan cấp cao hơn tôi theo cung cách như thế. Tôi không thể nào đi ra ngoài mà không phải dơ tay chào. Lúc nào tôi cũng phải bận tâm làm sao đừng đi ngang qua mấy ông đại tá, đại úy".* Ông muốn thoát khỏi Sài Gòn. Để thực hiện ý định này, ông tổ chức những đợt thám hiểm các vùng rừng núi thuộc miền Trung Việt Nam. Những cuộc thám hiểm của ông thường gặp phải khó khăn, vì mưa gió, sình bùn, và lụt lội. Trong một chuyến thám hiểm ông phải đổi cái máy hát mua ở Thụy Sĩ để có một con voi dùng làm chuyên chở hàng hóa và dụng cụ.

Trong thập niên 1890s, nạn dịch cúm hoành hành ở miền Nam Trung Quốc và bắt đầu lan truyền xuống Đông Dương. Năm 1894 cơn dịch lớn xảy ra ở Hồng Kông, với khoảng 150.000 người mắc bệnh, và tỉ lệ tử vong lên đến 95%. Yersin được Nhà cầm quyền thuộc địa gửi đến Hồng Kông để nghiên cứu.

Ngày 15/6/1894, Yersin đến Hồng Kông, và chứng kiến một cảnh tượng tang tóc. Đường xá chật chội đông người thuở nào nay trống trơn ; đám tang khắp nơi ; những cuộc an táng vội vã... Ba ngày trước đó, Shibasaburo Kitasato, một nhà khoa học danh tiếng người Nhật, cũng đến Hồng Kông để nghiên cứu về bệnh dịch. Với sự yểm trợ tài lực dồi dào của chính quyền thuộc địa Anh, Kitasato thành lập phòng thí nghiệm trong bệnh viện Kennedy Town. Trong khi đó, Yersin chỉ có một cái kính hiển vi. Người Anh cũng không cho ông khám nghiệm tử thi.

Sau đó, Yersin được giới thiệu đến gặp Kitasato, và được Kitasato cho làm "quan sát viên", tức chỉ đứng nhìn nhóm của Kitasato giảo nghiệm tử thi chứ không được trực tiếp nhúng tay vào. Yersin hết sức ngạc nhiên về phương pháp làm việc của Katasato : họ khám nghiệm máu rất kĩ càng và cẩn thận giảo nghiệm các cơ phận của tử thi, nhưng họ lại bỏ qua chỗ sưng bạch hạch (bubo) !

Sau 5 ngày làm quan sát viên, Yersin rất bực bội vì cảm thấy mình chẳng làm được gì. Ông quyết định làm một việc mà y học ngày nay xem là …bất chính. Ông nhờ người thông ngôn gốc Ý vốn có cảm tình với Pháp hối lộ những thủy thủ người Anh để mua cho ông vài xác chết (vì lúc đó các thủy thủ này có nhiệm vụ vận chuyển xác chết). Ngày 20/6/1894 Yersin có được 1 xác chết và bắt tay vào làm việc ngay. Ông cắt phần sưng bạch hạch và lập tức dùng kính hiển vi khám nghiệm. Ông phát hiện "*une véritable purée de microbe*" – tức một vết mờ nhạt có hình cái que với hai đầu tròn. Khi thử nghiệm với *Gram stain*, kết quả âm tính, nhưng với *baccillus stain* thì dương tính. Sau khi làm thí nghiệm trên 5 con chuột khác, kết quả tương tự. Hai ngày sau, Yersin báo cho chính quyền thuộc địa Anh biết về phát hiện của mình. Người Anh lúc đó mới cho phép ông chính thức khám nghiệm tử thi trực tiếp. Lúc này, nhóm của Kitasato cũng bắt đầu quay sang khám nghiệm phần sưng bạch hạch và tuyên bố rằng họ đã phát hiện ra vi khuẩn gây bệnh bạch hầu.

Theo sau là một cuộc tranh cãi ồn ào ai là người đầu tiên đã khám phá ra *plague bacillus.* Có người cho rằng Yersin và Katasato một cách độc lập cùng khám phá ra vi khuẩn. Cho đến nay vẫn có một số sách giáo khoa đề là *Kitasato-Yersin bacillus*. Nhưng qua các bài báo của Katasato và bình luận của các cộng sự viên với Katasato, kết quả *Gram stain* mà Katasato tuyên bố là *plague bacillus* thực là *streptococcus*. Song, trong các thư từ để lại Yersin có vẻ chẳng quan tâm gì đến cuộc tranh luận "ai trước", mà vẫn tiếp tục nghiên cứu [1].

Năm sau đó (1895) Yersin trở về lại Paris. Dựa vào kết quả nghiên cứu ở Hồng Kông, ông cùng với cộng sự viên phát triển thành công vắc-xin chống bệnh dịch. Năm 1896, vắc-xin này được dùng để chữa trị thành công một học sinh nhà dòng người Trung Quốc. Sau khi quay về Việt Nam, ông thành lập viện nghiên cứu lấy tên người thầy cũ, gọi tên là *Pasteur Institute – Viện Pasteur.* Viện Pasteur gồm có một bệnh viện, một trung tâm sản xuất vắc-xin, phòng thí nghiệm, và đài thiên văn.

Nhà thám hiểm

Trong thời gian làm công chức và theo tàu đi lại giữa Sài Gòn và Hải Phòng, Yersin thực hiện nhiều cuộc thám hiểm. Năm 1891 trong một lần thám hiểm vùng Tây Nguyên Việt Nam, ông khám phá ra nhiều điều bí ẩn tại đây và phát hiện một vùng đất ôn đới mà sau này chúng ta biết là Đà Lạt.

Trong một chuyến thám hiểm khác, Yersin bị liên lụy vào một vụ nổi loạn của dân chúng địa phương chống lại nhà cầm quyền thuộc địa. Ngày 18 tháng 6 năm 1893, 56 tù nhân Việt Nam vượt ngục từ nhà tù Phan Rí và tham gia với các nhóm phản kháng khác trong một cuộc nổi dậy nhằm lật đổ chính quyền tỉnh. Người Pháp khống chế thành công cuộc nổi dậy, nhưng đạo quân nổi loạn thoát khỏi tỉnh và tái tổ chức. Các nhóm này băng qua các rặng núi để đến Phan Rang tiến hành một cuộc đảo chính khác. Vì không biết được những sự kiện này, Yersin đến làng *Bo Kraan* một tuần sau đó. Dân làng báo cho ông biết rằng có khoảng 30 người nổi loạn đã vượt qua đây trong đêm qua. Với thói quen liều lĩnh, Yersin quyết định ra tay chận đứng cuộc nổi dậy ! Ngày hôm sau, ông rời Bo Kraan cùng với những người Việt tùy tùng trung thành với ông, và băng qua núi. Sau 12 giờ đi trong mưa, đoàn ông đối đầu với nhóm nổi loạn tại làng *Pho Tan Ngam*. Yersin muốn bắt người đứng đầu nhóm nổi loạn làm tù binh.

Yersin bao vây và dồn người đứng đầu nhóm nổi loạn vào một căn chòi, nhưng trong giây phút cuối, những người Việt tùy tùng của ông chạy trốn, và chỉ một mình ông phải đối diện với kẻ thù ! Những chi tiết trong câu chuyện chỉ là những chữ do chính Yersin ghi chép, do đó rất khó mà biết được đây là một câu chuyện nói khoác hay là một câu chuyện có thật. Theo Yersin, ông đe doạ kẻ thù ông với cây súng lục nhưng họ tấn công ông trước khi ông có thì giờ nổ súng. Sau một hồi quần nhau, Yersin bị thương nhẹ ở tay mặt và bị ăn một báng súng. May mắn thay, những người nổi loạn không giết ông, họ bỏ mặc ông đó rồi rời hiện trường, có lẽ họ nghĩ ông là một nhân vật cao cấp trong quân đội Pháp và sợ bị trả thù. Mười ngày sau đó, tại một vùng gần thị xã Nha Trang, dân quân người Việt bắt trọn nhóm nổi loạn. Yersin chụp hình những người đứng đầu cuộc nổi loạn trước khi họ bị xử tử. Bằng một mô tả sinh động, Yersin cho biết người đao phủ phải chém đến 4 lần mới chặt được đầu của Thouk, một thủ lãnh trong cuộc nổi loạn [2].

Sau này, Yersin được thăng chức và trở thành một trong những quan chức cao cấp nhất trong chính quyền thuộc địa ở Đông Dương. Ông thực hiện nhiều cuộc khảo cứu không chỉ ở Đông Dương mà còn đi đến các vùng xa xôi như Mumbai bên Ấn Độ. Ngoài việc thám hiểm ông còn điều hành một mạng lưới phòng thí nghiệm và trung tâm tiêm chủng ngừa khắp Việt Nam. Ông chủ trương và thực hiện các chiến dịch chống sốt rét bằng cách cung cấp quinine cho người dân bản xứ. Ông tham gia làm việc cho Trung tâm Khí tượng Đông Dương, nghiên cứu làm bản đồ, và hải đồ cho ngành hàng hải Việt Nam. Ông còn giới thiệu phương pháp trồng trọt cây cao su tại Việt Nam, đem lại những món lời khổng lồ cho các công ti cao su Pháp như Michelin, nhưng cũng làm khổ không biết bao nhiêu công nhân Việt Nam trong các đồn điền cao su như thế.

Năm 1940, Yersin quay lại Pháp lần cuối trong tình trạng sức khỏe đang trên đà suy sụp. Nhưng chỉ lưu lại Pháp một năm ; năm 1941 ông quay về Nha Trang, mảnh đất ông yêu quí. Ngày 1 tháng 3 năm 1943, Yersin đau bệnh và qua đời một cách cô đơn tại nhà riêng ở Suối Giao (Nha Trang), thọ 79 tuổi. Trong di chúc để lại, ông muốn được chôn cất tại Nha Trang để gần những người ông yêu mến. Cho đến nay, cứ đến ngày 1 tháng 3 hàng năm, dân chúng trong vùng vẫn viếng mộ ông để tỏ lòng mến mộ và kính phục cho một tấm lòng khoa học và nhân đạo.

Trong danh sách những người Pháp có ảnh hưởng lớn đến lịch sử Việt Nam, có lẽ Yersin là một người mà công trạng và di sản của ông chẳng những không ai chất vấn mà còn được mến mộ. Tại một số thành phố lớn như Đà Lạt, Hà Nội, hay Thành phố Hồ Chí Minh đều có một con đường mang tên ông. Di sản khoa học của ông vẫn còn tồn tại với những trường mang tên ông, và nhất là Viện Pasteur. Yersin còn là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Y Hà Nội [3]. Yersin là một nhà khoa học đã đem cái tên Việt Nam và Nha Trang vào lịch sử vi sinh học trên thế giới.

Chú thích:

[1] Chi tiết về việc làm của Yersin tại Hồng Kông được trích dẫn từ bài viết "Alexandre Yersin and the plague bacillus" của Tom Solomon, đăng trên [Tập san] Journal of Tropical Medicine and Hygiene năm 1995, số 98, trang 209-12.

[2] Chi tiết về vụ Yersin dính dáng vào cuộc nổi loạn được trích trong bài luận văn "Alexandre Yersin and his adventures in Vietnam" (Alexandre Yersin và cuộc mạo hiểm ở Việt Nam) của Giáo sư William Burns, đăng trên Tập san y học của Welcome Trust, Anh.

[3] Yersin được Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer bổ nhiệm làm hiệu trưởng Trường Đại học Y Đông Dương vào ngày 8 tháng 1 năm 1902. Đến ngày 1 tháng 3 năm 1902 trường mới đi vào hoạt động. Nhưng vì bất đồng ý kiến trong việc điều hành trường, ông chỉ giữ chức này trên 2 năm, ông từ chức vào ngày 9 tháng 7 năm 1904 để quay về làm việc tại Viện Pasteur ở Nha Trang.

Thơ Đỗ Quang Nghĩa

Nếu cõi đó không phải là thiên đường,
làm sao con chịu nổi,
cha ơi.

Đây chút hoa quả tươi
con đơm bát cơm đầy
mỗi việc, đều làm con tan nát,
cha ơi.

Con ơn cha đã sinh con ra,
cuộc đời này - dẫu sống bạc đầu
đến ngày cha mất vẫn bơ vơ.

19-26.06.2005
*(trích từ tập thơ **Như những mùa thu** của ĐQN)*

Tin buồn

Được tin

Cụ Đỗ Quang Vinh

đã từ trần ngày 18/06/2005, tại Hà Nội,

hưởng thọ 77 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng

anh Đỗ Quang Nghĩa, chị Lê Minh Hà,

hai cháu Hà Chi & Lê Nam,

và toàn thể gia đình

Bút ký

Về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư

Tiểu Hằng Ngôn

Trước rạng đông một ngày đầu tháng tám, tôi lên một chiếc xe *van* chín chỗ, đi từ Sài Gòn về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư. Nhưng tôi sẽ không kể lại từng phút giây của hai ngày đáng nhớ ấy (hôm đó và hôm sau) mà tôi gặp Tư và gia đình của cô ở Cà Mau, bởi vì cuộc hành trình này (như bây giờ tôi nhận ra) không chỉ là non mười một tiếng đồng hồ ngồi xe về đất Mũi, nhưng là một chuyến trở về "quê thật" của tôi. Quê ấy chẳng phải là một nơi nào đó trên bản đồ địa lý, nhưng là một vùng tâm tưởng của một người đã ra đi hơn bốn chục năm trời. Và gặp Tư không phải vì tò mò về một tác giả mà tôi đã đọc nhiều và yêu thích, nhưng để hình tượng hoá khung cảnh sản sinh những tác phẩm có sức rung cảm tuyệt vời của một nhà văn mà tôi đã gọi là " đặc sản miền Nam ".[i]

Xe chuyển bánh từ giữa lòng bóng tối, loà nhoà ánh đèn vàng của Sài Gòn còn ngái ngủ, vào ngoại ô trong sương lúc bình minh, qua những địa danh quen thuộc của tuổi trẻ tôi : Bến Lức, Tân An, Ngả ba Trung Lương, Cái Bè, Cai Lậy, Cầu Mỹ Thuận, Vĩnh Long (chẳng biết người tôi quen hơn bốn mươi năm trước bây giờ ở đâu ?), Cần Thơ, và những nơi có thể tôi đã qua nhưng không còn nhớ : Sóc Trăng, Bạc Liêu. Càng xa Sài Gòn, đường càng xấu, khủng khiếp nhất là đoạn từ Bạc Liêu đến Cà Mau. Và rồi khoảng ba giờ chiều hôm ấy, dưới ánh nắng vừa hực lại sau một thoáng mưa to, bên vệ đường vào thị xã Cà Mau, một người trẻ (tôi còn nhớ đã thốt thầm: trời, sao trẻ vậy !) như nữ sinh trung học, quay xe Dream ngừng lại cúi chào tôi. Nguyễn Ngọc Tư.

Suốt buổi chiều hôm ấy tôi trò chuyện nhiều với Tư, dùng cơm tối với Tư và ba Tư. Sáng hôm sau đi ăn cháo cá với Tư (và, cao điểm của đời tôi : được Nguyễn Ngọc Tư chở Honda vòng quanh thị xã Cà Mau), về nhà (cũng là cửa hàng) của vợ chồng Tư, lại nhà ba má Tư ăn trưa với cả gia đình. Rồi chia tay, tôi trở lại thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi sẽ không nói về Tư nhiều hơn nữa bởi vì, tôi phát giác, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi gặp chính là Nguyễn Ngọc Tư mà mọi người đều có thể biết rõ qua các bút ký của cô, [ii] và Cà Mau mà tôi đến là Cà Mau trong tất cả những gì Tư viết.

Đó là một người phụ nữ rất trẻ, dung dị, bình thường, nhưng kiên cường và bản lĩnh.

Tư sống gần ba má, anh chị. Từ thế hệ nội, ngoại, cả gia đình của Tư đều là bộ đội trong chiến tranh chống Mỹ. Chị và anh của Tư sinh ra trong chiến khu trước hoà bình, còn Tư thì sinh ra ở Bạc Liêu (năm 1976, nhưng không ai nhớ ngày nào, chỉ nhớ đêm ấy trời không trăng, tối mịt) rồi về sống ở Cà Mau từ hồi bốn tuổi. Ngoài đời, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi đã gặp rõ ràng là Tư của *Lời cho má*, *Sân nhà*, *Tắm sông, Chơi một mình, Một mái nhà, Nguyệt – Người bạn không biết viết văn*, *Cửa sau*. Và Cà Mau mà tôi thấy chính là chợ (hãy đọc lại *Chợ nổi Cà Mau, -- chút tình sông nước),* là sông, là xóm làng (*Đất Mũi mù xa, Nhớ đất, Tháng Chạp ở rạch Bộ Tời)* trong bút ký Nguyễn Ngọc Tư.

Song tôi phải nói, đến Cà Mau, tôi mới thấy rõ hơn sự gắn bó của Nguyễn Ngọc Tư với con người, với đời sống, với đất nước quanh cô. Bối cảnh gia đình cho Nguyễn Ngọc Tư một cái nhìn mà tôi ít thấy ở ai khác. Đó là cái nhìn thật trưởng thành nhưng của một người rất trẻ, đó là cái nhìn của kẻ đã sống qua máu lửa, chứng kiến lắm đau thương, nhưng với con mắt vô tư của một người sinh ra khi đã hết chiến tranh. Đó là cái nhìn của một gia đình chân chất và trầm lặng, hãnh diện đã làm tròn nhiệm vụ đấu tranh cho đất nước, không chút nghi ngờ tương lai của dân tộc, nhưng chẳng có ảo tưởng nào về những mặt bất toàn của hiện tại. Đó là những người bị thiên tai liên miên vùi vập (*Chờ đợi những mùa tôm, Đi qua những cơn bão khô, Ngậm ngùi Hưng Mỹ*), nhưng bao giờ rồi cũng đứng lên và xây dựng lại. Đó là những người nặng tình với công lý, song không phải là thứ công lý khô khan, quyết liệt của kẻ bị áp bức, bốc lột thời bị trị, mà là thứ công lý đầy nhân ái, giận nhưng không oán, trách nhưng không thù (*Mơ hết, Kính thưa anh nhà báo, Làm cho biết, Tản mạn quanh … cái cổng*).

Và, đến Cà Mau, tận mắt nhìn sông, nhìn chợ, tận tai nghe tiếng gà gáy sớm, tiếng máy ghe bình bịch sau nhà Tư, rồi nhớ lại những bút ký của Tư (mà hầu như tôi nhớ hết !), tôi thêm một ý nghĩ : nếu là nhà làm phim, Nguyễn Ngọc Tư sẽ rất tài tình. Bạn hãy đọc, hoặc đọc lại, một sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư (tỉ như *Bến cũ*), rồi trả lời giùm : đó là phim hay truyện ? Những chi tiết trong đó làm người đọc thẩn thờ, nhưng sao ấy, chúng không tủn mủn tẩn mẩn, mà sáng và vui. Cái nhìn của cô trong *Chợ nổi* đúng là một cái nhìn " điện ảnh " : những gam màu thật tươi, những " cận ảnh " bất ngờ, song đôi mắt nhà văn ấy không bị vướng cái rè rè cơ động, cái xoay chuyển chậm chạp của máy quay phim, mà gần hơn với cái tung tăng của một con bướm nhỏ. Cảnh và người, lạ mà thân, xa mà gần, náo hoạt mà tĩnh yên, và đầy lòng thương mến. Nguyễn Ngọc Tư cho biết cô hay nghe nhạc khi viết, và tôi không ngạc nhiên. Đúng là văn của cô nghe như nhạc. Nhiều truyện của cô gần như một bài vọng cổ (hay một thứ ballad, nếu nói cách kiêu kì) hơn bất cứ gì khác. Và, như bài vọng cổ, chúng thường là những chuyện buồn, đôi khi rất buồn, kết thúc bằng một nốt trầm, một sự lửng lơ.

Có thể hình dung phần lớn cuốn-phim-bút-ký của Nguyễn Ngọc Tư như một con thuyền vượt sóng : một bên là những rộn ràng sống động của sinh hoạt đời thường, một bên là những đòi hỏi (rất nghiêm trang và chính đáng) cho công lý. Nguyễn Ngọc Tư là tiêu biểu của thế hệ Việt Nam mới, sinh ra sau thống nhất, trong thanh bình, nhưng luôn quý trọng những hi sinh, và hãnh diện chấp nhận kế thừa những

người mang lại thống nhất và thanh bình ấy. Hãnh diện với quá khứ và xông vai tiếp tục đi tới. Những người như Nguyễn Ngọc Tư cực khổ mà không than phiền. Đâu đó trong nụ cười e thẹn (và rất xinh !) của cô là sự trong sáng của một tuổi trẻ hãy còn đây. Ở Nguyễn Ngọc Tư là phong cách ngoan hiền nhưng kiên quyết, cuộc sống giản đơn nhưng thấp thoáng một nội tâm phức tạp và bí ẩn (những lúc cô chợt im lặng giữa câu chuyện, con mắt trở nên đăm chiêu, làm tôi giật mình). Nguyễn Ngọc Tư thường ví truyện của mình như trái sầu riêng : nhiều người rất thích nhưng cũng có người (" đáng thương thay ! ", tôi nói) lại dị ứng. Tôi đã cự với Tư về cách ví von này bởi vì, theo tôi, văn của Tư không chỉ là một trái này hay quả nọ, mà là cả hàng chục, hàng trăm loại trái cây, hoa quả. Nhìn cảnh chợ Cà Mau, tôi tin là tôi đúng hơn Tư. Xin lỗi nha Tư !

Tôi hỏi Nguyễn Ngọc Tư có cảm thấy cô lập trong đời văn không (nhớ rằng Cà Mau dù gì cũng là hơi xa đông đảo những người viết khác) thì Tư lại bảo nếu không còn làm ở chỗ hiện tại (Hội Văn Học Nghệ Thuật Cà Mau) cô muốn sẽ về công tác ở một Hội Nông Dân ở vùng xa, vùng sâu hơn nữa, nơi không ai sẽ biết cô là nhà văn nhà báo (ít ra trong vài tháng đầu, cô nói đùa) để cô biết thêm về đời sống của họ. Nguyễn Ngọc Tư là như thế đấy.

Khi trao tặng Tư một quyển biên khảo mà tôi có tham gia, nhìn tay cô loáng thoáng lật nhanh trang giấy, tôi chợt nhớ chỉ vài năm trước đây chính bàn tay nhanh nhẹn ấy còn hái rau để má đem ra chợ bán mỗi sáng. Bàn tay hái rau, nấu cơm, rồi lật sách và cầm bút ! Những chuyển biến gần như huyền thoại của một phụ nữ đảm đang, một tài năng thiên phú. Có điều tôi hơi hổ thẹn là ngồi với Tư, tôi lại nói nhiều hơn Tư ! Nếu tôi là người nổi tiếng thì Tư có thể viết một bút ký " Gặp Tiểu Hằng Ngôn ở Cà Mau " tiết lộ những " tâm sự " của tôi, chắc tôi phải độn thổ !

Vậy bạn đừng quở tôi, nghe nói đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư mà sao không kể gì về Cà Mau, không kể gì về cô Tư hết vậy ? Bởi vì, cà-mau ở đây chính là sự bình dị của hàng trăm tỉnh làng trên mọi miền đất nước. Những tỉnh làng không hoành tráng, không nhiều danh lam thắng cảnh, thưa khách tham quan, và nghèo, nhưng là cái nôi, cái nguồn của sức sống dân tộc.Bởi vì, nguyễn-ngọc-tư ở đây là hình ảnh một phụ nữ miền Nam như rất nhiều phụ nữ khác, không phải là một trong " mười khuôn mặt tiêu biểu năm 2003 " (dù cô có là), một người đàn bà còn rất trẻ, không son phấn, bận bịu chồng con, chăm lo ba má, quần quật công việc cơ quan, và sáng tác.Và chuyến đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư của tôi là một cuộc trở về (vì tôi đã lớn lên ở đó) với ruộng vườn miền Nam ruột thịt, một cuộc viếng thăm (vì lại phải ra đi) những đứa em, đứa cháu, những bà con và bè bạn (mới và cũ) đang sống nơi ấy, vui, buồn, gian nan và thành đạt, nhưng trong tất cả là khí tiết của quê hương.

Dayton 20/8/2005
Tiểu Hằng Ngôn

[i] Tiểu Hằng Ngôn, "Nguyễn Ngọc Tư, đặc sản miền Nam," *Diễn Đàn*, số 137, 2/2004**.**

[ii] Tất cả những tác phẩm này bạn đều có thể đọc ở trang web http://www.viet-studies.org/NNTu/

Giới thiệu sách

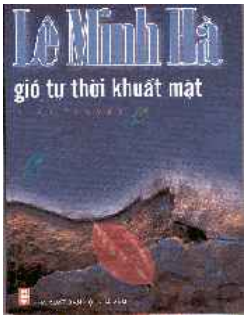
Gió từ thời khuất mặt

tiểu thuyết của

Lê Minh Hà

Nxb Hội nhà văn - 2005

Sách dày 360 trang, in đẹp, giá 40 000đ
Hỏi mua tại Trung tâm sách Thủy / Song Thuy Bookstore
20, Hạ Hồi, Hoàn Kiếm, Hà Nội – Tél. 04 9423287
Địa chỉ e-mail : songthuybookstore@hn.vnn.vn



Qua bao năm trời xa cách, người đàn bà vẫn giữ nguyên trong ký ức hình ảnh của cái nơi chốn thân quen ấy của tuổi thơ và của thời thiếu nữ. Từ cái ngõ có cây đa già và nhà hộ sinh, đến khu tập thể của nhà máy, nơi một số gia đình « văn hóa mới » của những năm 60 đã chen chúc nhau ở và chia sẻ cùng nhau những nỗi gian khổ của một thời chiến tranh. Mặc dầu không bao giờ có ý nghĩ trở về nơi chốn cũ nữa, nhưng người đàn bà ấy cuối cùng cũng đã quay trở về, ít ra trong hồi ức, để tìm lại những mảnh kỷ niệm của một thời, của mình và của những người thân yêu .

Những gì cô bé tên Ngân, khi lớn lên trở thành cô thiếu nữ cùng tên trong truyện, đã từng sống và chứng kiến ở nơi này, thì bây giờ « người đàn bà trẻ con » nhớ lại, sắp sếp lại, và viết lại. Năm tháng chắc hẳn đã gạn lọc đi nhiều những điều mà nàng không còn muốn nhắc đến nữa.

Do đó, *Gió từ thời khuất mặt* không phải là một thiên hồi ký, mà là một thiên tiểu thuyết, theo đúng nghĩa của nó, với một sự sắp xếp nghệ thuật nhất định, đôi khi với cả một sự hư cấu nhất định. Song, không phải vì thế mà nó không có giá trị nhân chứng.

Nó nói lên những điều mà người đàn bà trẻ con vẫn hằng nâng niu, ấp ủ trong đáy lòng mình trong bao nhiêu năm trời xa xứ : những kỷ niệm tuổi thơ, những khao khát, day dứt trong đời thiếu nữ, những quan hệ hàng xóm láng giềng trong cái khu tập thể đầy những chuyện hấp dẫn, rồi những mối tình nhẹ nhàng không đi đến đâu của Ngân với những người bạn trai cùng tuổi, rồi cái không khí của Hà Nội vào cái thời còn tương đối êm ả trước cơn lốc của cuộc đổi mới.

Gió từ thời khuất mặt là một áng văn xuôi đẹp, buồn, và cảm động. Nó có sức lôi cuốn và thuyết phục như chính câu chuyện mà nó chuyên chở.

Văn Ngọc

Chiều cà phê quán nhỏ

Lê Minh Hà

Chưa phải giờ tan tầm. Hay là rồi nhỉ ? Hà Nội bây giờ ở ngõ ngách nào hình như cũng thế. Bụi, và ồn. Những con đường mới mở ào ào xe. Còn phố cũ... Như thế này.

- Liệu bây giờ ở Hà Nội mình có thể kiếm được một chỗ nào yên yên hơn không ?

- Khó chị ạ. Chị chưa quen lại với Hà Nội phải không ? Muốn ở một nơi có vườn trong phố phải ra khỏi Hà Nội vài mươi cây số. Nhưng người ta không tới đó để uống cà phê và.. ngồi như thế này.

Như thế nào ? Người đàn bà kín đáo rướn vai kéo lại dây áo trong, bần thần. Mới đêm trước trên con đường Bắc Ninh Hà Nội, nửa khuya, anh nhà báo vừa nhấn ga vừa chỉ dãy phố đâm về phía sông Hồng : *Đấy! Chốn chơi đêm của người Hà Nội đấy. Phóng sự vân vân về tệ nạn xã hội thấm gì. Còn dọc đường lên Hòa Lạc...* Gió hắt tiếng và cả cát, vô vàn cát vào mặt người đàn bà. Có thể nào mới chỉ một đêm, một buổi sáng và một buổi trưa. Gió nóng và nắng ẩm.

Những ý nghĩ đứt đoạn. Người đàn bà ngả người vào lưng ghế. Khung nhựa. Không được êm lắm. Nhưng mà quả thích hợp với mùa hè. Nơi này. Nóng và ẩm. Phố trước mặt xe rầm rầm. Mặt người ào qua, lúc rõ lúc không. Tại sao về đây rồi mà có lúc mình có thể cảm thấy xa lạ chốn này nhỉ ? Chẳng lẽ chỉ vì cảm giác dấp dính da thịt, vì nóng, vì ẩm, ngay cả vì bụi ? Chẳng phải mình đã sinh ra lớn lên và đã từng có bao nhiêu là yêu thương nơi này ư, những mùa, những chiều, phải, chiều nơi này, sao mà... Thời gian xa, ừ, xa nhưng đâu phải là vĩnh viễn rời bỏ được. Lẽ nào đời sống mình đã thuộc hẳn về nơi chốn đó...

- Thế chị đã đọc thư em chưa ?

- Thư ? À ! Gửi vào địa chỉ nhà mình ở bên kia thì mình đành đọc muộn rồi.

- Không! Yahoo chứ. Chị cho em địa chỉ yahoo cơ mà. Thư đã đi.

- Thật sao ? Tại sao trong hộp thư mình không có nhỉ?

- Có phải thế này không ? - Người đàn ông nhìn vào mắt người đàn bà, đọc chậm - a còng... chấm... đê... ê.

Vậy là mình đã đọc địa chỉ thiếu. Vậy là thư đã tới một địa chỉ khác thật rồi. Và cái chính là một người xa lạ, không biết giới tính, tuổi tác, không rõ mặt mũi, tính nết, cái người vô danh tính ấy sẽ đọc nó. Người đàn ông thoáng bối rối. Người đàn bà cũng bối rối. Từ một tuổi nào đó người đàn bà đã nhận ra rằng một sự cố như thế này có thể làm thay đổi hoàn toàn một quan hệ và điều ấy rất nhiều khi thật đáng tiếc. *Có gì trong bức thư ấy nhỉ, mà cậu ta hỏi mình đọc chưa lần này là lần thứ hai. Từ bao giờ mình thôi không còn nhận được thư của một người con trai sau một lần gặp gỡ ? Không nhớ nữa.* Cậu ta... Một nét cười lướt qua mắt người đàn bà. Người đàn ông ngồi cùng với chị ta đây đâu còn là một chàng trai trẻ. Mái tóc. Hàm râu. Chơm chớm bạc cả rồi. Cặp kính gọng đen mắt nhỏ đủ thanh nhã, cũng đủ hầm hố, từ đó rọi ra những tia nhìn dò hỏi, khoan xoáy, độ lượng. Nói chung đầy vẻ từng trải. Và hấp dẫn. Người đàn bà gắng xóa thật nhanh ý nghĩ này. Tại sao anh bạn thân mến này lại gọi mình là chị xưng em một cách giản dị và chân thành thế nhỉ. Nói chung ở tuổi này người ta dễ dừng ở một cách xưng hô trung tính hơn. Chị - tôi. Anh - tôi. Đấy là những mẫu đứng đắn. Còn những người thích sưu tầm lại tuổi trẻ thì khác. Anh em em anh, dĩ nhiên. Bản thân người đàn bà nhớ cũng chưa từng xưng chị với người đàn ông. Mặc dù biết mình nhiều hơn vài tuổi. Bốn ? Hay ba ? Hay năm ?

- Nơi chị sống thế nào nhỉ ? Nói chung em không hình dung nổi.

Người đàn bà thôi kiếm tìm gì ở ngoài đường, quay lại, nhìn vào mắt người đàn ông. Không, không phải là một câu đưa đẩy. Có một mối quan tâm thật trong đó. Vẫn có một người đàn ông xa lạ muốn biết về mình ư ?

- Hình như... Ngôi nhà này mình từng đến. Dĩ nhiên ngày xưa chưa có quán cà phê này. Phải ... đúng rồi... Nếu đập bỏ những cái chỗ cơi nới và dỡ cái mái che này đi. Ngày xưa ngôi nhà này và nói chung phố này đẹp lắm, đúng không ? Mùa thu, hương hoa sữa thoảng từ Nguyễn Du về. Hàng cây, vỉa hè, biệt thự. Ngôi nhà này cũng vậy. Sân sau rộng. Phía trước là hàng rào sắt, chính cái chỗ mình đang ngồi đây này. Nếu mình không nhầm thì chủ nhà là Việt kiều. Chắc là Việt kiều yêu nước rồi. Ông ấy là bác sĩ nổi tiếng lắm. Bà ấy, với mấy chị em gái hay con gái cũng chả biết thường nhận đặt bánh ga tô...

Ô ! Cái thời xa lắc. Cái thời thiếu đói toàn phần. Người đàn bà, lúc đó còn là một cô gái nhỏ đã từng đứng nơi này, nâng niu cái bánh ga tô đặt vào làn, ngồi ghé lên xe đạp cho cậu bạn (sau này là người yêu, nhưng không bao giờ là chồng) đèo về, những sinh nhật bạn bè. Chiếc bánh tròn, màu bơ, màu kem, dịu dàng, thơm phức, tươi ngon. Như là hiện thân của một đời sống khác hoàn toàn, xa lạ hoàn toàn với thành phố này, ngày đó. Ngày đó, người ta cũng có bán bánh ga tô. Bodega. Bốn mùa. Và góc phố Thợ Nhuộm Quán Sứ. Những cái bánh ga tô xanh xanh đỏ đỏ trang trí bằng những bông hoa làm từ thứ kem thứ bơ quá đát chảy ra, biến dạng dưới sức nóng trong cái tủ kính con con đặt lề đường, hàng bằng lăng còi cọc trổ hoa tím ngắt ngơ bên bờ tường Hỏa Lò mà bốn góc nhìn lên bao giờ cũng thấy một gương mặt và một mũi súng... không hiểu tại sao lại hằn sâu như thế trong kí ức.

- Em không biết. Em hay ngồi đây bây giờ là vì cơ quan em ở ngay góc phố kia kìa. Và chỗ này, ở cái thành phố ồn ào này thì không quá ồn ào. Còn bánh gatô... Có thể thời bọn em lớn lên bà chủ nhà đã không còn làm nữa. Mà nói chung em không biết. Đấy là việc của bọn con gái. Xin lỗi, của các cô gái.

Người đàn bà cười theo người đàn ông:

- Đấy, ngày ấy ngôi nhà này thế đấy. Và phố này thì không phải là không quá ồn ào mà là yên tĩnh. Rất yên tĩnh. Những khoảng nắng. Lá. Gió. Bóng râm. Ve nữa. Mình rất thích phong thái ông bà chủ nhà này. Không biết họ có còn không ? - Người đàn bà ngần ngại nhìn anh chàng trẻ tuổi khật khừ đi

đi lại lại giữa những dãy bàn, tự hỏi đấy có phải là người phục vụ kiêm người nhà và chợt buồn vì một cái gì không biết nhưng rõ rệt lắm phân giữa những lớp người đã sống ở thành phố này.

- Ve... -, về mình cứ gắng lọc trong những thanh âm này tiếng ve... Nơi mình ở bên đấy cũng yên tĩnh như Hà Nội mình ngày trước. Và nắng gió... nhiều khi chả khác gì một sớm một chiều mùa xuân mùa thu quê hương mình. Nhưng đó không phải là Hà Nội. Không phải là Hà Nội.

Người đàn ông nhìn người đàn bà thả từng tiếng như nói với chính bản thân mình, đưa tay vuốt nhẹ bàn tay người đàn bà, nửa ân cần, nửa lơ đãng. Người đàn bà cười, lúng túng, như thể điều sẽ nói ra không đáng nói :

- Thật đấy. Giống, nhưng không phải là nơi này. Thử hình dung xem nhé... Buổi sáng, mình ngồi với tách cà phê nhìn ra vườn. Có con sóc dừng bước chạy trên hàng rào ngó mình. Yên tĩnh đến tưởng chừng không thật. Mình có cảm giác đời sống của mình cũng không thật. Còn ở đây, ngày đầu trở về, mình ngỡ bị đẩy bật ra khỏi dòng đời này. Chí ít thì mình cũng đã lo thắt cả bụng cho hai cái đầu gối lúc ông xe ôm lạng lách. Có ông còn hỏi chị có muốn đi xe một bánh không tôi chiều.

- Còn giờ thì chị nghiện xe ôm rồi chứ ? - Người đàn ông bật cười - Chị có thấy từ đó khái quát lên được cái gì không ?

- Chưa. Chỉ thấy buồn và buồn cười. Chẳng biết có phải người đi xa lâu năm nào về cũng thấy toàn cảnh kiểu Sông Lấp * thế này không ? Chẳng biết có được phép buồn không ? Vì một người Hà Nội như mình giờ muốn tới ngõ ngách nào cũng phải hỏi đường. Mà hỏi ai chứ ? Toàn hỏi người Nam Định. Ừ, đi xe ôm tỉ tê với ông lái nào cũng là một ông Nam Định cả.

- Họ chưa phải là người khổ nhất - Người đàn ông nói, gần như thì thầm, nhưng rõ ràng.

- Vậy ai là người khổ nhất ? - Với chai nước khoáng không ga đặt ở mép bàn, người đàn bà dốc vào cốc cà phê đá đã loãng tuệch - Mình trở về, đi đó đi đây, gặp gỡ. Cái giới của bọn mình chắc phải là giới thạo tin và nắm bắt tâm thế xã hội nhanh nhất chứ nhỉ ? Nhưng mình chưa hiểu gì cả. Có hôm ngồi trong nhà hàng máy lạnh, thấy bạn mình rút tiền trả, nói thật là giật mình. Ngoài kia, dưới nắng, anh hàng rong đang nâng niu sắp xếp mấy nải chuối trên tấm nilon. Y như ngày xưa. Một món hàng cồng kềnh, khó bảo quản và giá rẻ. Không biết một ngày đường xa nắng bụi anh ấy có kiếm được bằng tiền một tách cà phê cậu bạn vừa mời mình không ? Mình tự hỏi hai người đàn ông, bạn mình, thành đạt, giàu, và anh chàng kia, cam chịu, nhẫn nại trong cái nghèo, ai sướng ? Đúng hơn là có người nào thật hạnh phúc ?

Người đàn ông đột ngột ngả mình. Lưng ghế nhựa oằn xuống dưới sức nặng của bờ vai vạm vỡ. Người đàn bà gắng rời mắt khỏi người đối diện, gắng gạt đi một tưởng tượng. Một chiếc xe gầm lên, vọt từ vỉa hè số nhà bên xuống lòng đường. Giọng người đàn ông chứa một nhiệt tình bất ngờ :

-... vô cùng. Cái nước mình nó thế. Ông ... cái câu đến là hay. Giản dị mà bao quát tất cả, lí giải được tất cả. ... hăm hở, háo hức sống. Có phần nông nổi nữa. Cứ như thể chưa từng có một quá khứ thực ra rất gần, như thể không cần phải có quá khứ. Em tự hỏi ... về đâu... sự đủ đầy ngày càng một gia tăng này, sự phân cách... rộng này và cả cái ảo tưởng sẽ có tất cả sẽ chiếm lĩnh được tuốt tuột này. Liệu cái đỉnh mình đang hì hục trèo lên có phải người ta đã buồn nản ngồi trên đó mãi rồi không ? Là em nói chuyện chữ nghĩa.

Chữ nghĩa, đấy hình như là lí do đầu tiên để họ ngồi với nhau nơi này. Người đàn bà nhìn ra đường. Hàng cây thâm nghiêm ngày nào giờ tủn hoẳn bên những ngôi nhà tầng cao mặt hẹp. Hoa phượng ơ thờ rụng. Trong vòm phượng tội nghiệp kia liệu còn có chú ve nào? Hàng rào sắt này có phải vẫn là hàng rào xưa của đúng ngôi nhà xưa ? Tại sao mình ngồi đây và tại sao mình còn muốn ngồi đây như thế này mãi. Vệt nắng góc phố đằng kia thu hẹp rất nhanh. Sắp tối rồi. Đêm xuống thì sao nhỉ?

- Người Hà Nội... Bụi quá thể là bụi. Người ta bịt kín mít thế kia là phải. Nếu mình về lâu lâu chắc mình cũng phải thế thôi. Nhưng mà tiếc. Đàn bà con gái trông ai cũng như là cô gái mở đường. Nhan sắc Hà Nội bây giờ là thế ư ?

- Vâng. Nhưng mà chị sẽ nhận ra thôi. Người đất này vẫn thế. Vẫn tự kiêu. Giản dị là một hình thức để bày tỏ...

Người đàn bà thoáng giật mình. Mình có tự kiêu không nhỉ ? Đúng hơn là mình có tự tin quá không nhỉ? Và cả anh bạn thân mến này nữa ? Với cái cách ăn mặc có phần xông xênh này ? Bất giác mỉm cười và nụ cười còn lại mãi khi hai bàn tay nắm lấy nhau phút từ biệt. Như thể sự thân thiết tin cậy này đã từ lâu lắm và như thể chỉ ngày mai lại có thể gặp nhau bên một tách cà phê.

*

Hai hôm sau người đàn bà lên đường. Đêm, phút trước khi ra sân bay, người đàn bà mở máy tính, vào mạng. Trong hộp thư có duy nhất một mail. Đấy là bức thư lẽ ra phải được đọc từ hai tuần trước.

Em thích chị!

Màn hình rối rít hiện những mẫu quảng cáo. Hạ giá thực phẩm ở Plus. Nghỉ hè ở Tunisia. Đến là nhiều hứa hẹn. Liệu khủng bố có nằm trong những hứa hẹn ấy không ? Từ phía nhà thờ bên kia ngõ đột ngột phực lên tiếng loa giảng đạo. Đời mới thật. Ngoài ban công giàn hoa nhài dậy mùi hương đắm đuối và ngột ngạt dưới làn gió nóng yếu ớt và hình như chỉ có nó là cũ và thật. Người đàn bà thở dài, tắt máy, ý nghĩ chao đảo giữa những dòng thư và chuyến bay đêm, chả hiểu sao dừng ở dấu chấm than. *Thành phố này, cơn gió nóng ẩm này, bụi và sự ồn ào quá mức này vẫn là một thứ heroin. Tại sao. Và cả dấu chấm than...* Hay chính là bởi dấu chấm than, người đàn bà nghĩ, cảm giác như bị say nắng.

6. 8. 2005

Lê Minh Hà

* Chú thích : Sông kia rày đã nên đồng - Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai - Vắng nghe tiếng ếch bên tai - Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò. (Tú Xương - *Sông Lấp*)

Phạm Lưu Vũ

Chị Cả Bống

*Truyện ngắn **Chị Cả Bống** xuất hiện đầu tiên trên báo Người Hà Nội, số ra ngày 8/6/05. Lập tức toàn bộ số báo bị tịch thu. Trước đó, nó nằm trong tập truyện ngắn của nhà xuất bản nhưng chưa được in. Theo một số nguồn tin, phó tổng biên tập Người Hà Nội đã bị cách chức (chúng tôi chưa phối kiểm được thông tin này).*

Chiều tà, một người đàn ông phóng như ngựa phi nước đại về phía tây thành phố, nơi ấy có nhà tù với cái tên rất đẹp là " Hoà khí ". Tới cổng gác, ông ta trình thẻ căn cước cho lính canh. Sau khi xem chứng minh thư, lính canh dẫn ông vào văn phòng nộp hồ sơ. Một người đứng tuổi đeo kính trắng nhận hồ sơ rồi bảo:

- Dẫn tới khu nhà chờ, đợi thẩm tra hồ sơ, ba tuần sau có kết quả.

Lính canh lại dẫn ông ta đi, khu nhà chờ gồm vài dãy nhà cấp 4 sập xệ và rêu mốc, rất đông người ở kín các gian phòng, đàn ông, đàn bà, lớn bé, già trẻ, đủ cả... Điều kiện sinh hoạt rất tồi tệ song không ai ta thán, đơn giản họ chỉ ở lại đây có vài tuần. Từ khi lập ra khu nhà chờ này không lúc nào vơi người. Ngày nào cũng có người đi lại, ngày nào cũng có người đến. Giống như người đàn ông kia, mọi người chờ thẩm tra hồ sơ, nếu đủ tiêu chuẩn sẽ được vào tù. Tiêu chuẩn đơn giản nhưng không phải không kỹ càng, chỉ những người lương thiện không dính tý lưu manh nào mới được vào tù. Tất nhiên lũ bất lương đừng hòng bén mảng tới.

Chẳng ai lấy làm ngạc nhiên, ở xứ xở này, không có chuyện gì là không xảy ra kể cả những chuyện ngược đời, đơn giản mọi người không những thích đùa mà còn đùa rất dai. 5 giờ rưỡi sáng, kỹ sư Hoàng thức dậy, vợ và đứa con trai mười tuổi của anh đang ngủ say. Đứa con gái 17 tuổi của anh đêm qua không về, chị giúp việc cũng đã dậy từ lúc nào, đèn dưới bếp hắt lên mấy vệt sáng le lói qua khe cửa. Mười phút cho việc vệ sinh cá nhân, 25 phút cho việc mở các loại cửa. Như mọi nhà trong thành phố, từ lâu anh đã biến căn hộ của mình thành một pháo đài. Các cửa sổ ngoài việc lắp chấn song bằng thép dày, còn được giằng ngang ba ống thép to bằng cổ tay, chia đều từ trên xuống dưới. Cửa đi cũng bằng thép đúc, bên ngoài dán một lớp gỗ mỏng. Tính từ trong ra đến cửa, còn năm lớp cửa như thế, tất cả đều có khoá đặc biệt, mỗi cửa gồm ba chiếc khác loại nhau. Mở đến lần cửa cuối cùng thì vợ con anh cũng vừa trở dậy. Những việc chuẩn bị cho một ngày mới diễn ra đã thành nếp. Sau khi dặn dò kỹ lưỡng chị giúp việc hai vợ chồng dắt xe đi làm. Chị kiêm thêm nhiệm vụ đưa con tới trường, chiều về ghé qua chợ mua thức ăn cho ngày hôm sau. Trước khi ra cổng, anh một lần nữa kiểm tra trên người vợ con xem có đeo bất cứ loại trang sức nào không, nhắc vợ cẩn thận kẻo bị cướp... Anh lại lần lượt khoá tất cả các cửa từ trong ra ngoài, trong lúc vợ đứng giữ xe. Đứng bên ngoài thò tay qua các lỗ cửa thực hiện những thao tác của người mù, mười phút nữa cho công việc ấy, xong xuôi vợ chồng con cái chia thành hai ngả phóng xe đi.

Kỹ sư Hoàng làm việc tại một cơ quan thiết kế gần trung tâm thành phố. Mới ngoài 40 mà tóc anh đã gần như bạc trắng, thằng con trai lớn 19 tuổi đang ở trung tâm cai nghiện, đứa con gái thứ hai 17 tuổi đua đòi chúng bạn bỏ cả học đi vũ trường thâu đêm, suốt sáng. Không phải vợ chồng anh không biết dạy con mà là bất lực. Con đường đời biết bao nhiêu cạm bẫy, nó gài khắp mọi nơi, mọi chốn, gài trên mỗi bước chân. Già đời chững chạc như vợ chồng anh, ngày nào cũng phải nhắc nhau từng tí một mà vẫn ngay ngáy lo rằng không biết lúc nào, cái bẫy nào sẽ ụp xuống mình đây ?

Kỹ sư Hoàng chợt lạnh người. Có tiếng còi nghe rợn tai, một cảnh sát giao thông bước quả quyết từ trên vỉa hè xuống đường vừa tuýt còi, vừa chỉ thẳng cái dùi cui vằn vện vào mặt anh, một cảnh sát khác ngồi vắt vẻo trên yên xe máy phân khối lớn sơn màu trắng. Chưa kịp hiểu mình có sai luật hay không anh vội đạp phanh, chiếc xe dừng tắp lại.

- Kiểm tra giấy tờ ! Người cảnh sát vừa rút chiếc còi ra khỏi miệng vừa giơ tay lên mũ chào như một cái máy, vừa ra lệnh cho anh. Cầm giấy tờ của anh đưa cho anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe phân khối lớn, anh cảnh sát ấy lại tiếp tục đút còi vào miệng cầm gậy trỏ xuống đường chọn bắt xe khác. Anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe phân khối lớn, lướt qua đống giấy tờ của một anh khác. Không nói năng anh ta đưa mắt ngó lơ đi chỗ khác như thể chờ ai đến đọc giùm. Cũng như một cái máy, kỹ sư Hoàng dựng xe, móc bóp, rút ra một tờ đẹp đẽ vuông vắn có in hình lãnh tụ, bước tới chỗ anh ta.

Đến cơ quan, vừa kịp giờ làm việc, chuông điện thoại reo. Đầu dây bên kia là một thẩm phán toà án, người đang xử lý vụ kiện đòi nợ của cơ quan anh. Bằng một giọng rất lễ phép anh thẩm phán nhắc khéo anh rằng vụ kiện của cơ quan anh sẽ có thể bị đình chỉ vì phía anh chưa nộp chi phí cho việc thẩm tra. Nhân tiện anh ta nhắn rằng bữa nhậu chiều qua vì điện thoại cho anh không được mà anh ta và đám chiến hữu bên viện kiểm soát phải ký nợ nhà hàng một khoản kha khá, lúc nào anh ghé qua thanh toán giùm...

Chiều hôm đó về nhà, kỹ sư Hoàng chưa kịp mừng vì tin cô con gái đã trở về đang nằm bẹp trên gác thì đã nghe vợ mếu máo báo tin chiếc xe máy của chị bị cướp, mẹ con phải đi bộ về. Thực ra chị đã dối anh, chiếc xe máy đó chị đã buộc phải thế chấp để chuộc cô con gái từ cái động của một mụ tú bà, vì cô còn nợ mụ một khoản tiền vay mua son phấn với mức lãi 40 % một ngày. Thế coi như của đi thay người. Kỹ sư Hoàng chưa kịp phát điên lên vì giận dữ thì may quá nhà có khách. Ông trưởng khu phố và mấy cán bộ của Uỷ ban lừng lững bước vào :

- Chúng tôi đến nhắc anh về khoản đóng góp xây nhà tù - ông trưởng khu vào đề ngay - nhân tiện báo để anh biết tháng trước có xe chở vật liệu đến đây, anh đã thuê thợ sửa nhà mà không xin phép. Uỷ ban đã nắm được việc này, nếu anh

không thu xếp ngay thì sẽ bị lập biên bản thu giữ giấy tờ nhà, giấy tờ đất.

Kỹ sư Hoàng ngớ ra, quả thật tháng trước anh có thuê thợ lắp thêm một lần cổng nữa, phải xây mấy mét vuông tường, tưởng việc nhỏ, không phải xin phép, ai ngờ... Thôi đành " thu xếp " cho mấy vị trong Uỷ ban, nhưng còn khoản đóng góp xây nhà tù ?

- Can phạm bây giờ nhiều quá ông trưởng khu phố giải thích. Đấy anh xem, trong nhà gặp lưu manh, ra đường đụng kẻ cướp, đủ các kiểu ăn cướp ; rồi còn lũ ăn trộm, lừa đảo cho vay nặng lãi, nhà tù nào cũng chật ních, phải xây thêm. Ngân sách không kham nổi phải áp dụng phương pháp " Nhà nước và nhân dân cùng làm ". Phố ta được giao chỉ tiêu góp vốn xây 500 mét vuông nhà tù, thế mà ngẫm lại vẫn chưa đủ cho số tội phạm của chính phố ta đang nằm trong đó, chưa kể số sắp phải vào tù nay mai...

Đoàn cán bộ khu phố về được một lúc thì lão Tiến cụt giò đến, đó là một lão già vô tích sự nhà kế bên. Lão bị cụt một bên giò từ hồi chiến tranh, giờ sống bằng số tiền thương tật, thỉnh thoảng con cháu dấm dúi gặp chăng hay chớ cho thêm. Suốt ngày chẳng làm trò gì, chỉ hay la cà hết nhà này đến nhà khác kiếm câu chuyện làm quà. Nhà kỹ sư Hoàng là một trong những nơi lão hay mò đến. Lão dở hơi ấy liến thoắng như thể đã tỏ tường mọi chuyện :

- Họ đến đòi tiền đóng góp xây nhà tù phải không ? Anh kỹ sư này tôi nói anh xem có đúng không nhé : - Làm người lương thiện bây giờ vất vả quá, phải góp tiền xây nhà tù cho bọn bất lương ở, lại còn phải nai lưng nuôi chúng nữa, trong khi bọn lưu manh ngày càng chiếm đa số, người lương thiện ngày càng giảm đi. Biết đâu đến một lúc nào đó, những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình. Khi ấy tất nhiên bọn lưu manh tha hồ ở ngoài, vì lương thiện bây giờ đâu có nhiều nhặn gì, vừa bắt chính bọn chúng phải nai lưng ra làm đề nuôi người lương thiện, như thế có phải là công bằng không ?

Kỹ sư Hoàng phì cười vì cái lý sự ấy của lão Tiến cụt, vừa lúc ấy, chuông điện thoại trong nhà đổ dồn, vợ anh nghe xong, mặt tái mét ra báo tin dữ :

- Anh tới ngay bệnh viện Chúng Sinh. Thằng Phúc con chị cả bị cướp giật té xe, chấn thương sọ não đang nằm cấp cứu trong ấy.

Chị Cả Bống là chị gái kỹ sư Hoàng ở dưới quê, anh chị có ba thằng con trai thì hai thằng lớn theo bố làm nghề xin đểu kiêm trấn lột ở bến đò Đuôi Cáo bị đâm lòi ruột, chết cả ba bố con từ năm kia. Cũng là cái số thôi. Làng khối người làm nghề ấy hoặc hao hao nghề ấy mà có sao đâu, chỉ thỉnh thoảng lại thấy đi ở tù, vài năm về còn lưu manh hơn trước. May còn lại một mình thằng út tên Phúc ngoan, hiền, học giỏi. Năm ngoái đỗ đại học lên ở ký túc xá. Nó thương cậu mợ Hoàng nghèo nên không muốn nhờ vả. Chị Cả bán hết mảnh vườn còn lại sắm cho nó cái xe máy cũ làm phương tiện đi lại. Hôm ấy đang làm cỏ ngoài đồng có người gọi về cái trạm điện thoại công cộng ở đầu làng báo tin nó bị nạn. Chị nghe nhắn lại mà muốn quỵ luôn xuống ruộng. Vội vã chạy về nhà, chị vét vội mấy bơ lạc, bơ gạo nếp cho vào mấy cái bao ruột tượng tất tả chạy ra bến đò Đuôi Cáo. Vừa mới mon men gạ bán ở các hàng quán quanh đó, bất ngờ gặp mấy anh quản lý thị trường, chị bị bắt vào trụ sở. Lạy van thế nào họ cũng không nghe, còn dẫn hết " nghị định 01 " đến " thông tư 04 " gì đó ra đọc sang sảng vào hai cái tai đã chỉ còn nghe thấy tiếng lùng bùng của chị. Kết quả mấy bơ lạc ấy bị tịch thu vì lý do bao bì không có nhãn hiệu hàng hoá !

Thật khốn khổ cho chị, chỉ do cuống lên vì đứa con cuối cùng còn sót lại đang gặp nạn, muốn bán tống bán tháo mấy món tài sản ít ỏi ấy cho thật nhanh để lấy tiền đi xe lên thành phố. Chứ có phải chị buôn gian bán lận gì đâu ? Còn tiền thuốc thang, nói dại, nếu nó bị nặng chị chưa biết sẽ trông vào đâu, một viên thuốc cảm bằng cái cúc áo bây giờ giá bằng ba bốn cân thóc. Giờ thì ngay đến việc lên nhìn mặt con cũng bị chặn đứng lại rồi. Không có tiền ai người ta cho chị đi xe hàng trăm cây số ? Càng nghĩ chị càng quýnh quáng chân tay, cuống cuồng, đứng chôn chân một chỗ, đầu óc mụ đi, mắt ráo hoảnh, vô hồn nhìn phía trước như một bức màn sương... bỗng từ trong cái màn đục lờ ấy, một bóng trắng hiện ra quằn quại, máu bê bết hiện ra chập chờn lúc xa xa, lúc ập ngay trước mặt, gió lạnh quất gai người. Phảng phất màu tanh của máu tươi. Tai chị nghe rõ ràng tiếng kêu cứu của đứa con trai. Chị bàng hoàng nhận ra đó là tiếng rên từ địa ngục, tiếng của một âm hồn không còn ở cõi nhân gian này nữa:

- Mẹ ơi, con chết rồi. Họ đang mổ bụng con. Mẹ ơi...

Chị cả Bống hốt hoảng lao tới, giơ hai tay túm lấy bóng con, chợt cái bóng như có người giằng lấy, chập chờn quăng qua quăng lại trước mặt chị rồi mờ dần mờ dần, vẫn còn ri rỉ tiếng kêu cứu của oan hồn, rồi tất cả lịm đi. Cả tiếng kêu cứu lẫn cái bóng máu me chợt tắt ngấm bởi một tràng cười ré lên sằng sặc như của lũ ma quỷ nhưng không phải vọng lên từ địa ngục, tiếng cười ấy rõ ràng đang ở cõi nhân gian hiện hữu này...

Chị cả Bống sau này phát điên không về làng nữa, cứ lê la liếm láp ở quanh cái bến đò có cái tên rất ấn tượng là bến đò Đuôi Cáo ấy. Nhưng chị không điên ngay lúc đó, có người chứng minh là sau khi ra khỏi trụ sở ban quản lý thị trường chị vẫn còn tỉnh táo nhớ ra trong người còn sót mấy đồng tiền lẻ. Chị lần vào trạm điện thoại công cộng gọi điện báo cho cậu em trai. Đó là tất cả những gì chị làm được cho đứa con. Sau đó chị mới phát điên.

Kỹ sư Hoàng đến bệnh viện Chúng Sinh thì trời đã tối. Tìm tới phòng cấp cứu, anh hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, cô hộ lý mặc blu trắng bảo :

- Biết ai là phúc với hoạ gì ở đây. Đi mà hỏi trực ban.

Phòng cấp cứu rộng mênh mông, đầy những giường là giường, giường nào cũng ít nhất hai người nằm trở đầu đuôi. Đủ các kiểu tai nạn, vỡ đầu, gãy chân, lòi ruột, lòi xương. Ánh đèn nê ông trắng bệch soi loang lổ những máu me bông gạc. Nồng nặc một thứ mùi vừa tanh tanh máu, vừa ngầy ngậy thuốc tây. Bóng những blu trắng đi qua lại giữa các giường như ma trơi. Làm sao nhận ra đứa cháu bây giờ ?

Kỹ sư Hoàng vội vã đến phòng trực ban. Phòng trực ban cấp cứu nằm cuối dãy hành lang đầy những kẻ nằm người ngồi vạ vật rất chi là bệ rạc. Trong phòng có mấy người cũng mặc blu trắng đang chụm đầu bàn bạc nhỏ to :

- Cái mật hôm trước bán vội quá. Ngay hôm sau có người tới trả cao hơn cả chục triệu, tiếc đứt ruột - một người nói.

- Cái này đếch bán nữa, đem ngâm rượu. Hũ rượu trước hết con mẹ nó rồi. Mấy lão hen suyễn kinh niên uống vào là

khỏi, để giành bán cho các lão ấy. Gớm họ vừa chi tiền vừa cám ơn rối rít ấy chứ – một người khác nói.

– Thôi được rồi ! Người thứ ba nói – các ông xuống làm ngay đi, thằng này căn cước ghi rõ ràng : – 19 tuổi. Đã kiểm tra, đảm bảo còn nguyên dương (đàn ông chưa xuất tinh lần nào) chết do chấn thương sọ não vừa được mấy phút. Cái mật này mới tuyệt hảo, để quá hai tiếng có mà hỏng mẹ nó cả chì lẫn chài. Đã điện thoại cho bên công an rồi, họ bảo cứ mổ đi, có gì đừng " quên " họ là được.

Hai người kia vội vã đứng dậy lao nhanh ra khỏi phòng, vừa lúc ấy kỹ sư Hoàng bước vào :

– Bác sĩ làm ơn cho hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, 19 tuổi, sinh viên năm thứ hai, nghe nói bị chấn thương sọ não có cấp cứu ở đây không, nằm giường số mấy ? Tôi là cậu ruột cháu – kỹ sư Hoàng vừa hỏi vừa tự giới thiệu.

Anh bác sĩ còn lại trong phòng thoáng một chút giật mình. Anh ta làm như nghĩ ngợi điều gì rồi ngập ngừng :

– Tên Phúc, sinh viên, 19 tuổi.. A... anh... à bác ngồi chờ cháu một lát.

Linh cảm thấy có gì nghiêm trọng xảy đến với đứa cháu, lại cứ tưởng anh bác sĩ kia vì thông cảm với nỗi đau của mình mà chưa nỡ nói ngay. Kỹ sư Hoàng vừa lo sợ vừa cảm động nhìn anh bác sĩ đang cúi gằm mặt, tay lần giở một cuốn sổ to tướng chậm rãi lần một hồi. Mồ hôi đã toát ra lấm tấm trên khuôn mặt đỏ như gà chọi, anh bác sĩ chợt ngẩng lên bảo :

– Trong sổ này không thấy có tên Phúc. Bác ngồi đây chờ cháu đi lấy sổ khác. Nhớ là đừng đi đâu đấy.

Nói xong anh ta gập sổ rồi vội vã ra khỏi phòng, không quên đóng sập cửa lại, còn một mình trong phòng, kỹ sư Hoàng lòng như lửa đốt. Bỗng chuông điện thoại reo vang, một hồi, hai hồi... chừng như người đầu dây bên kia có việc cần gọi cho bằng được. Kỹ sư Hoàng do dự giây lát rồi nhoài người với lấy cái ống nghe, định nói cho bên kia chờ lát nữa gọi lại. Vừa áp ống nghe lên tai, kỹ sư Hoàng chợt nghe ngay một giọng nói dằn từng tiếng :

– Trực ban cấp cứu phải không ? Bảo với pháp y rằng cái mật lần này tuyệt đối không được bán nghe chưa ! Chú Sáu bên Uỷ ban đăng ký rồi đấy.

Kỹ sư Hoàng chưa kịp hiểu mô tê ra sao thì người đầu dây bên kia đã dập máy. Sau khi định thần suy nghĩ kết hợp với mấy câu cuối nghe được loáng thoáng lúc mới bước vào phòng, kỹ sư Hoàng chợt lạnh người với một nỗi nghi ngờ. Anh với cuốn sổ lúc nãy mở ra. Ngay giữa trang cuối cùng, rõ ràng có tên nạn nhân Nguyễn Hồng Phúc, 19 tuổi, sinh viên, té xe, nhập viện lúc... giờ... ngày – người đưa đến : Phạm văn A – bạn cùng lớp. Bỗng cánh cửa sịch mở, anh bác sĩ khi nãy ùa vào. Nhìn thấy cuốn sổ trên tay kỹ sư Hoàng, anh ta thoáng một giây bối rối rồi lập tức liến thoắng :

– Cháu quên không đọc trang cuối, đúng là có...

Anh ta chưa kịp nói hết câu kỹ sư Hoàng đã ngắt lời :

– Tôi biết hết rồi, anh không phải giải thích.

Rồi chẳng muốn nói gì thêm, nữa kỹ sư Hoàng ném trả cuốn sổ, hấp tấp lao nhanh ra khỏi phòng, anh bác sĩ hé cửa ngó theo, hơi lắc đầu, mỉm một nụ cười ý nhị rồi đóng cửa lại, ung dung quay vào. Chuông điện thoại lại reo, anh ta cầm lấy ống nghe :

– Dạ... dạ... à thế ạ... Báo cáo, xong xuôi cả rồi ạ. Thế thì chú nói chú Sáu chuẩn bị rượu tốt để ngâm, cháu sẽ bảo anh em mang sang ngay bây giờ ạ.

Kỹ sư Hoàng xuống đến nhà xác thì Phúc đã nằm trong ngăn lạnh. Một không khí thê lương sặc mùi tử khí. Nền nhà vương đầy những bó nhang cụt, những cục nến gãy, những mẩu giấy tiền vàng mã... làm quang cảnh nơi đây giống như vừa xảy ra một vụ cướp. Viên quản lý nhà xác nghe trình bày, quan sát anh từ đầu đến chân bằng cặp mắt âm u như cặp mắt quỷ rồi chẳng nói chẳng rằng, ông ta lừ lừ tiến đến kéo một ngăn tủ ra. Kỹ sư Hoàng lạnh toát người nhìn trân trân cái xác... " Đúng thằng Phúc rồi, chị Cả ơi, khổ thân chị quá "... Không giữ nổi bình tĩnh, anh khuỵu xuống gục đầu vào ngăn tủ. Mùi máu tanh tưởi ập vào giác quan. Anh chợt tỉnh, ngẩng phắt lên, lấy tay lật manh áo trước bụng đứa cháu... một vết mổ cẩu thả còn chưa khít miệng với mấy mũi khâu vội vàng, dúm dó :

– Các người đã mổ cháu tôi... các người đã... Tôi sẽ kiện, kỹ sư Hoàng gào lên trong nước mắt

– Híc... viên quản lý nhà xác cất tiếng, giọng cũng âm u như phát ra từ bụng gã – Tha hồ cho ông kiện, tất cả những cái chết bất đắc kỳ tử thế này đều phải mổ hết, luật pháp quy định như vậy. Hừ có mà điên mới đi kiện luật pháp. À mà tôi đã vi phạm nội quy khi cho ông xem xác, lấy gì chứng minh ông là người nhà bây giờ ? Mời ông đi khỏi đây. Nói xong gã đưa tay đóng sập ngăn tủ lại.

– Nhưng tôi... kỹ sư Hoàng chưng hửng... vậy còn cháu tôi ?

– Trước hết phải có giấy tờ chứng minh ông là người nhà của nạn nhân đã, rồi sau đó phải làm đầy đủ thủ tục mới mang được lấy xác ra khỏi đây. Mà ông định cõng xác trên lưng mang về hay sao ? Viên quản lý lạnh lùng phán.

Kỹ sư Hoàng có vẻ hiểu ra những việc cần làm, anh thất thểu bước ra khỏi nhà xác gọi điện về nhà bảo vợ chuẩn bị căn cước, sổ hộ khẩu lên phường xin giấy chứng nhận rồi tìm đến một tiệm bán quan tài. Ông chủ tiệm quan tài có tên " Nhân nghĩa đường " hăng hái đón khách. Chỉ vào đống quan tài đủ các kiểu loè loẹt đang bày la liệt, bảo kỹ sư Hoàng :

– Tuỳ bác chọn cái nào thì chọn. Bác cho biết địa chỉ, số nhà, giờ khâm liệm... chúng tôi sẽ cho người đến lo liệu.

– Không phải liệm ở nhà mà là ở nhà xác bệnh viện chúng sinh. Kỹ sư Hoàng ngắt lời

– Thế thì không được rồi. Ông chủ Nhân nghiã đường lắc đầu – tôi không bán được cho bác đâu, cũng không làm gì được hết.

– Tại sao lại như thế ? Kỹ sư Hoàng kinh ngạc thốt lên ?

– Chắc đây là lần đầu tiên nhà bác có người chết ở bệnh viện – ông chủ Nhân nghĩa đường giải thích – bệnh viên có luật của họ, muốn lấy được xác ra phải có cửa. Quan tài mua tiệm nào do họ chỉ, khâm liệm, ma chay... tất tần tật do người của họ làm hết. Có thế họ mới ăn chứ, độc quyền mà.

– Té ra phải như vậy. Kỹ sư Hoàng cay đắng nghĩ rồi rời khỏi tiệm Nhân nghĩa đường. Quay lại chỗ nhà xác chờ một lúc lâu thì vợ anh mang giấy tờ tới. Mấy đứa bạn học của Phúc biết tin cũng đã tìm đến, mang theo nhang hoa và trái

cây. Lúc này đêm đã gần khuya, mắt đỏ hoe vợ anh mếu máo :

- Ối anh ơi, vẫn chưa thấy tăm hơi chị cả đâu, em đến nhà ông chủ tịch nói mãi ông ấy mới ký cho cái giấy chứng nhận, lại vừa đóng lệ phí, vừa bồi dưỡng hết mấy trăm. Cháu nó nằm đâu để em vào thắp nén nhang cho cháu.

Kỹ sư Hoàng dẫn vợ và đám bạn của Phúc vào, trình mớ giấy tờ cho viên quản lý. Gã này săm soi một lát rồi lắc đầu :

- Không được, trường hợp này công an còn phải điều tra, vả lại khi nãy ông còn định kiện tụng gì nữa cơ mà ? Sáng mai đến giải quyết.

- Chẳng lẽ để đứa cháu lạnh lẽo qua đêm không một chút khói nhang an ủi linh hồn ? kỹ sư Hoàng lúc này đã mụ mẫm hết tinh thần, cụt què cả ý chí, anh chỉ còn biết vớt vát như một cái máy :

- Tôi xin ông, ấy là tôi chót nhỡ mồm. Tôi không kiện tụng gì đâu. Mọi việc giao cho các ông " lo " hết. Chỉ mong sao mang cháu về nhà...

- Vậy thì về viết cam đoan đi, viên quản lý hạ giọng - nhưng cứ phải sáng mai mới giải quyết. Không có giấy của công an thì bố tôi cũng không dám giao xác cho các người.

Sáng sớm hôm sau. vừa thò mặt đến cổng nhà xác bệnh viện Chúng Sinh đã có mấy kẻ mặt mũi rất chi là khả nghi túm lấy kỹ sư Hoàng.

- Xác của bác là xác tai nạn giao thông phải không ? Giá chót tám triệu, chúng em lo mọi thủ tục chiều lấy xác ra... quan tài khâm niệm 12 triệu nữa bao trọn gói - một người trong bọn bảo.

- Tại sao lại phải đến chiều ? Làm ngay trong sáng nay không được sao ? kỹ sư Hoàng hỏi lại.

- Hì các bác này đúng là chưa " chết " lần nào. Phải đợi công an người ta hoàn tất hồ sơ chứ... một người khác giải thích - mà chúng em phải đưa bác đến làm tờ khai, chiều lấy được là con nhanh, với điều kiện phải có bồi dưỡng... không thì cứ đợi đấy.

Đám người ấy quả là thạo việc, rốt cục chiều hôm ấy kỹ sư Hoàng cũng đưa được xác đứa cháu về nhà sau khi đã được khâm liệm cẩn thận. Vẫn không thấy bóng dáng chị cả đâu, linh tính xảy ra chuyện chẳng lành, kỹ sư Hoàng bàn với vợ cùng mấy đứa bạn của Phúc trông nom nhang khói, để anh về làng đón chị Cả lên :

Có mấy kẻ lạ mặt lảng vảng ngoài cổng nghiêng ngó hỏi thăm, mấy đứa bạn của Phúc chạy ra nghe ngóng rồi vào bảo :

- Mấy thằng cò nghĩa địa bác ạ. Nó bảo đất chôn mặt tiền lối đi là 12 triệu, phía trong tám triệu, chưa kể tiền lo giấy phép chôn và công đào huyệt lấp đất xây mộ, tuỳ theo to nhỏ tính riêng. Nếu túng tiền thì chôn đứng. Chôn đứng rẻ hơn một nửa, tất nhiên đất rộng chỉ bằng 1/3. Nghĩa địa bây giờ khối người phải chôn như thế, thành ra đầy những ma đứng, linh hồn đứng, đứng vĩnh hằng.

Vội vã phóng về quê, kỹ sư Hoàng hoảng hốt lạnh người khi hàng xóm bảo chị Cả Bống đã lên thành phố từ chiều hôm qua, mấy nhà khác thấy anh về đổ đến hỏi thăm. Có người chợt nhớ ra bảo :

- Sáng nay đi chợ thấy ở bến đò Đuôi Cáo có ai nhang nhác bác Cả Bống ấy. Hay là bác sang tìm thử xem.

Không kịp suy tính, kỹ sư Hoàng vội vã lao sang bến đò, tìm khắp các hàng quán hỏi thăm, ai cũng lắc đầu. Chợt anh nhìn thấy dưới bờ sông sát mép nước, một người đàn bà đầu tóc rũ rượi đang ngồi ném những nắm cát xuống dòng sông... kỹ sư Hoàng vừa nghi hoặc, vừa thận trọng tiến lại gần... Ai như chị Cả ? Anh cất tiếng gọi... một tiếng, hai tiếng... Người đàn bà chợt quay phắt lại... Đúng là chị, chị nhìn anh với đôi mắt thất thần, khuôn mặt răn reo, lem luốc cát. Bỗng chị lảo đảo lao đến, ôm chầm lấy anh, gào lên nức nở :

- Ối ! Con ơi, con về với mẹ đây rồi, người ta cướp cái gì của con, con chết có đau không ? Con về đây báo oán mẹ... mẹ không đến được với con... con ơi.

Cứ thế chị gào mãi, gào mãi, tiếng gào rợn cả một khúc sông. Kỹ sư Hoàng hai tay nâng khuôn mặt chị, miệng hoảng hốt nhắc đi nhắc lại : Em đây mà, Hoàng đây mà !

Song chị đâu có nghe, đâu có thấy, chỉ một mực gào tên con... dần dần tiếng chị khản đặc chỉ còn như tiếng thở lào phào... Người chị bỗng lả đi, từ từ khuỵ xuống. Kỹ sư Hoàng quỳ xuống theo, hai chị em ôm nhau quỳ trên bãi cát, hoàng hôn bắt đầu buông, trăng chiều rực lên đỏ thẫm. Qua màn nước mắt, anh cảm thấy tất cả không gian như chìm trong biển máu, bên tai anh chợt vọng lên văng vẳng giọng nói của lão Tiến cụt hôm trước:

Làm người lương thiện bây giờ vất vả quá... biết đâu đến một lúc nào đó những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình.

Phạm Lưu Vũ

Diễn Đàn *Forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : http://www.diendan.org

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode) ; hoặc qua E-mail (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)